

VN-Index tăng 1,1%

Ngày báo cáo

28/4/2026

Phòng Nghiên cứu & Phân tích

research@vietcap.com.vn

+8428 3914 3588

Điểm nhấn thị trường

VN-Index tăng 1,1%

VN-Index tăng 1,1% (+22,6 điểm) vào thứ Ba, đóng cửa phiên giao dịch tại 1.875,8 điểm. Các cổ phiếu Vingroup tăng điểm bù đắp áp lực giảm từ các lĩnh vực khác. Toàn sàn ghi nhận 107 mã tăng, 210 mã giảm và 52 mã đi ngang. Thanh khoản tăng nhẹ so với phiên trước, đạt 19,4 nghìn tỷ đồng.

- Các cổ phiếu Vingroup gồm VIC (+6,3%), VHM (+6,9%), VRE (+6,9%) và VPL (+3,4%) đều tăng mạnh.
- Nhóm ngân hàng, STB (+4,9%) và TCB (+1,0%) ghi nhận mức tăng mạnh, trong khi VCB (-1,3%), BID (-1,5%), LPB (-1,5%) và HDB (-1,1%) giảm điểm.
- Nhóm cổ phiếu dầu khí gồm BSR (-6,4%), PLX (-6,9%) và PVD (-2,9%) giảm mạnh.
- Các mã tăng đáng chú ý ở các nhóm ngành khác bao gồm công ty công nghệ FPT (+1,4%), hãng bia SAB (+3,2%), công ty chứng khoán TCX (+1,6%), và các nhà bán lẻ MWG (+2,5%) và FRT (+2,1%). Các mã giảm nổi bật bao gồm công ty tiện ích GAS (-6,1%), công ty trang sức PNJ (-4,3%) và nhà sản xuất cao su GVR (-1,0%).

Dữ liệu thị trường

	VNI	HNI	UPCOM
Điểm	1853,3	252,0	127,5
% Δ	-0,9%	-0,5%	-0,6%
- % Δ 1 tuần	1,1%	-0,5%	-1,3%
- % YTD	3,9%	0,6%	5,6%
- % YOY	51,1%	19,2%	38,3%
GTGD			
- Hôm nay (triệu)	\$734,9	\$48,4	\$19,6
- TB 1 tháng (triệu)	\$919,1	\$55,1	\$20,7
- TB 1 năm (triệu)	\$1.139,2	\$80,8	\$33,0
- TB QTD	\$923,1	\$53,7	\$20,5
- % TB QTD/TB quý gần nhất	-23,1%	-31,3%	-42,2%
Khối ngoại			
- Mua (triệu)	\$60,2	\$1,3	\$0,2
- Bán (triệu)	\$133,7	\$1,3	\$0,6
- GT ròng (triệu)	-\$73,4	-\$0,1	-\$0,4
Độ rộng TT			
Mã tăng	141	73	154
Mã giảm	197	83	189
Không đổi	86	149	525
Chỉ số chính			
GT vốn hóa (tỷ)	332,5	17,2	51,4
P/E trượt 12T	14,9	10,4	18,5
LS cổ tức*	3,4%	4,8%	5,6%
Giao dịch			
Phái sinh	Giá	KL mở cửa	GTGD (tr USD)
VN30F1M	2.028,0	35.186	1.942,5
VN30F2M	2.029,5	1.587	1,8
VN30F1Q	2.030,7	315	0,1
VN30F2Q	2.029,0	32	0,1
VN100F1M	1.942,1	28	0,8
VN100F2M	1.948,0	21	0,0
VN100F1Q	1.943,5	17	0,1
VN100F2Q	1.920,0	3	-
USD/VND		26.347	

Nguồn: Fiinpro, HSX, HNX

*Phương pháp của Fiinpro được tính toán dựa trên các công ty đã chi trả cổ tức cho năm hiện tại, thay vì toàn bộ VN-Index. Theo Bloomberg, lợi suất cổ tức 12 tháng tổng hợp cho VN-Index tính đến ngày 30/5 là 1,84%.

Điểm tin & Nhận định nhanh

- Ngành năng lượng: mỏ khí Nam Du – U Minh đã nhận quyết định đầu tư cuối cùng; tác động tích cực cho DCM, POW, PVS và GAS
- Ngành năng lượng: Quy định mới về khung giờ cao điểm, mang lại tác động tích cực nhẹ cho mảng thủy điện và mảng hệ thống lưu trữ năng lượng bằng pin (BESS)
- AST: KQKD quý 1 tích cực; đà tăng trưởng khách quốc tế và kế hoạch mở rộng góp phần hỗ trợ tiềm năng tăng đối với dự báo – Báo cáo ĐHCĐ & KQKD
- BID: Tăng trưởng tín dụng ổn định trong quý 1/2026 nhưng NIM gây thất vọng – Báo cáo ĐHCĐ & KQKD
- DCM: Tồn kho cao cuối quý 1 thúc đẩy lợi nhuận quý 2, tiềm năng điều chỉnh tăng nhẹ – Báo cáo KQKD
- DGW: LNST sau lợi ích CĐTTS quý 1/2026 tăng trưởng mạnh 89% YoY nhờ tăng trưởng doanh thu ở tất cả các mảng – Báo cáo KQKD
- DHC: Triển vọng nửa đầu năm khả quan nhờ giá giấy thuận lợi và OCC giá thấp; lạm phát chi phí là rủi ro chính trong nửa cuối năm – Báo cáo KQKD & Báo cáo ĐHCĐ
- F88: KQKD đang vượt kỳ vọng nhờ tăng trưởng cho vay mạnh mẽ dù trong mùa thấp điểm quý 1 – Báo cáo KQKD & Gặp gỡ NĐT
- FPT: LNST sau lợi ích CĐTTS quý 1/2026 tăng 14% YoY, nhìn chung phù hợp với dự báo – Báo cáo KQKD
- GAS: Lợi nhuận quý 1 ghi nhận tăng trưởng nhờ sự gia tăng của sản lượng, phù hợp với dự báo – Báo cáo KQKD
- GVR: Lợi nhuận quý 1/2026 khả quan nhờ mảng cao su và thu nhập khác ròng cao hơn; vượt kỳ vọng của chúng tôi – Báo cáo KQKD
- IDC: Lợi nhuận quý 1/2026 giảm so với cùng kỳ do lượng bàn giao đất KCN thấp hơn nhưng dòng tiền từ KCN vẫn duy trì ổn định – Báo cáo KQKD
- MBB: Chi phí được kiểm soát tốt bù đắp cho thu nhập ngoài lãi yếu và thúc đẩy tăng trưởng lợi nhuận mạnh mẽ; các chỉ số nợ xấu tăng nhẹ so với quý trước – Báo cáo KQKD
- MWG: LNST quý 1 tăng 80% YoY, doanh thu DMX tăng mạnh 33% YoY, biên lợi nhuận ròng BHX đạt 2,9% – Báo cáo KQKD
- NLG: Doanh số bán BĐS 4T2026 tăng 36% YoY, công ty duy trì kế hoạch doanh số bán BĐS năm 2026 gần gấp đôi YoY; LNST sau lợi ích CĐTTS Q1 2026 giảm 37% YoY do thời điểm bàn giao – Báo cáo KQKD & ĐHCĐ
- PHR: LNST sau lợi ích CĐTTS quý 1/2026 gấp ba lần YoY nhờ ghi nhận tiền đến bù tăng, phù hợp với kỳ vọng của chúng tôi – Báo cáo KQKD
- PVS: LNST sau lợi ích CĐTTS cốt lõi quý 1 tăng 33% YoY nhờ mức tăng mạnh của biên lợi nhuận gộp mảng M&C; phù hợp kỳ vọng – Báo cáo KQKD
- REE: Lợi nhuận tăng trưởng trên tất cả các mảng, nhìn chung phù hợp kỳ vọng – Báo cáo KQKD
- SCS: KQKD quý 1 khiêm tốn do tác động từ căng thẳng Trung Đông trong tháng 3 – Báo cáo KQKD
- TV2: LNST sau lợi ích CĐTTS quý 1 tăng gần gấp đôi YoY, khoản trả trước lớn từ khách hàng củng cố triển vọng doanh thu EPC cao trong năm 2026 – Báo cáo KQKD
- VGC: Doanh số cho thuê KCN tích cực củng cố tiềm năng tăng đối với dự báo – Báo cáo ĐHCĐ & KQKD
- VHM: LNST sau lợi ích CĐTTS và doanh số bán BĐS ghi nhận tăng trưởng tích cực so với cùng kỳ trong quý 1/2026, được thúc đẩy bởi giao dịch bán lô lớn tại Green Paradise, Ocean Park 2&3 – Báo cáo Gặp gỡ NĐT & KQKD
- VIC: Lợi nhuận mảng BĐS tăng trưởng mạnh, mảng khách sạn nghỉ dưỡng cải thiện, khoản tài trợ từ Chủ tịch hỗ trợ LNST sau lợi ích CĐTTS quý 1/2026 – Báo cáo KQKD & Gặp gỡ NĐT
- BMP: Kế hoạch biên lợi nhuận năm 2026 dự kiến thu hẹp, nhưng LNST vẫn đạt mục tiêu tăng trưởng 4% YoY từ mức nền cao – Báo cáo ĐHCĐ
- CTG: KQKD sơ bộ quý 1/2026 khả quan với bộ đệm dự phòng lớn để giảm thiểu tác động từ cú sốc địa chính trị – Báo cáo ĐHCĐ

- DPG: Hoạt động bán BDS diễn ra chậm hơn kỳ vọng gây áp lực lên lợi nhuận năm 2026; triển vọng dài hạn rõ ràng - Báo cáo ĐHCĐ
- HDB: Mở rộng nền tảng tập đoàn tài chính để thúc đẩy tăng trưởng; đề xuất kế hoạch tăng vốn đáng kể - Báo cáo ĐHCĐ
- HDG: Tiến độ phát triển các dự án BDS nhà ở tiếp tục được đẩy mạnh, tuy nhiên việc trích lập dự phòng mảng điện tạo áp lực lên lợi nhuận ngắn hạn - Báo cáo ĐHCĐ
- LPB: Kế hoạch tăng trưởng lợi nhuận thấp do môi trường lãi suất cao - Báo cáo ĐHCĐ
- SCS: Kế hoạch LNTT tăng nhẹ 2,2% YoY - Báo cáo ĐHCĐ
- SSI: Lợi thế chi phí vốn và gia tăng thị phần tiếp tục là trọng tâm thúc đẩy tăng trưởng - Báo cáo ĐHCĐ
- TCB, TCX: Triển vọng tăng trưởng ngắn hạn có phần khó lường do biến động vĩ mô, nhưng lợi thế cạnh tranh dài hạn rõ ràng - Báo cáo ĐHCĐ
- VCB: Mục tiêu tăng trưởng LNTT khiêm tốn trong bối cảnh vĩ mô còn nhiều bất ổn - Báo cáo ĐHCĐ
- VJC: Tập trung vào Hoạt động mở rộng đội bay và chiến lược bay đường dài; kế hoạch kinh doanh tương đối thận trọng trong bối cảnh cạnh tranh tại Trung Đông - Báo cáo ĐHCĐ

Quan điểm kỹ thuật

VN-Index tiếp tục dao động trên MA5, cho thấy đà tăng ngắn hạn vẫn được duy trì và xác suất vẫn nghiêng về khả năng hướng lên vùng 1.900-1.920 điểm trong thời gian tới.

Các nhà đầu tư có thể theo dõi tín hiệu kỹ thuật của Top 15 cổ phiếu ảnh hưởng mạnh nhất đến VN-Index, Top 10 cổ phiếu ảnh hưởng mạnh nhất đến HNX-Index và UpCom Index; cũng như của một số các cổ phiếu đầu cơ do Vietcap lựa chọn.

Để tải về báo cáo chi tiết, xin vui lòng nhấn vào [đây](#).

Điểm tin & Nhận định nhanh

Ngành năng lượng: mỏ khí Nam Du – U Minh đã nhận quyết định đầu tư cuối cùng; tác động tích cực cho DCM, POW, PVS và GAS

Petrovietnam và PV GAS đã ký kết và trao đổi các thỏa thuận quan trọng cho dự án phát triển mỏ khí Nam Du (Lô 46/07) và U Minh (Lô 51) với Mitra Energy/Jadestone Energy vào ngày 20/04/2026.

Các mỏ này nằm tại Bể Malay – Thổ Chu và được phát triển theo hợp đồng phân chia sản phẩm (PSC) với PVN. Mặc dù PVN không trực tiếp sở hữu dự án Nam Du – U Minh, vốn do Jadestone Energy sở hữu 100% (công ty có trụ sở tại Singapore, là một doanh nghiệp thượng nguồn hàng đầu trong lĩnh vực phát triển và khai thác tại khu vực châu Á – Thái Bình Dương), PVN tham gia với vai trò là đại diện quốc gia theo các điều khoản của PSC (tỷ lệ quyền lợi tham gia cụ thể hiện vẫn chưa được công bố). Nguồn khí từ dự án sẽ cung cấp cho các tài sản hạ nguồn chủ chốt, bao gồm các nhà máy điện và nhà máy phân bón tại khu vực Tây Nam Việt Nam, qua đó cung cấp sự hỗ trợ cho hoạt động sản xuất công nghiệp và phát điện.

Vốn đầu tư XDCB là 750 triệu USD (theo các chuyên gia trong ngành). Tổng trữ lượng ước tính rơi vào khoảng 4,4 tỷ m³ khí, với sản lượng cung cấp dự kiến khoảng 700 triệu m³/năm, đáp ứng khoảng 30% nhu cầu khí tại khu vực Cà Mau.

Dòng khí đầu tiên dự kiến sẽ được khai thác vào cuối năm 2028. Điều này giúp bù đắp cho sự sụt giảm của nguồn cung khí trong nước và đảm bảo nguồn cung năng lượng ổn định cho khu vực đến năm 2035.

* **DCM:** đảm bảo nguồn cung khí trong dài hạn, đồng thời có thể cung cấp nguyên liệu đầu vào cho kế hoạch mở rộng công suất lắp đặt mới lên 125%.

* **POW:** đảm bảo nguồn cung khí cho các nhà máy Cà Mau 1 & 2 (1.500 MW), bổ sung cho nguồn khí hiện hữu từ PM3-CAA. Tại ĐHCĐ tháng 11/2025 của POW, công ty cho biết đã ký hợp đồng với GAS để mua khí từ mỏ Nam Du – U Minh bắt đầu từ quý 4/2028, với sản lượng hàng năm là 0,7 tỷ m³.

* **PVS:** chúng tôi kỳ vọng hợp đồng EPC sẽ được trao trong những tháng tới sau khi dự án công bố đã nhận được quyết định đầu tư cuối cùng (FID). Chúng tôi ước tính PVS có thể ghi nhận backlog 189 triệu USD, được triển khai trong giai đoạn 2026–2028. Với giả định biên lợi nhuận ròng ở mức 3%, điều này sẽ tương ứng với mức LNST sau lợi ích CĐTTS báo cáo là 1,9 triệu USD/năm trong giai đoạn 2026–2028, tương đương 2,3% tổng LNST sau lợi ích CĐTTS của PVS trong cùng giai đoạn.

* **GAS:** Nam Du – U Minh đóng góp khoảng 9% tổng nguồn cung trong nước của GAS trong giai đoạn 2028–2030, qua đó hỗ trợ đa phục hồi nguồn cung khí trong nước của GAS.

Ngành năng lượng: Quy định mới về khung giờ cao điểm, mang lại tác động tích cực nhẹ cho mảng thủy điện và mảng hệ thống lưu trữ năng lượng bằng pin (BESS)

* Vào ngày 22/04/2026, Bộ Công Thương đã ban hành Quyết định 963/QĐ-BCT, điều chỉnh lại khung giờ áp dụng biểu giá điện theo thời gian sử dụng (TOU). Theo khung mới, giờ cao điểm sẽ tập trung vào buổi tối từ 17:30–22:30 từ thứ Hai đến thứ Bảy, và không áp dụng giá giờ cao điểm vào Chủ nhật; giờ bình thường sẽ là 06:00–17:30 và 22:30–24:00, trong khi giờ thấp điểm vẫn giữ nguyên ở khung giờ từ 00:00–06:00. Trước đây, giờ cao điểm là 09:30–11:30 và 17:00–20:00.

* Chúng tôi lưu ý rằng khung TOU mới vẫn chưa được áp dụng ngay lập tức và sẽ được triển khai khi đợt điều chỉnh giá bán lẻ điện tiếp theo được thực hiện.

* Chúng tôi cho rằng đây là tín hiệu chính sách nhằm phản ánh tốt hơn sự thay đổi trong cân bằng cung – cầu điện trong ngày của Việt Nam, đặc biệt sau giai đoạn tăng trưởng nhanh của điện mặt trời, qua đó làm giảm áp lực công suất của hệ thống vào ban ngày và chuyển áp lực cao điểm sang buổi tối.

* Tác động trực tiếp lên khách hàng hộ gia đình được kỳ vọng là hạn chế, do giá điện sinh hoạt vẫn áp dụng theo cơ chế biểu giá bậc thang, trong khi nhóm chịu ảnh hưởng chính là khách hàng sản xuất và công nghiệp, vốn đang phải chịu mức giá điện cao hơn 80–85% trong giờ cao điểm so với khung giờ bình thường.

* **Tác động:** Chúng tôi kỳ vọng thay đổi này có thể có tác động tích cực nhẹ đối với các nguồn điện có tính linh hoạt cao như thủy điện và hệ thống lưu trữ năng lượng bằng pin (BESS), vốn có thể tối ưu hóa giá trị từ việc dịch chuyển sản lượng sang giờ cao điểm, trong khi có tác động tương đối trung lập đối với các nhà máy nhiệt điện than và nhiệt điện khí chạy nền.

Khung giờ áp dụng biểu giá điện TOU mới của Việt Nam và biểu giá điện hiện hành

Các khung TOU	Khung mới	Khung cũ	Mức giá hiện tại (không đổi)
Giờ cao điểm	5 giờ/ngày 17:30 – 22:30 (Thứ 2 – Thứ 7)	2 + 3 giờ/ngày 9:30 – 11:30 17:00 – 20:00 (Thứ 2 – Thứ 7)	Khách hàng sản xuất 3.266 – 3.640 đồng/kWh KCN 3.164 – 3.441 đồng/kWh
Giờ bình thường	11,5 + 1,5 giờ/ngày 6:00 – 17:30 22:30 – 24:00 (Thứ 2 – Thứ 7) 18 giờ/ngày 6:00 – 24:00 (CN)	5,5 + 5,5 + 2 giờ/ngày 4:00 – 9:30 11:30 – 17:00 20:00 – 22:00 (Thứ 2 – Thứ 7) 18 giờ/ngày 4:00 – 22:00 (CN)	Khách hàng sản xuất 1.811 – 1.987 đồng/kWh KCN 1.728 – 1.865 đồng/kWh
Giờ thấp điểm	6 giờ/ngày 0:00 – 6:00	6 giờ/ngày 22:00 – 24:00 00:00 – 4:00	Khách hàng sản xuất 1.146-1.300 đồng/kWh KCN 1.079 – 1.210 đồng/kWh

Nguồn: Bộ Công Thương, Vietcap

AST: KQKD quý 1 tích cực; đà tăng trưởng khách quốc tế và kế hoạch mở rộng góp phần hỗ trợ tiềm năng tăng đối với dự báo - Báo cáo ĐHCĐ & KQKD

Chúng tôi đã tham dự ĐHCĐ thường niên năm 2026 của CTCP Dịch vụ Hàng không Taseco (AST) vào ngày 25/04 tại Hà Nội. Công ty đã đưa ra kế hoạch năm 2026 theo hướng thận trọng, dù vậy, ban lãnh đạo thể hiện sự tự tin rằng công ty sẽ vượt kế hoạch đề ra. Quan điểm này được hỗ trợ bởi KQKD quý 1/2026 tích cực, đà phục hồi vững chắc của lượng khách quốc tế, và những cải thiện liên tục trong mô hình của hàng cũng như cơ cấu sản phẩm bán lẻ của công ty. Nhìn chung, chúng tôi nhận thấy khả năng điều chỉnh tăng đối với các dự báo hiện tại của chúng tôi, dù vẫn cần thêm đánh giá chi tiết.

1. Kế hoạch kinh doanh năm 2026

- Doanh thu: 2,2 nghìn tỷ đồng (+25% YoY; tương đương 104% dự báo cả năm của chúng tôi).
- LNST: 360 tỷ đồng (+11% YoY; tương đương 101% dự báo cả năm của chúng tôi).
- Mặc dù kế hoạch đặt mức tăng trưởng mạnh YoY, ban lãnh đạo nhấn mạnh rằng công ty đang áp dụng kế hoạch thận trọng trong bối cảnh cạnh tranh Trung Đông vẫn đang tiếp diễn. Tại ĐHCĐ, ban lãnh đạo bày tỏ sự tự tin rằng công ty sẽ vượt kế hoạch này.

2. KQKD quý 1/2026

- Doanh thu: 556 tỷ đồng (+44% YoY; tương đương 27% dự báo cả năm của chúng tôi).

- LNST: 129 tỷ đồng (+75% YoY; tương đương 36% dự báo cả năm của chúng tôi).
- Ban lãnh đạo cho biết KQKD tích cực này đến từ (1) mức tăng trưởng mạnh của lượng khách quốc tế, đặc biệt tại Đà Nẵng và Phú Quốc, và (2) sự cải thiện liên tục của AST trong mô hình của hàng và cơ cấu các loại của hàng nhằm phù hợp hơn với hành vi tiêu dùng của khách hàng.
- Trong quý 1/2026, lượng khách quốc tế của Việt Nam đạt 12 triệu lượt (+2% YoY), trong khi lượng khách trong nước đạt 19 triệu lượt (+6% YoY), theo ước tính của ACV.
- Quan điểm của chúng tôi: Trong quý 1/2026, KQKD sơ bộ đã hoàn thành 36% dự báo LNST của chúng tôi và 36% kế hoạch của công ty. Bất chấp căng thẳng địa chính trị vẫn tiếp diễn, chúng tôi nhận thấy tiềm năng tăng đối với các dự báo hiện tại, dù vẫn cần thêm đánh giá chi tiết.

3. Hoạt động mở rộng mạng lưới bán lẻ vẫn là động lực tăng trưởng chính trong trung hạn:

- Tại Nhà ga T2 Nội Bài (HAN T2), AST đã đấu thầu thành công sáu điểm bán mới (POS, so với 138 POS của AST vào cuối năm 2025). Trong số sáu POS mới này, hai POS (F&B và bán lẻ) đã đi vào hoạt động, trong khi bốn POS còn lại (hai cửa hàng miễn thuế và hai cửa hàng bách hóa lưu niệm) đang trong quá trình xây dựng và dự kiến hoạt động vào giữa quý 2/2026. Trong thời gian tới, AST có kế hoạch tiếp tục đấu thầu thêm các vị trí mới trong quý 2 đến đầu quý 3/2026, với khả năng mở rộng sang các nhóm dịch vụ mới như spa (phụ thuộc vào kết quả phê duyệt đấu thầu của cơ quan quản lý).
- Tại Sân bay Phú Quốc, AST hiện vận hành 16 POS tại nhà ga hiện tại với hiệu quả doanh thu rất cao, vượt 40 triệu đồng/m²/tháng (so với khoảng ~25 triệu đồng tại Tân Sơn Nhất và khoảng ~28 triệu đồng tại Nội Bài), trong đó hiệu quả doanh thu của hàng miễn thuế đạt tới 70 triệu đồng/m²/tháng. Với việc Sun Group đang mở rộng nhà ga, AST kỳ vọng sẽ có thêm cơ hội để gia tăng thêm diện tích bán lẻ.
- Sân bay Quốc tế Long Thành (LTA) tiếp tục là trọng tâm chiến lược quan trọng, và công ty sẽ theo dõi sát sao tiến độ đấu thầu.

4. VinaCS

- AST hiện đang sở hữu 29,29% cổ phần tại VINACS và có kế hoạch duy trì tỷ lệ sở hữu này trong ngắn hạn, đồng thời cân nhắc tăng tỷ lệ sở hữu trong dài hạn.
- Dự án suất ăn hàng không của VinaCS tại Long Thành giai đoạn 1 có công suất thiết kế 20.000 suất ăn/ngày với tổng vốn đầu tư XDCB là 687 tỷ đồng. Tiến độ xây dựng hiện đã đạt khoảng 85-90%, với mục tiêu vận hành thương mại phù hợp với tiến độ của Chính phủ (dự kiến tháng 12/2026).

5. Cổ tức

- Cổ tức tiền mặt năm 2025: 3.500 đồng/cổ phiếu (phù hợp với dự báo của chúng tôi), trong đó 2.500 đồng/cổ phiếu đã được chi trả và 1.000 đồng/cổ phiếu còn lại sẽ được chi trả sau ĐHCĐ.
- Cổ tức cổ phiếu năm 2025: Theo tỷ lệ 10:2 (cổ đông sở hữu 10 cổ phiếu sẽ nhận thêm 2 cổ phiếu mới), dự kiến thực hiện sau ĐHCĐ. Sau phát hành, vốn điều lệ của AST sẽ tăng 20% lên 540 tỷ đồng từ mức hiện tại là 450 tỷ đồng.
- Cổ tức năm 2026: 35-45% mệnh giá. Tại ĐHCĐ, ban lãnh đạo cho biết cổ tức tiền mặt dự kiến sẽ ở mức 25% và cổ tức cổ phiếu được giới hạn ở mức ≤20%. Chúng tôi hiện dự báo AST sẽ chi trả mức cổ tức 3.500 đồng/cổ phiếu cho KQKD năm 2026. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

BID: Tăng trưởng tín dụng ổn định trong quý 1/2026 nhưng NIM gây thất vọng - Báo cáo ĐHCĐ & KQKD

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BID) đã công bố KQKD quý 1/2026 với thu nhập từ HĐKD (TOI) đạt 20,7 nghìn tỷ đồng (+15,6% YoY) và LNTT đạt 8,6 nghìn tỷ đồng (+15,6% YoY),

cả 2 đều hoàn thành 19% dự báo cả năm 2026 của chúng tôi. KQKD của ngân hàng nhìn chung thấp hơn so với kỳ vọng của chúng tôi, chủ yếu do kết quả NIM gây thất vọng. Chúng tôi nhận thấy rủi ro điều chỉnh giảm đối với các dự báo hiện tại, dù vẫn cần thêm đánh giá chi tiết.

* Tăng trưởng tín dụng quý 1/2026 đạt 2,5%, thấp hơn mức tăng trưởng tín dụng toàn hệ thống là 3,2% nhưng phù hợp với kỳ vọng của chúng tôi. Các lĩnh vực đóng góp chính cho tăng trưởng tín dụng trong quý 1/2026 bao gồm dịch vụ (+7,6% so với đầu năm, chiếm 20% tổng dư nợ) và công nghiệp chế biến, chế tạo (+8,2% so với đầu năm, chiếm 16% tổng dư nợ). Trong khi đó, bán buôn & bán lẻ tiếp tục là yếu tố kéo giảm tăng trưởng (-3,5% so với đầu năm, chiếm 23% tổng dư nợ).

* Tiền gửi khách hàng quý 1/2026 giảm 3,7% QoQ, thấp hơn đáng kể so với tăng trưởng tín dụng. Nguyên nhân của mức tăng trưởng huy động yếu là do tình hình cạnh tranh huy động gay gắt từ các ngân hàng tư nhân. Giấy tờ có giá của BID tăng mạnh 35% QoQ để bù đắp khoảng trống nguồn vốn, do ngân hàng (tương tự nhiều ngân hàng khác trong ngành) đẩy mạnh phát hành chứng chỉ tiền gửi (CDs), vốn có lãi suất cao hơn tiền gửi thông thường. Tỷ lệ CASA quý 1/2026 là 20,2% (+1,2 điểm % YoY, -1,6 điểm % QoQ).

* Thu nhập lãi thuần (NII) quý 1/2026 của BID tăng 12,8% YoY nhờ mức tăng trưởng tín dụng khả quan bù đắp cho sự sụt giảm YoY của NIM. So với cùng kỳ quý trước, NIM đã giảm đáng kể QoQ xuống mức thấp nhiều năm là 1,91% (-54 điểm cơ bản QoQ, -11 điểm cơ bản YoY), do lợi suất tài sản sinh lãi giảm mạnh (-36 điểm cơ bản QoQ, +10 điểm cơ bản YoY) và chi phí vốn (COF) tăng (+19 điểm cơ bản QoQ, +22 điểm cơ bản YoY). Trong khi áp lực COF không gây bất ngờ do thanh khoản hệ thống đã thắt chặt hơn và lãi suất huy động đã tăng cao hơn kể từ quý 4/2025, thì mức sụt giảm đáng kể của lợi suất tài sản tại BID lại gây thất vọng, trong bối cảnh nhiều ngân hàng khác ghi nhận sự cải thiện đối với lợi suất tài sản trong quý 1/2026.

* Về chất lượng tài sản, tỷ lệ nợ xấu đã tăng lên 1,76% trong quý 1/2026 (+28 điểm cơ bản QoQ, -14 điểm cơ bản YoY) so với dự báo cuối năm 2026 là 1,47% của chúng tôi. Tỷ lệ nợ nhóm 2 cũng tăng QoQ lên mức 1,34% trong quý 1/2026 (+5 điểm cơ bản QoQ, -51 điểm cơ bản YoY).

* Chi phí tín dụng quy năm quý 1/2026 là 0,92% so với 0,88% trong quý 1/2025. BID đã xóa nợ 3,4 nghìn tỷ đồng trong quý 1/2026, tương đương với tỷ lệ xóa nợ trên dư nợ gộp quy năm là 0,56%. Ngoài ra, tỷ lệ bao phủ nợ xấu (LLR) quý 1/2026 đã giảm QoQ xuống 87% so với 100% trong quý trước.

* Thu nhập ngoài lãi (NOII) quý 1/2026 đạt 5,0 nghìn tỷ đồng (+25,6% YoY), hoàn thành 18% dự báo cả năm của chúng tôi. Thu nhập khác thuần tăng mạnh 69,9% YoY lên 2,1 nghìn tỷ đồng, nhờ sự gia tăng của thu hồi nợ xấu đã xử lý rủi ro. Trong khi đó, thu nhập phí thuần (NFI) tăng 5,6% và lãi kinh doanh ngoại hối ghi nhận mức tăng trưởng mạnh 28,4% YoY.

* Tỷ lệ chi phí trên thu nhập (CIR) quý 1/2026 đã cải thiện 1,0 điểm % YoY xuống mức 32,0% so với dự báo cả năm của chúng tôi là 31,9%, do TOI tăng 15,6% YoY cao hơn mức tăng 12,2% YoY của chi phí HDKD (OPEX).

* Chúng tôi đã tham dự ĐHCĐ của BID tại Hà Nội vào ngày 24/04/2026. Nội dung chính của đại hội bao gồm: (1) đề xuất các mục tiêu kinh doanh năm 2026 và định hướng phát triển của BIDV trong giai đoạn 2026-2030, (2) thông qua phương án phát hành 10,71% cổ phiếu theo hình thức phát hành riêng lẻ và/hoặc chào bán ra công chúng, (3) thông qua kế hoạch chia cổ tức bằng cổ phiếu. Phần hỏi đáp tập trung vào KQKD từ đầu năm của BID, triển vọng kinh doanh năm 2026, và đánh giá của ngân hàng về môi trường kinh tế vĩ mô.

* Cổ đông đã thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2026 của ngân hàng, bao gồm: (1) tổng tài sản tăng 5-10% YoY, (2) tăng trưởng tín dụng theo hạn mức được NHNN phê duyệt, (3) huy động vốn tăng phù hợp với tăng trưởng tín dụng, (4) LNTT theo phê duyệt của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, và (5) tỷ lệ nợ xấu theo Thông tư 31 dưới 1,6%.

* Cổ đông đã thông qua kế hoạch phát hành tối đa 780 triệu cổ phiếu (10,71% tổng số cổ phiếu đang lưu hành) theo hình thức phát hành riêng lẻ và/hoặc chào bán ra công chúng. Phát hành riêng lẻ sẽ dành cho nhà đầu tư tổ chức, trong khi với chào bán ra công chúng, cả nhà đầu tư cá nhân và tổ chức đều có thể tham gia.

* Cổ đông đã thông qua: (1) phát hành 6,85% cổ phiếu để tăng vốn từ quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, (2) cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 19,2% sử dụng lợi nhuận giữ lại năm 2023, và (3) cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 18,1% sử dụng lợi nhuận giữ lại năm 2025, tùy thuộc vào hoạt động phê duyệt của các cơ quan Nhà nước.

* Cổ đông đã thông qua việc miễn nhiệm ông Yoo Je Bong (đại diện cổ đông chiến lược Keb Hana Bank) khỏi HĐQT và bầu ông Kim Sang Soo (đại diện mới của Keb Hana) cùng ông Hoàng Việt Hùng (hiện là Phó Tổng Giám đốc BID) vào HĐQT. Chúng tôi lưu ý rằng ông Phan Đức Tú, Chủ tịch HĐQT BIDV, sẽ nghỉ hưu theo quy định từ ngày 01/07/2026, theo Thông báo 08/TB-NHNN ngày 10/01/2026 của NHNN. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

DCM: Tồn kho cao cuối quý 1 thúc đẩy lợi nhuận quý 2, tiềm năng điều chỉnh tăng nhẹ - Báo cáo KQKD

Chúng tôi nhận thấy tiềm năng điều chỉnh tăng nhẹ so với dự báo LNST sau lợi ích CĐTTS năm 2026 (3 nghìn tỷ đồng, +55% YoY) do giá bán trung bình của urê (ASP) có khả năng cao hơn dự kiến, qua đó bù đắp cho mức tăng giá khí đầu vào, dù cần thêm đánh giá chi tiết. Hiện tại, chúng tôi duy trì khuyến nghị MUA đối với DCM với mức giá mục tiêu cơ sở là 57.600 đồng/cổ phiếu.

Quý 1/2026: Doanh thu đạt 5,3 nghìn tỷ đồng (+55% YoY, đạt khoảng 28% dự báo năm 2026 của chúng tôi). LNST sau lợi ích CĐTTS đạt 788 tỷ đồng (+91% YoY, đạt khoảng 26% dự báo năm 2026 của chúng tôi), tương đương với số liệu sơ bộ đã công bố tại ĐHCĐ năm 2026.

- Sản lượng bán: 271 nghìn tấn urê (+10% YoY); 65 nghìn tấn NPK (+49% YoY)

- Tăng trưởng doanh thu chủ yếu được thúc đẩy bởi (1) doanh thu urê tăng +20% YoY (sản lượng bán +10% YoY, ASP +10% YoY), và (2) doanh thu thương mại gấp 3,6 lần YoY (sản lượng thương mại gấp 3,3 lần YoY nhờ lượng tồn kho cao từ cuối năm 2025).

- Theo DCM, giá bán trung bình của urê trong quý 1 chỉ tăng nhẹ 10%, trong khi giá bán tại Trung Đông hiện tại gần như tăng gấp đôi so với giai đoạn trước căng thẳng Trung Đông, và giá trong nước tăng khoảng 30-40% so với giai đoạn trước căng thẳng Trung Đông. Sự chênh lệch này là do các hợp đồng giá cao đã đảm bảo sẽ được giao hàng và ghi nhận doanh thu vào quý 2, qua đó cho thấy triển vọng lợi nhuận quý 2 sẽ còn khả quan hơn.

- Biên lợi nhuận gộp duy trì ở mức cao 25,5%, dù giảm nhẹ 50 điểm cb YoY chủ yếu do biên lợi nhuận mảng thương mại giảm 4,3 điểm % YoY (tuy nhiên lợi nhuận tuyệt đối vẫn tăng YoY), qua đó phần nào bù đắp cho sự mở rộng biên lợi nhuận của mảng urê (+5,5 điểm % lên mức 41,5%).

- LNST sau lợi ích CĐTTS báo cáo tăng mạnh chủ yếu do lợi nhuận gộp mảng urê tăng 38% YoY (nhờ giá bán trung bình và sản lượng bán tăng, lượng tồn kho giá thấp từ cuối năm 2025), cùng với lợi nhuận gộp mảng NPK tăng 68% YoY nhờ tăng trưởng doanh thu.

- Tại ĐHCĐ vừa qua trong năm 2026, ban lãnh đạo kỳ vọng KQKD quý 2 sẽ rất tích cực. Gần đây, Ấn Độ đã mở thầu với mức giá trên 900 USD/tấn. Dự báo giá urê có thể hạ nhiệt nhẹ vào cuối quý 2 nhưng sẽ duy trì ở mức cao trong suốt giai đoạn nửa cuối năm. DPM cũng xác nhận triển vọng giá bán trung bình của urê đang ở mức thuận lợi.

- Tồn kho vẫn duy trì mức cao vào cuối quý 1/2026, đạt 4,7 nghìn tỷ đồng (-3% QoQ, +44% YoY). DCM cho biết công ty mới chỉ bán khoảng 1/3 lượng tồn kho giá thấp từ giai đoạn cuối năm 2025 trong quý 1/2026, qua đó cho thấy lượng tồn kho giá thấp sẽ tiếp tục được chuyển sang và ghi nhận lợi nhuận trong quý 2. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

DGW: LNST sau lợi ích CĐTS quý 1/2026 tăng trưởng mạnh 89% YoY nhờ tăng trưởng doanh thu ở tất cả các mảng - Báo cáo KQKD

*** Quý 1/2026:**

- Doanh thu thuần tăng 54% YoY trong quý 1/2026, được thúc đẩy bởi đà tăng trưởng ở tất cả các mảng kinh doanh, dẫn đầu là mảng laptop & máy tính bảng, thiết bị văn phòng và thiết bị gia dụng. LNST sau lợi ích CĐTS tăng 89% YoY.

- Chúng tôi nhận thấy tiềm năng điều chỉnh tăng nhẹ đối với dự báo năm 2026, dù cần thêm đánh giá chi tiết.

*** KQKD từng mảng:**

- **Doanh thu laptop & máy tính bảng** (chiếm 33% doanh thu quý 1) tăng mạnh 102% YoY, nhờ sản lượng bán hàng và giá bán trung bình của laptop đều tăng trong bối cảnh nhu cầu mua sớm gia tăng trước kỳ vọng giá RAM và chip nhớ sẽ tiếp tục tăng.

- **Doanh thu điện thoại di động** (chiếm 27% doanh thu quý 1) tăng 2% YoY. Chúng tôi cho rằng mức tăng khiêm tốn này là do bối cảnh cạnh tranh kém thuận lợi đối với Xiaomi (trước các chiến dịch marketing mạnh mẽ của OPPO) và Apple (do MWG giành thêm thị phần từ các khách hàng của DGW), trong khi các thương hiệu mới như Motorola vẫn đóng góp ở mức khiêm tốn.

- **Doanh thu thiết bị văn phòng** (chiếm 29% doanh thu quý 1) tăng 92% YoY, chủ yếu nhờ doanh thu máy chủ, được hỗ trợ bởi nhu cầu chuyển đổi số của các doanh nghiệp.

- **Doanh thu thiết bị gia dụng** (chiếm 8% doanh thu quý 1) tăng mạnh 80% YoY, được thúc đẩy chủ yếu nhờ các sản phẩm của Xiaomi.

- **Doanh thu hàng tiêu dùng** (chiếm 3% doanh thu quý 1) tăng 14% YoY, nhờ sự đóng góp từ các dòng sản phẩm đồ uống, chăm sóc cá nhân và sữa dinh dưỡng.

*** Tỷ suất lợi nhuận:** Biên lợi nhuận gộp tăng 70 điểm cb YoY lên mức 9,5% trong quý 1/2026. Chúng tôi cho rằng kết quả này đến từ cơ cấu doanh thu thuần lợi hơn, khi tỷ trọng doanh thu mảng ngoài ICT (với biên lợi nhuận cao hơn) đã tăng từ 34% trong quý 1/2025 lên 40% trong quý 1/2026. Tuy nhiên, mức tăng chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp (SG&A) (chủ yếu do chi phí quảng cáo, khuyến mãi và hỗ trợ bán hàng) đã kéo lùi biên lợi nhuận từ HĐKD giảm 40 điểm cb YoY xuống còn 3,0%. Ngược lại, biên lợi nhuận ròng tăng 40 điểm cb YoY lên 2,4% nhờ thu nhập tài chính thuần tăng YoY. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

DHC: Triển vọng nửa đầu năm khả quan nhờ giá giấy thuận lợi và OCC giá thấp; lạm phát chi phí là rủi ro chính trong nửa cuối năm - Báo cáo KQKD & Báo cáo ĐHCĐ

Chúng tôi đã tham dự ĐHCĐ năm 2026 của CTCP Đông Hải Bến Tre (DHC) vào ngày 24/04. Nhìn chung, chúng tôi kỳ vọng triển vọng nửa đầu năm 2026 sẽ tích cực, được hỗ trợ bởi giá bán thuận lợi và nguồn cung OCC giá thấp, với lượng hàng tồn kho được đảm bảo cho khoảng ba tháng tới hết tháng 7/2026. Tuy nhiên, chúng tôi dự báo biên lợi nhuận sẽ thu hẹp dần từ Q2 2026 do chi phí đầu vào khác tăng (tiện ích, logistics) và việc dần sử dụng hết nguồn tồn kho OCC giá thấp, đây cũng là yếu tố mà chúng tôi sẽ theo dõi chặt chẽ.

1. Kế hoạch năm 2026

- Doanh thu: 3,8 nghìn tỷ đồng (+5% YoY; đạt 103% dự báo cả năm của chúng tôi)

- LNST: 350 tỷ đồng (-11% YoY; đạt 86% dự báo cả năm của chúng tôi).

- Ban lãnh đạo nhấn mạnh rằng kế hoạch này được xây dựng dựa trên các giả định mang tính thận trọng và có thể được điều chỉnh tăng nếu điều kiện kinh doanh tiếp tục thuận lợi trong nửa đầu năm 2026. Điều này phù hợp với việc DHC thường đưa ra kế hoạch mang tính thận trọng.

2. Kết quả sơ bộ quý 1/2026

- Doanh thu: 967 tỷ đồng (+17% YoY; đạt 26% dự báo cả năm của chúng tôi).
- LNST: 137 tỷ đồng (+81% YoY; đạt 34% dự báo cả năm của chúng tôi).
- Quan điểm của chúng tôi: Đà tăng trưởng lợi nhuận mạnh trong quý 1 cho thấy tiềm năng điều chỉnh tăng dự báo lợi nhuận năm 2026 của chúng tôi, tùy thuộc vào diễn biến chi phí đầu vào trong các quý tiếp theo, dù cần thêm đánh giá chi tiết hơn.

3. Màng giấy:

- Động lực cung - cầu: Ban lãnh đạo nhấn mạnh cấu trúc ngành thuận lợi hơn trong năm 2025, với nhu cầu giấy bao bì tại Việt Nam tăng 12,6% (theo VPPA), trong khi nguồn cung thắt chặt do việc đóng cửa của các nhà máy liên quan đến môi trường tại miền Bắc, làm giảm khoảng 1,5 triệu tấn công suất (tương đương giảm 20% tổng công suất tại Việt Nam). Điều này đưa tổng công suất thực tế xuống còn khoảng 6 triệu tấn và chuyển thị trường từ dư cung sang trạng thái cân bằng hơn, qua đó giúp giá bán ổn định hơn.

- Giá bán giấy: Trong quý 1/2026 đến đầu quý 2, giá bán dao động trong khoảng 10.400–10.700 đồng/kg đối với testliner và 13.600–14.000 đồng/kg đối với kraftliner.

- Chi phí đầu vào:

+ Giá OCC đã tăng ở tất cả các khu vực cung ứng trong bối cảnh gián đoạn địa chính trị. So với mức trước căng thẳng Trung Đông, giá OCC Mỹ tăng khoảng 10 USD/tấn, Nhật Bản tăng 12–15 USD/tấn và Châu Âu tăng khoảng 15 USD/tấn, trong khi OCC trong nước tăng 300–400 đồng/kg. DHC hiện đang thu mua OCC nhập khẩu ở mức khoảng 163–165 USD/tấn (+6–10% YoY) và 4.000–4.300 đồng/kg đối với nguồn trong nước (+8% YoY). Ngoài OCC, áp lực chi phí còn lan rộng sang các mảng khác như hơi bão hòa (+7,9%), bột mì (+28–30%) và logistics, qua đó phản ánh tác động từ căng thẳng tại Trung Đông.

+ Tồn kho: DHC đã đảm bảo lượng tồn kho OCC đủ dùng trong một tháng tại kho và hai tháng đang trong quá trình vận chuyển, tương ứng với nguồn cung đầu vào được đảm bảo trong ba tháng, đến hết tháng 7/2026.

4. Cập nhật dự án Giao Long 3 (GL3):

- Dự án GL3 của DHC có tổng vốn đầu tư XDCB là 2.250 tỷ đồng, với giá trị hợp đồng đã ký kết đạt khoảng 71,3% tổng vốn đầu tư XDCB dự kiến. Vốn góp của chủ sở hữu khoảng 850 tỷ đồng, phần còn lại là vốn vay từ Vietcombank dự kiến sẽ bắt đầu giải ngân từ tháng 9/2026.

- Dự án đang tiến triển đúng tiến độ, với mục tiêu chạy thử vào tháng 7/2027 và vận hành thương mại từ tháng 9 (nhìn chung phù hợp với dự báo của chúng tôi). GL3 được thiết kế với cơ cấu sản phẩm gồm 30% kraftliner và 70% testliner. Đáng chú ý, sản phẩm kraftliner được kỳ vọng sẽ mang lại biên lợi nhuận vượt trội (>20%) so với các sản phẩm hiện tại, dù yêu cầu kỹ thuật cao hơn.

5. Cập nhật các dự án bao bì carton

- Mở rộng quy mô Bao bì Bến Tre: Nhà máy này đang trong quá trình thực hiện các thủ tục đất đai tại Cụm công nghiệp Long Phước (Vĩnh Long), với vốn đầu tư XDCB dự kiến là 120 tỷ đồng.

- Trong khi đó, dự án bao bì Phú Thuận (di dời và tách riêng Nhà máy Carton Box 1) dự kiến sẽ được triển khai vào cuối năm 2026, với tổng vốn đầu tư khoảng 300 tỷ đồng.

6. Cổ tức

- Cổ tức tiền mặt năm 2025: 1.000 đồng/cổ phiếu (lợi suất cổ tức 2,8%, đã chi trả vào tháng 10/2025) - thấp hơn mức dự báo 1.300 đồng/cổ phiếu của chúng tôi.

- Cổ tức cổ phiếu năm 2025: Tỷ lệ 10:1 (người sở hữu 10 cổ phiếu hiện hữu sẽ được nhận 1 cổ phiếu mới). Sau khi phát hành (dự kiến từ quý 2/2026 trở đi), vốn điều lệ sẽ tăng thêm 10% từ mức 965 tỷ đồng hiện tại lên 1,1 nghìn tỷ đồng.

- Cổ tức tiền mặt năm 2026: 2.000 đồng/cổ phiếu (lợi suất cổ tức 5,5%), cao hơn kỳ vọng 1.500 đồng/cổ phiếu của chúng tôi. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

F88: KQKD đang vượt kỳ vọng nhờ tăng trưởng cho vay mạnh mẽ dù trong mùa thấp điểm quý 1 - Báo cáo KQKD & Gặp gỡ HĐQT

CTCP Đầu tư F88 (F88) ghi nhận kết quả quý 1/2026 mạnh mẽ, với tổng doanh thu đạt 1,4 nghìn tỷ đồng (+54% YoY) và LNST sau lợi ích CĐTS đạt 241 tỷ đồng (+131% YoY), đánh dấu mức lợi nhuận theo quý cao kỷ lục. Doanh thu và LNST sau lợi ích CĐTS lần lượt hoàn thành 25% và 24% dự phóng cả năm của chúng tôi. Trong khi đó, LNTT đạt 303 tỷ đồng (+129% YoY), hoàn thành 27% kế hoạch ĐHCĐ, là mức đáng chú ý do quý 1 thường là quý thấp điểm theo mùa đối với hoạt động tài chính tiêu dùng và cho vay thay thế. Chúng tôi cũng đã tham dự cuộc họp nhà đầu tư của công ty vào ngày 24/4.

Nhìn chung, kết quả tích cực của F88 được thúc đẩy bởi tăng trưởng giải ngân tăng tốc, dư nợ cho vay mở rộng, đòn bẩy hoạt động tích cực, nguồn thu đa dạng và chất lượng tài sản vẫn nằm trong khẩu vị rủi ro của ban lãnh đạo. Chúng tôi nhận thấy khả năng điều chỉnh tăng dự phóng năm 2026, dù cần thêm đánh giá toàn diện hơn. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

FPT: LNST sau lợi ích CĐTS quý 1/2026 tăng 14% YoY, nhìn chung phù hợp với dự báo - Báo cáo KQKD

1. KQKD quý 1/2026: Doanh thu đạt 12,5 nghìn tỷ đồng (+9% YoY; đạt 22% dự báo cả năm của chúng tôi) và LNST sau lợi ích CĐTS đạt 2,5 nghìn tỷ đồng (+14% YoY; đạt 24% dự báo cả năm của chúng tôi).

2. KQKD theo mảng trong quý 1/2026:

*** CNTT nước ngoài:** Doanh thu +10% YoY; LNTT +5% YoY.

- Xét theo loại hình dịch vụ, đà tăng trưởng chủ yếu đến từ dịch vụ chuyển đổi số (DX), với mức tăng 18% YoY và đóng góp 47% vào tổng doanh thu CNTT nước ngoài trong quý 1/2026.

- Xét theo thị trường, Nhật Bản tiếp tục là thị trường đóng góp doanh thu lớn nhất, ghi nhận đà tăng trưởng doanh thu 19% YoY trong quý 1/2026. Thị trường EU ghi nhận đà tăng trưởng doanh thu mạnh mẽ ở mức 44% YoY. Doanh thu tại Mỹ tăng trưởng khiêm tốn ở mức 4% YoY. Trong khi đó, doanh thu khu vực Châu Á-Thái Bình Dương (APAC) giảm 10% YoY, chủ yếu do diễn biến kém tích cực kéo dài tại thị trường Hàn Quốc và Malaysia.

- Doanh thu ký mới tăng 22% YoY lên mức 13,8 nghìn tỷ đồng trong quý 1/2026. Số lượng hợp đồng có giá trị từ 500.000 USD đến dưới 1 triệu USD tăng 14% YoY lên 95 hợp đồng; số lượng hợp đồng có giá trị từ 1 triệu USD đến dưới 10 triệu USD tăng 16% YoY lên 85 hợp đồng và số lượng hợp đồng có giá trị từ 10 triệu USD trở lên tăng 14% YoY lên 8 hợp đồng.

- Biên LNTT mảng CNTT nước ngoài giảm 80 điểm cb YoY xuống còn 16,2% trong quý 1/2026, chủ yếu do khoản lỗ phát sinh từ dự án nhà máy AI tại Nhật Bản (vốn chưa đi vào hoạt động trong quý 1/2025). Trong khi đó, biên LNTT của các dịch vụ CNTT nước ngoài cốt lõi (không bao gồm dự án nhà máy AI tại Nhật Bản) nhìn chung đi ngang YoY trong quý 1/2026.

*** CNTT trong nước:** Doanh thu +14% YoY; PBT +305% YoY từ mức nền thấp.

- Doanh thu từ hệ sinh thái sản phẩm Made-by-FPT tăng 14% YoY, được thúc đẩy bởi nhu cầu từ cả khu vực tư nhân và khu vực công.

* **Giáo dục, đầu tư và khác:** Doanh thu giảm 4% YoY trong quý 1/2026, qua đó phản ánh tác động có độ trễ từ mức giảm 8% tổng số lượng người học tại thời điểm cuối năm 2025 so với cuối năm 2024 (do số lượng người học mới đi ngang và số lượng lớn người học tốt nghiệp/thôi học trong năm 2025). Tuy nhiên, LNTT vẫn tăng 24% YoY nhờ mức tăng trưởng lợi nhuận hai chữ số từ các công ty liên kết.

3. Quan điểm của chúng tôi:

* KQKD quý 1/2026 nhìn chung phù hợp với dự báo năm 2026 hiện tại của chúng tôi. Do đó, chúng tôi chưa ghi nhận thay đổi đáng kể nào đối với các dự phóng, dù cần thêm đánh giá chi tiết.

* Chúng tôi hiện đưa ra giá mục tiêu cho cổ phiếu FPT là 116.600 đồng/cổ phiếu. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

GAS: Lợi nhuận quý 1 ghi nhận tăng trưởng nhờ sự gia tăng của sản lượng, phù hợp với dự báo - Báo cáo KQKD

Chúng tôi nhận thấy không có thay đổi đáng kể đối với dự báo LNST sau lợi ích CĐTTS năm 2026F của chúng tôi (12,6 nghìn tỷ đồng, +11% YoY), do sản lượng thương phẩm và KQKD quý 1 ước tính của chúng tôi nhìn chung phù hợp với dự báo, dù vẫn cần thêm đánh giá chi tiết. Chúng tôi hiện có khuyến nghị MUA đối với Tổng Công ty Khí Việt Nam (GAS) với giá mục tiêu là 93.600 đồng/cổ phiếu.

Quý 1/2026: doanh thu đạt 38 nghìn tỷ đồng (+48% YoY, ~34% dự báo năm 2026 của chúng tôi), LNST sau lợi ích CĐTTS báo cáo đạt 2,9 nghìn tỷ đồng (+7% YoY, ~23% dự báo năm 2026 của chúng tôi).

* Tăng trưởng doanh thu được thúc đẩy bởi: (1) mức tăng 90% YoY của doanh thu khí khô và LNG (sản lượng bán khí trong nước +3% YoY, giá FO +4% YoY, tiềm năng từ hoạt động kinh doanh LNG quốc tế trước thời điểm xung đột), và (2) mức tăng 16% YoY của doanh thu LPG.

* Biên lợi nhuận gộp hợp nhất giảm 4 điểm % YoY xuống 11,9%, do: (1) mức giảm 7,4 điểm % của biên lợi nhuận gộp mảng khí tự nhiên, xuống mức 13,9% (nhiều khả năng do tỷ trọng cao hơn của hoạt động kinh doanh LNG quốc tế có biên lợi nhuận thấp trong bối cảnh giá FO tăng), và (2) mức giảm 2,2 điểm % của biên lợi nhuận mảng LPG, xuống mức 5,3% (nhiều khả năng do cơ chế hòa vốn được áp dụng trong tháng 3).

* Tăng trưởng LNST sau lợi ích CĐTTS báo cáo được thúc đẩy bởi mức tăng 24% YoY của lợi nhuận gộp mảng khí tự nhiên (nhờ mức tăng của sản lượng thương phẩm và giá FO), qua đó bù đắp cho mức giảm 18% YoY của lợi nhuận gộp mảng LPG. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

GVR: Lợi nhuận quý 1/2026 khả quan nhờ mảng cao su và thu nhập khác ròng cao hơn; vượt kỳ vọng của chúng tôi - Báo cáo KQKD

* Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam (GVR) báo cáo KQKD quý 1/2026 với doanh thu đạt 8,8 nghìn tỷ đồng (+56% YoY & +2% QoQ) và LNST sau lợi ích CĐTTS đạt 2,3 nghìn tỷ đồng (+90% YoY & +224% QoQ), lần lượt hoàn thành 29% và 37% dự báo cả năm của chúng tôi. Chúng tôi cho rằng lợi nhuận tăng mạnh so với cùng kỳ chủ yếu nhờ kết quả khả quan của mảng cao su và thu nhập thuần khác cao hơn từ đền bù đất và thanh lý cây trồng.

* Mảng mủ cao su và sản phẩm cao su ghi nhận 1,9 nghìn tỷ đồng (+53% YoY) lợi nhuận gộp trong quý 1/2026, đóng góp 83% tổng lợi nhuận gộp và hoàn thành 28% dự báo cả năm của chúng tôi. Mặc dù GVR chưa công bố số liệu chi tiết về giá bán trung bình và sản lượng tiêu thụ mủ cao su quý 1/2026, chúng tôi cho rằng sự cải thiện YoY là nhờ cả giá bán trung bình và sản lượng cao hơn so với cùng kỳ. Xuất khẩu cao su của Việt Nam tăng 8% về lượng và 2,4% về giá trị so với cùng kỳ trong quý 1/2026.

* Thu nhập khác thuần tăng 273% YoY đạt 1,0 nghìn tỷ đồng trong quý 1/2026, bao gồm 700 tỷ đồng (+124% YoY) từ thanh lý cây cao su và 380 tỷ đồng (so với thu nhập không đáng kể trong quý 1/2025) từ đền bù đất, vượt kỳ vọng của chúng tôi.

* Nhìn chung, chúng tôi nhận thấy tiềm năng điều chỉnh tăng đối với dự báo LNST sau lợi ích CĐTS năm 2026 của chúng tôi cho GVR là 6,1 nghìn tỷ đồng (+15% YoY), dù cần thêm đánh giá chi tiết. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

IDC: Lợi nhuận quý 1/2026 giảm so với cùng kỳ do lượng bàn giao đất KCN thấp hơn nhưng dòng tiền từ KCN vẫn duy trì ổn định - Báo cáo KQKD

* Tổng Công ty IDICO (IDC) công bố KQKD quý 1/2026 với doanh thu đạt 1,5 nghìn tỷ đồng (-17% YoY; -31% QoQ) và LNST sau lợi ích CĐTS đạt 271 tỷ đồng (-21% YoY; -40% QoQ), lần lượt hoàn thành 16% và 13% dự báo cả năm của chúng tôi. Chúng tôi cho rằng mức giảm so với cùng kỳ trong KQKD quý 1/2026 chủ yếu do lượng bàn giao đất KCN và đất ở thấp hơn.

* Nhìn chung, chúng tôi kỳ vọng lợi nhuận sẽ cải thiện trong các quý tiếp theo khi tiến độ bàn giao đất KCN tăng tốc. Chúng tôi nhận thấy không có thay đổi đáng kể đối với dự báo LNST sau lợi ích CĐTS của chúng tôi cho IDC là 2,0 nghìn tỷ đồng (+4% YoY) và doanh số cho thuê đất KCN là 100 ha (so với khoảng 76 ha trong năm 2025), dù cần thêm đánh giá chi tiết.

* **Mảng KCN:** Doanh thu của mảng này đạt 406 tỷ đồng trong quý 1/2026 (-31% YoY), chiếm 27% tổng doanh thu. Mặc dù doanh thu thấp hơn, chúng tôi ước tính dòng tiền từ KCN quý 1/2026 tăng 3% YoY đạt 828 tỷ đồng, tương đương 24% dự báo cả năm của chúng tôi, cho thấy tiến độ thu tiền ổn định. Biên lợi nhuận gộp mảng KCN quý 1/2026 đạt 58,8%, tăng từ mức 55,4% trong quý 1/2025, điều mà chúng tôi cho là do giá cho thuê trung bình tại các KCN của IDC cao hơn.

* **Doanh số cho thuê đất KCN:** IDC chưa công bố kết quả quý 1/2026. Đối với cả năm, chúng tôi tiếp tục kỳ vọng doanh số cho thuê đất KCN phục hồi lên 100 ha (so với khoảng 76 ha năm 2025), được hỗ trợ bởi quỹ đất sẵn sàng cho thuê quy mô lớn của IDC tại các tỉnh công nghiệp cấp 1. Trong dự báo năm 2026, chúng tôi chủ yếu kỳ vọng KCN Vinh Quang giai đoạn 1 là đợt mở bán mới trọng tâm, trong khi ban lãnh đạo đặt mục tiêu cả KCN Tân Phước 1 và KCN Vinh Quang giai đoạn 1 sẽ bắt đầu mở bán vào quý 4/2026.

* **Mảng bất động sản nhà ở:** IDC ghi nhận doanh thu bất động sản nhà ở tương đối thấp trong quý 1/2026, do dự án khu đô thị Bắc Châu Giang đã phần lớn được bàn giao trong năm 2025. Chúng tôi kỳ vọng mảng bất động sản nhà ở sẽ phục hồi trong các quý tiếp theo, chủ yếu nhờ vào việc bán các lô đất còn lại từ dự án Khu dân cư trung tâm mở rộng (Phường 6 – Tây Ninh). [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

MBB: Chi phí được kiểm soát tốt bù đắp cho thu nhập ngoài lãi yếu và thúc đẩy tăng trưởng lợi nhuận mạnh mẽ; các chỉ số nợ xấu tăng nhẹ so với quý trước - Báo cáo KQKD

Ngân hàng TMCP Quân đội (MBB) công bố KQKD hợp nhất quý 1/2026 với tổng thu nhập từ HĐKD (TOI) đạt 17,4 nghìn tỷ đồng (+14% YoY) và LNTT đạt 9,6 nghìn tỷ đồng (+15% YoY; -13% QoQ), lần lượt hoàn thành 20% và 23% dự báo cả năm của chúng tôi. Nhìn chung, lợi nhuận của MBB phù hợp với kỳ vọng của chúng tôi. Mặc dù thu nhập ngoài lãi (NOII) thấp hơn dự kiến, tác động này đã được bù đắp bởi chi phí tín dụng và chi phí hoạt động được kiểm soát tốt. Chúng tôi lưu ý rằng quý 1 thường là mùa thấp điểm đối với các hoạt động thu hồi nợ và xử lý nợ xấu. Mặc dù chúng tôi vẫn thận trọng về khả năng biến động vĩ mô, ban lãnh đạo đã khẳng định lại tại ĐHCĐ gần đây cam kết giữ tỷ lệ nợ xấu hợp nhất ở mức $\leq 1,5\%$ và tỷ lệ nợ xấu ngân hàng mẹ dưới 1%. Do đó, mức tăng QoQ của tỷ lệ nợ xấu chưa tác động tiêu cực đáng kể đối với dự báo cả năm của chúng tôi. Chúng tôi vẫn giữ quan điểm tích cực về triển vọng năm 2026 của MBB, được hỗ trợ bởi lợi thế chi phí vốn thấp và hạn mức tăng trưởng tín dụng thuận lợi.

* Tăng trưởng tín dụng ngân hàng mẹ quý 1/2026 là 3,3% (gần tương đương với mức 3,2% toàn hệ thống). Việc giải ngân tín dụng diễn ra đa dạng ở các ngành nghề kinh doanh và chủ yếu được thúc đẩy bởi phân khúc kinh doanh bán lẻ và hộ gia đình (+12% QoQ), đóng góp 22,7% vào dư nợ của ngân hàng mẹ trong quý 1/2026 (+1,8 điểm % QoQ; phù hợp với chiến lược của ban lãnh đạo được chia sẻ tại ĐHCĐ nhằm tăng tỷ trọng đóng góp của mảng bán lẻ/SME). Ngoài ra, cho vay các doanh nghiệp bất động sản chiếm 11,8% dư nợ hợp nhất của MBB trong quý 1/2026. Định hướng của ngân hàng là quản lý tỷ trọng bất động sản ở mức khoảng 10% tổng tín dụng, với mức trần nội bộ là 12%, trong khi tỷ lệ nợ xấu hiện tại của phân khúc này vẫn thấp hơn nhiều so với tỷ lệ nợ xấu tổng thể của ngân hàng. Dư nợ cho vay kỳ quỹ của MBS trong quý 1/2026 tăng lên 15,5 nghìn tỷ đồng (+3,2% QoQ) và chiếm 1,4% dư nợ hợp nhất của MBB.

* Tiền gửi giảm 1,7% QoQ (so với +1,2% trong quý 1/2025), mà chúng tôi cho rằng một phần do tính chất mùa vụ thông thường trong quý 1 khi các khách hàng doanh nghiệp rút tiền gửi sau thời điểm cuối năm. Tỷ lệ CASA quý 1/2026 là 33,1% (-4,6 điểm % QoQ; -2,8 điểm % YoY), giảm trong bối cảnh môi trường lãi suất tăng, mặc dù vẫn cao nhất trong số các ngân hàng đã công bố báo cáo cho đến nay. Tăng trưởng giấy tờ có giá trong quý 1/2026 vẫn mạnh mẽ ở mức 11,5% QoQ, hỗ trợ vị thế vốn và thanh khoản của MBB nhưng cũng đồng thời làm tăng chi phí vốn.

* Thu nhập lãi thuần (NII) đạt 14,9 nghìn tỷ đồng (+27,5% YoY) là động lực lợi nhuận chính, phù hợp với kỳ vọng của chúng tôi và được hỗ trợ bởi tăng trưởng tín dụng mạnh mẽ tiếp tục. NIM co hẹp xuống 3,80% (-39 điểm cơ bản YoY; -26 điểm cơ bản QoQ; xấp xỉ với dự báo 3,82% của chúng tôi), chịu áp lực bởi sự gia tăng mạnh mẽ của chi phí vốn lên 4,11% (+85 điểm cơ bản YoY; +38 điểm cơ bản QoQ), điều này đã bù trừ hoàn toàn mức cải thiện khiếm tốn của lợi suất tài sản sinh lãi (IEA) lên 7,39% (+37 điểm cơ bản YoY; +9 điểm cơ bản QoQ). Áp lực chi phí vốn phản ánh lãi suất tiền gửi cao hơn trong môi trường cạnh tranh cũng như sự sụt giảm của tỷ lệ CASA. Ngoài ra, mức cải thiện lợi suất IEA của MBB phần nào bị hạn chế bởi sự gia tăng QoQ của các chỉ số nợ xấu.

* Thu nhập ngoài lãi (NOI) đạt 2,5 nghìn tỷ đồng, giảm mạnh (-30,7% YoY), là trở ngại chính đối với lợi nhuận trong quý và thấp hơn so với dự báo cả năm của chúng tôi (hoàn thành 13%). Sự sụt giảm này do: (i) khoản lỗ từ kinh doanh ngoại hối 32 tỷ đồng (so với lãi 538 tỷ đồng trong quý 1/2025), và (ii) khoản lỗ từ chứng khoán đầu tư 251 tỷ đồng (so với lãi 678 tỷ đồng trong quý 1/2025). Những yếu tố này một phần được bù đắp bởi tăng trưởng thu nhập phí ổn định, với thu nhập phí thuần tăng lên 1,7 nghìn tỷ đồng (+38,3% YoY). Thu nhập từ thu hồi nợ xấu đã xử lý đạt 734 tỷ đồng (-27% YoY), cũng chậm lại từ mức nền cao của năm ngoái.

* Chi phí/thu nhập (CIR) cải thiện xuống 24,9% (-0,8 điểm % YoY), tốt hơn đáng kể so với mục tiêu < 28% của MBB.

* Các chỉ số nợ xấu tăng nhẹ so với quý trước. Tỷ lệ nợ xấu tăng lên 1,42% (-42 điểm cơ bản YoY; +13 điểm cơ bản QoQ), trong khi nợ nhóm 2 cũng tăng lên 1,06% tổng dư nợ (-85 điểm cơ bản YoY; +11 điểm cơ bản QoQ). Chúng tôi ước tính tỷ lệ bao phủ nợ xấu (LLR) quý 1/2026 vẫn ở mức tốt là 92,2% (-1,5 điểm % QoQ so với 93,7% cuối năm 2025). Tuy nhiên, chi phí dự phòng 3,5 nghìn tỷ đồng (+15,7% YoY) thấp hơn kỳ vọng của chúng tôi (hoàn thành 17% dự báo cả năm). [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

MWG: LNST quý 1 tăng 80% YoY, doanh thu DMX tăng mạnh 33% YoY, biên lợi nhuận ròng BHX đạt 2,9% - Báo cáo KQKD

Doanh thu quý 1/2026 của MWG tăng 29% YoY và LNST tăng mạnh 76% lên 2,7 nghìn tỷ đồng, lần lượt đạt 25% và 32% dự báo cả năm của chúng tôi.

DMX:

* Doanh thu quý 1/2026 đạt 32,6 nghìn tỷ đồng (+33% YoY, chủ yếu nhờ tăng trưởng của hàng hiện hữu (SSSG)), đạt 25% dự báo năm 2026 của chúng tôi. LNST tăng 47% trên cơ sở so sánh tương đương (LFL). Biên lợi nhuận ròng tăng trưởng mạnh nhờ giá bán trung bình (ASP) cao (nâng cấp sản phẩm, bao gồm các dòng tích hợp AI) và mức đóng góp mạnh mẽ từ doanh thu dịch vụ có biên lợi nhuận cao.

* Các ngành hàng quan trọng đạt mức tăng trưởng đáng kể: Điện thoại (Apple: +65% YoY, Android: +15% YoY), TV (+30% YoY), Tủ lạnh (+45% YoY), Máy giặt (+30% YoY), Máy lạnh (+20% YoY), Điện máy gia dụng (+45% YoY), Laptop (+30% YoY) và Phụ kiện (+35% YoY).

* Doanh thu mảng dịch vụ (+15% YoY): Doanh số bán lẻ qua trả góp/tín dụng tiêu dùng tăng 50% YoY, doanh thu Thợ ĐMX tăng 45% YoY lên 700 tỷ đồng. Mảng Thợ Điện Máy Xanh đang đẩy mạnh cung cấp dịch vụ cho khách hàng ngoài hệ thống ĐMX với doanh thu tăng mạnh 63% YoY đạt 125 tỷ đồng.

* Tương tác trên Super App: Doanh số qua SuperApp đóng góp 6%. Ứng dụng này đã đạt được 44 triệu lượt truy cập, qua đó cho thấy mức độ tương tác ngày càng tăng của khách hàng với hệ sinh thái số.

* Mở rộng EraBlue (Indonesia): Doanh thu EraBlue đạt 906 tỷ IDR (+100% YoY), nhờ mức tăng trưởng SSSG mạnh mẽ đạt 25%. Chuỗi EraBlue đã mở thêm 117 cửa hàng mới so với cùng kỳ, nâng tổng số lên 212 cửa hàng (bao gồm 31 cửa hàng mở mới từ đầu năm đến nay). Ban lãnh đạo đặt mục tiêu đạt tổng cộng 500 cửa hàng vào năm 2027 và 1.000 cửa hàng vào năm 2030.

* Ban lãnh đạo kỳ vọng quý 2/2026 sẽ hưởng lợi từ nhu cầu theo mùa mạnh mẽ hơn đối với máy lạnh và tivi. Hàng tồn kho điện tử đủ để đáp ứng nhu cầu bán hàng trong khoảng 6 tháng, và ban lãnh đạo dự báo nhu cầu toàn cầu hạ nhiệt sẽ giúp giảm thiểu tác động của việc tăng giá tiềm năng.

BHX:

* Doanh thu quý 1/2026 của BHX tăng 19% YoY và 5% QoQ, đạt 18% dự báo năm 2026 của chúng tôi. Tổng số lượng cửa hàng tăng thêm 280, đạt 2.839 cửa hàng tính đến cuối quý 1/2026.

* LNST quý 1/2026 của BHX tăng 23% QoQ lên 383 tỷ đồng, đạt 21% dự báo cả năm của chúng tôi. Ban lãnh đạo đánh giá mục tiêu SSSG 10% và tăng trưởng doanh thu 20% cho năm 2026 mang tính thận trọng. Chúng tôi tin rằng đà tăng trưởng mạnh biên lợi nhuận ròng lên mức 2,9% trong quý 1/2026 phản ánh nỗ lực cải thiện SSSG sau khi thay đổi cơ cấu hàng hóa và quy cách đóng gói trong năm 2025.

* 100 cửa hàng BHX mới tại miền Bắc kể từ cuối năm 2025 đang đi đúng tiến độ so với các mục tiêu KPI nội bộ. BHX hiện đang đánh giá kênh B2B phục vụ các khách hàng nhà hàng. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

NLG: Doanh số bán BĐS 4T2026 tăng 36% YoY, công ty duy trì kế hoạch doanh số bán BĐS năm 2026 gần gấp đôi YoY; LNST sau lợi ích CĐTS Q1 2026 giảm 37% YoY do thời điểm bàn giao - Báo cáo KQKD & ĐHCĐ

KQKD quý 1/2026:

- Trong quý 1/2026, CTCP Đầu tư Nam Long (NLG) ghi nhận doanh thu bất động sản cốt lõi (bao gồm các dự án liên doanh Mizuki Park và Izumi City) đạt 785 tỷ đồng (-61% QoQ, -37% YoY) và LNST sau lợi ích CĐTS đạt 68 tỷ đồng (-80% QoQ, -37% YoY), chủ yếu được hỗ trợ bởi việc bàn giao tại Southgate và Cần Thơ. Chúng tôi cho rằng kết quả quý 1/2026 thấp hơn YoY chủ yếu do thời điểm bàn giao bất động sản.

- Mặc dù LNST sau lợi ích CĐTS quý 1/2026 đã hoàn thành 10% dự báo cả năm của chúng tôi (698 tỷ đồng; ổn định so với cùng kỳ), chúng tôi nhận thấy không có thay đổi đáng kể đối với dự báo của chúng tôi cho NLG, do chúng tôi dự kiến việc bàn giao bất động sản năm 2026 sẽ chủ yếu được ghi nhận vào quý 4/2026, dù cần thêm đánh giá chi tiết.

- **Doanh số bán BĐS:** Doanh số bán BĐS 4T2026 của NLG (tính đến 20/4) đạt 3,5 nghìn tỷ đồng (+36% YoY), chủ yếu nhờ mở bán đợt đầu dự án mới VSIP Hải Phòng (tên thương mại: Sol Garden) trong tháng 4 (đóng góp 35%), cùng với các dự án đang triển khai như Mizuki Park (21%), Izumi City (19%), Southgate (11%) và Elyse Island (10%).

- Chúng tôi nhận thấy có khả năng điều chỉnh tăng nhẹ đối với dự báo của chúng tôi cho doanh số bán BĐS năm 2026 của NLG (12,9 nghìn tỷ đồng; +8% YoY), dù cần thêm đánh giá chi tiết, do việc mở bán của Sol Garden vào tháng 4 vượt kỳ vọng của chúng tôi.

Những điểm chính từ trao đổi của ban lãnh đạo tại ĐHCĐ tổ chức ngày 25/04:

- **Mục tiêu doanh số bán BĐS năm 2026:** Ban lãnh đạo duy trì mục tiêu doanh số bán BĐS 2026 đạt 23,46 nghìn tỷ đồng (+98% YoY). Các đợt mở bán chính trong ba quý tới bao gồm các giai đoạn mới tại Izumi City, Elyse Island, Cần Thơ và Sol Garden, cùng với tiếp tục bán hàng tại Mizuki Park (Trellia Cove) và Southgate (Solaria Rise).

- Để hỗ trợ mục tiêu doanh số bán BĐS, công ty đang hợp tác với các ngân hàng thương mại để cung cấp các gói vay mua nhà cạnh tranh hơn (ví dụ: lãi suất thấp hơn thị trường, thời gian ân hạn gốc dài hơn, giảm phí trả nợ trước hạn), đồng thời áp dụng phương thức thanh toán linh hoạt hơn nhằm hỗ trợ tỷ lệ hấp thụ.

- **Triển vọng lợi nhuận:** Ban lãnh đạo đặt kế hoạch LNST sau lợi ích CĐTS 2026 đạt 720 tỷ đồng (+3% YoY), chủ yếu nhờ bàn giao BĐS. Do yếu tố thời điểm bàn giao, công ty kỳ vọng sự tăng trưởng mạnh mẽ từ doanh số bán BĐS giai đoạn 2025–2026G dự kiến sẽ được phản ánh phần lớn vào lợi nhuận 2027–2028G, tạo điểm bứt phá trong tăng trưởng lợi nhuận.

- **Chiến lược quỹ đất:** Công ty đang đánh giá các cơ hội mở rộng tại Đồng Nai và Tây Ninh (Long An), nơi công ty có dự án đang phát triển. Các chi tiết cụ thể hơn sẽ được công bố sau khi giao dịch hoàn tất.

- **Triển vọng thị trường:** Chủ tịch nhận định trong bối cảnh môi trường lãi suất cao hơn YoY trong thời điểm hiện tại, nhu cầu nhà ở chủ yếu được thúc đẩy bởi người mua để ở và nhà đầu tư dài hạn, trong khi nhu cầu đầu cơ có khả năng giảm xuống. Ông cũng nhấn mạnh tình trạng mất cân đối cung cầu vẫn là một trong những thách thức cấu trúc của thị trường. Để đáp ứng điều kiện thị trường, NLG tiếp tục tập trung vào phát triển khu đô thị và nhà ở vừa túi tiền để nắm bắt nhu cầu bền vững. Vào ngày 24/04/2026, NLG công bố quan hệ đối tác chiến lược giữa Nishi-Nippon Railroad của Nhật Bản và Nam Long ADC (công ty con tập trung vào các dòng sản phẩm EHome và EHomeS), có thể củng cố mục tiêu phát triển phân khúc nhà ở giá rẻ. Sau khi hoàn tất, NLG dự kiến sẽ nắm giữ 51% cổ phần và Nishi-Nippon Railroad nắm giữ 49% của công ty liên doanh.

Các cổ đông tại ĐHCĐ đã thông qua các tờ trình sau:

* **Kế hoạch năm 2026:** Các cổ đông đã thông qua kế hoạch năm 2026 của ban lãnh đạo với doanh thu thuần 7,63 nghìn tỷ đồng (+35% YoY) và LNST sau lợi ích CĐTS 720 tỷ đồng (+3% YoY). Nếu bao gồm các dự án liên doanh, kế hoạch của NLG cho doanh thu bất động sản cốt lõi năm 2026 là 8,0 nghìn tỷ đồng (+35% YoY), chủ yếu được hỗ trợ bởi việc bàn giao bất động sản tại Southgate, Cần Thơ, Izumi City, Paragon (Elyse Island) và An Zen Residences.

* **Mục tiêu doanh số bán BĐS 2026:** Theo tài liệu ĐHCĐ, ban lãnh đạo đặt mục tiêu doanh số bán BĐS năm 2026 là 23,46 nghìn tỷ đồng (+98% YoY), phù hợp với kế hoạch được đưa ra trong các cuộc họp nhà đầu tư/chuyên viên phân tích tháng 12/2025 và tháng 2/2026 (khẳng định lại mục tiêu > 20 nghìn tỷ đồng). Chúng tôi cho rằng sự chênh lệch giữa dự báo của chúng tôi và kế hoạch của ban lãnh đạo chủ yếu do các giả định tăng trưởng so với cùng kỳ thận trọng hơn của chúng tôi trong bối cảnh những thách thức của thị trường hiện nay (ví dụ: căng thẳng địa chính trị và lãi suất cao hơn).

* Chúng tôi lưu ý rằng kết quả doanh số bán hàng và LNST sau lợi ích CĐTS của NLG trong năm 2022/23/24/25 lần lượt tương đương 35%/41%/54%/81% và 46%/83%/102%/100% so với kế hoạch đề ra vào đầu mỗi năm.

* **Kế hoạch cổ tức năm 2025:** Các cổ đông đã thông qua tổng cổ tức bằng tiền mặt là 242,55 tỷ đồng - tương đương 500 đồng/cổ phiếu (lãi suất 1,8%) - dự kiến được chi trả sau ĐHCĐ năm 2026 của công ty.

* **Kế hoạch cổ tức năm 2026:** Các cổ đông đã thông qua tổng cổ tức bằng tiền mặt là 242,55 tỷ đồng - tương đương 500 đồng/cổ phiếu (lợi suất 1,8%) trên số lượng cổ phiếu đang lưu hành hiện tại. Tùy thuộc vào tình hình kinh doanh, cổ tức tạm ứng cho năm 2026 sẽ được chi trả 50% vào tháng 12/2026 hoặc bất kỳ thời điểm nào, và phần còn lại sẽ được chi trả sau ĐHCĐ năm 2027.

* **Bầu cử HĐQT nhiệm kỳ 2026-2031:** Các cổ đông đã thông qua HĐQT mới cho nhiệm kỳ 2026-2031, bao gồm 9 thành viên: Ông Nguyễn Xuân Quang (Chủ tịch hiện tại), Ông Trần Thanh Phong, Ông Nguyễn Đức Thuận, Ông Chad Ryan Ovel, Ông Cao Tấn Thạch, Ông Đỗ Chí Hiếu, Ông Lucas Ignatius Loh Jen Yuh (Tổng Giám đốc hiện tại), Ông Kenneth Michael Atkinson và Ông Ho Hon Sang.

* **Kế hoạch ESOP năm 2025:** Các cổ đông đã thông qua việc phát hành 967.297 cổ phiếu cho chương trình ESOP 2025 (tương đương 0,2% số cổ phiếu đang lưu hành) vì kết quả kinh doanh thực tế năm 2025 đã đáp ứng yêu cầu cho ESOP. ESOP 2025 sẽ được phân bổ trong ba năm, với tối đa 40% được phát hành vào năm 2026 (386.919 cổ phiếu), tiếp theo là 30% vào năm 2027 và 30% còn lại vào năm 2028. Cổ phiếu ESOP sẽ có thời gian hạn chế chuyển nhượng một năm.

* **Kế hoạch ESOP 2026-2027:** Các cổ đông đã thông qua chương trình ESOP mà công ty sẽ phân bổ 1,5% LNST sau lợi ích CĐTS để tài trợ cho kế hoạch ESOP. Điều kiện bắt buộc là đạt được ít nhất 75% kế hoạch kinh doanh hàng năm được HĐQT và ĐHCĐ thông qua (dựa trên mức trung bình có trọng số của LNST sau lợi ích CĐTS 2026G và mục tiêu doanh số bán BĐS), cùng với các tiêu chí sàng lọc.

Công ty cho biết những thay đổi trong các tiêu chí LNST sau lợi ích CĐTS và ROE cho việc đánh giá ESOP 2026-2027 nhằm mục đích phù hợp hơn với thời điểm ghi nhận lợi nhuận trong năm 2026, đồng thời phản ánh kỳ vọng về tăng trưởng lợi nhuận mạnh mẽ hơn từ năm 2027, được hỗ trợ bởi doanh số bán hàng mạnh mẽ năm 2025 và 2026G. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

PHR: LNST sau lợi ích CĐTS quý 1/2026 gấp ba lần YoY nhờ ghi nhận tiền đến bù tăng, phù hợp với kỳ vọng của chúng tôi - Báo cáo KQKD

* CTCP Cao su Phước Hòa (PHR) công bố KQKD quý 1/2026 với doanh thu đạt 468 tỷ đồng (+50% YoY) và LNST sau lợi ích CĐTS đạt 279 tỷ đồng (+192% YoY). Chúng tôi cho rằng lợi nhuận tăng mạnh là nhờ việc ghi nhận một phần thu nhập từ tiền đến bù tại KCN Bắc Tân Uyên 1.

* KCN Bắc Tân Uyên 1 là KCN cơ khí chuyên dụng nằm tại phường Bình Cơ và phường Tân Uyên, TP.HCM (trước đây là tỉnh Bình Dương) với tổng diện tích 786 ha (trong đó 704 ha là đất cao su của PHR), và đang được THADICO Bình Dương thuộc Tập đoàn THACO phát triển.

* Trong mảng cao su và gỗ, lợi nhuận gộp quý 1/2026 của mảng này tăng 36% YoY lên 102 tỷ đồng, tương đương 25% dự báo cả năm và phù hợp với kỳ vọng của chúng tôi.

* Doanh thu tài chính, thu nhập thuần từ công ty liên kết và thu nhập khác thuần đạt tổng cộng 274 tỷ đồng (+448% YoY) trong quý 1/2026, hoàn thành 27% dự báo cả năm của chúng tôi. Trong đó, thu nhập từ tiền đến bù đạt 232 tỷ đồng trong quý 1/2026, chủ yếu đến từ KCN Bắc Tân Uyên 1. Khoản này đạt 35% dự báo thu nhập từ tiền đến bù cả năm của chúng tôi từ KCN Bắc Tân Uyên 1 và VSIP III. Không có đóng góp nào từ VSIP III được ghi nhận trong quý 1/2026.

* Nhìn chung, kết quả quý 1/2026 về cơ bản phù hợp với kỳ vọng và chúng tôi nhận thấy không có thay đổi đáng kể đối với dự báo LNST sau lợi ích CĐTS năm 2026 là 1,0 nghìn tỷ đồng (+118% YoY), vì chúng tôi tiếp tục kỳ vọng việc ghi nhận tiền đến bù từ Bắc Tân Uyên 1 sẽ là động lực thúc đẩy lợi nhuận chính trong các quý tiếp theo. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

PVS: LNST sau lợi ích CĐTS cốt lõi quý 1 tăng 33% YoY nhờ mức tăng mạnh của biên lợi nhuận gộp mảng M&C; phù hợp kỳ vọng - Báo cáo KQKD

* Tổng Công ty cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PVS) đã công bố KQKD quý 1/2026 với doanh thu đạt 8,7 nghìn tỷ đồng (+45% YoY) và LNST sau lợi ích CĐTS đạt 416 tỷ đồng (+25% YoY). LNST sau lợi ích CĐTS cốt lõi tăng 33% YoY lên mức 418 tỷ đồng. Tăng trưởng lợi nhuận ròng chủ yếu được thúc đẩy bởi (1) mức tăng gấp 10 lần của lợi nhuận gộp mảng M&C, nhờ biên lợi nhuận gộp tăng lên mức 9,1% (+7,9 điểm % YoY). Các yếu tố tích cực này vượt trội so với các tác động từ (2) mức tăng mạnh của chi phí bán hàng (+13,5 lần YoY), chủ yếu đến từ khoản trích lập dự phòng 282 tỷ đồng, (3) mức giảm 37% YoY của thu nhập tài chính thuần, và (4) mức giảm 27% YoY của lợi nhuận từ liên doanh FSO/FPSO (một phần do mức giảm của hiệu suất hoạt động, vì phải thực hiện đợt bảo dưỡng lớn).

* Biên lợi nhuận gộp mảng cơ khí & xây dựng (M&C) đạt mức cao nhất kể từ năm 2019, qua đó cho thấy tiềm năng tăng đối với dự báo biên lợi nhuận gộp M&C cả năm hiện tại của chúng tôi (3,0%). Biên lợi nhuận gộp mảng M&C tăng mạnh lên mức 9,1% trong quý 1/2026 (so với 1,2% trong quý 1/2025; +3,6 điểm % QoQ), mà chúng tôi cho rằng đến từ sự cải thiện đối với hiệu quả triển khai các dự án điện gió ngoài khơi và sự gia tăng đóng góp từ dự án Lô B. Sự cải thiện này diễn ra bất chấp việc công ty tiếp tục trích lập dự phòng, với tổng mức dự phòng bảo hành tăng 742 tỷ đồng QoQ (gấp 5 lần YoY), qua đó, đưa tổng số dư dự phòng lên 3,9 nghìn tỷ đồng vào cuối quý 1/2026.

* Chi phí bán hàng tăng mạnh lên mức 307 tỷ đồng trong quý 1/2026 (so với 23 tỷ đồng trong quý 1/2025), chủ yếu do khoản trích lập dự phòng 282 tỷ đồng, mà chúng tôi cho rằng liên quan đến khoản dự phòng bảo hành ngắn hạn của mảng M&C. Chúng tôi lưu ý rằng dự phòng ngắn hạn đã tăng 454 tỷ đồng QoQ, qua đó cho thấy một phần dự phòng đã được ghi nhận vào chi phí bán hàng, trong khi phần còn lại được ghi nhận vào mảng M&C.

* Kết quả quý 1 phù hợp với kỳ vọng, do đó, chúng tôi nhận thấy không có sự thay đổi đáng kể đối với các dự báo hiện tại của chúng tôi. LNST sau lợi ích CĐTS báo cáo và LNST sau lợi ích CĐTS cốt lõi trong quý 1 đều lần lượt hoàn thành 22% dự báo cả năm của chúng tôi. Lợi nhuận gộp mảng M&C và mức tăng trưởng biên lợi nhuận cao hơn kỳ vọng nhiều khả năng sẽ bù đắp cho đóng góp thấp hơn kỳ vọng từ thu nhập tài chính và thu nhập từ liên doanh.

* Chúng tôi duy trì khuyến nghị MUA đối với PVS với giá mục tiêu là 58.100 đồng/cổ phiếu. Vui lòng tham khảo [Báo cáo Cập nhật](#) gần nhất của chúng tôi để biết thêm chi tiết. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

REE: Lợi nhuận tăng trưởng trên tất cả các mảng, nhìn chung phù hợp kỳ vọng - Báo cáo KQKD

Chúng tôi nhận thấy không có thay đổi đáng kể đối với dự báo LNST sau lợi ích CĐTS năm 2026 của chúng tôi (2,9 nghìn tỷ đồng, +14% YoY) do KQKD quý 1 ở tất cả các mảng nhìn chung phù hợp với dự báo của chúng tôi, dù vẫn cần thêm đánh giá chi tiết.

Chúng tôi hiện có khuyến nghị MUA đối với REE với giá mục tiêu là 76.900 đồng/cổ phiếu.

Quý 1/2026: doanh thu đạt 2,5 nghìn tỷ đồng (+19% YoY, ~20% dự báo năm 2026 của chúng tôi), LNST sau lợi ích CĐTS đạt 714 tỷ đồng (+17% YoY, ~25% dự báo năm 2026 của chúng tôi).

+ Tăng trưởng doanh thu chủ yếu được thúc đẩy bởi mức tăng trưởng tại mảng cơ điện (M&E; +61% YoY) và điện (+8% YoY). Điều này được hỗ trợ bởi doanh thu tích cực của mảng thủy điện (+12% YoY) trong quý 1, trong khi công ty vẫn đang theo dõi khả năng xuất hiện El Nino trong giai đoạn nửa cuối năm.

+ LNST sau lợi ích CĐTS ghi nhận đà tăng trưởng tương đồng với doanh thu, nhờ được dẫn dắt bởi mức tăng lợi nhuận ở tất cả các mảng, bao gồm mức tăng gấp 2,2 lần YoY của mảng M&E (nhiều khả năng nhờ tăng trưởng doanh thu và hoàn nhập dự phòng), mức tăng 32% YoY của mảng cho thuê văn phòng & BDS, mức tăng 45% YoY của mảng nước & khác và mức tăng 3% YoY của mảng điện.

LNST mảng điện tăng 3% YoY, mà chúng tôi cho rằng đến từ (1) mức tăng 11% YoY của LNST sau lợi ích CĐTTS mảng thủy điện (đặc biệt là LNST tại SBH tăng 30% YoY và ISH tăng 2,6 lần YoY, trong khi VSH đi ngang YoY), và (2) mức tăng 16% YoY của LNST sau lợi ích CĐTTS mảng điện gió (sản lượng bán điện gió V1-3 tăng 11% YoY và có thêm đóng góp mới từ điện gió Duyên Hải 1, dự kiến đi vào hoạt động từ giữa tháng 3). Các dự án điện gió mới: Duyên Hải - 48MW được đặt kế hoạch ghi nhận 25 tỷ đồng LNST (96% dự báo của chúng tôi), Duyên Hải 2 - 48MW và Duyên Hải 3 - 80MW được kỳ vọng sẽ đi vào vận hành trong quý 4/2026, phù hợp với dự báo của chúng tôi, trong khi Phú Cường 1A & 1B được kỳ vọng sẽ đi vào vận hành trong quý 1/2028, chậm hơn nhẹ so với dự báo của chúng tôi, và cho thấy rủi ro giảm khoảng ~2% đối với dự báo LNST năm 2027 của REE.

Mảng cho thuê văn phòng ghi nhận đà phục hồi, phù hợp kỳ vọng. Trong quý 1, công ty vẫn chưa ghi nhận doanh số bán BĐS tại dự án Light Square, do ban lãnh đạo cho biết dự án có khả năng sẽ thực hiện hoạt động bán lẻ lớn trong năm 2026. Điều này đồng nghĩa doanh thu/LNST sau lợi ích CĐTTS mảng cho thuê văn phòng trong quý 1 đã lần lượt hoàn thành 24%/23% dự báo cả năm của chúng tôi, nhìn chung phù hợp kỳ vọng. Chúng tôi cho rằng mức tăng trưởng LNST của mảng cho thuê văn phòng chủ yếu đến từ mức tăng nhẹ của tỷ lệ lấp đầy và sự gia tăng của giá cho thuê trung bình.

Doanh thu mảng M&E tăng mạnh lên +61% YoY trong quý 1. Backlog cuối năm 2025 đạt 6,8 nghìn tỷ đồng và giá trị hợp đồng mới trong quý 1 đạt 4,9 nghìn tỷ đồng (trung tâm dữ liệu An Khánh, nhà hát Ngọc Trai), qua đó cung cấp sự hỗ trợ cho dự báo doanh thu năm 2026 của chúng tôi, là 5 nghìn tỷ đồng (+42% YoY). KQKD quý 1 nhìn chung phù hợp kỳ vọng, do quý 1 thường là mùa thấp điểm. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

SCS: KQKD quý 1 khiêm tốn do tác động từ căng thẳng Trung Đông trong tháng 3 - Báo cáo KQKD

CTCP Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn (SCS) đã công bố KQKD quý 1/2026:

- Doanh thu thuần: 272 tỷ đồng (-17% QoQ; +2% YoY; đạt 25% dự báo 2026 của chúng tôi).
- LNST sau lợi ích CĐTTS: 173 tỷ đồng (-8% QoQ; +2% YoY; đạt 25% dự báo 2026 của chúng tôi).
- Sản lượng hàng hóa: 60.893 tấn (-21% QoQ từ mức nền cao theo tính thời vụ của quý 4/2025; -5% YoY).
- Hàng hóa quốc tế: 46.778 tấn (-24% QoQ từ mức nền cao theo tính thời vụ của quý 4/2025; -5% YoY).
- Hàng hóa trong nước: 14.115 tấn (-5% QoQ; -4% YoY). [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

TV2: LNST sau lợi ích CĐTTS quý 1 tăng gần gấp đôi YoY, khoản trả trước lớn từ khách hàng củng cố triển vọng doanh thu EPC cao trong năm 2026 - Báo cáo KQKD

* CTCP Tư vấn Xây dựng Điện 2 (TV2) đã công bố KQKD quý 1/2026 với doanh thu đạt 244 tỷ đồng (-21% YoY) và LNST sau lợi ích CĐTTS báo cáo đạt 53 tỷ đồng (+91% YoY). Các kết quả này lần lượt hoàn thành 5% và 25% dự báo cả năm tương ứng của chúng tôi. Cụ thể, doanh thu từ các mảng cốt lõi (tư vấn, EPC và O&M) và mảng cơ khí chế tạo đạt 238 tỷ đồng (-22% YoY), hoàn thành 5% dự báo cả năm của chúng tôi. Chúng tôi cho rằng tỷ lệ hoàn thành thấp là do đặc thù doanh thu của TV2 thường được ghi nhận nhiều hơn vào giai đoạn cuối năm. Biên lợi nhuận gộp đạt khoảng 15%, cao hơn đáng kể so với mức dự báo 11% cho năm 2026 của chúng tôi, chủ yếu do doanh thu EPC ghi nhận ở mức thấp trong quý 1 (mảng này có biên lợi nhuận gộp thấp hơn so với các mảng còn lại).

*** Chúng tôi lưu ý rằng LNST sau lợi ích CĐTS đã tăng 91% YoY dù doanh thu giảm YoY, chủ yếu nhờ:** (1) mức tăng 7,6 lần YoY của thu nhập tài chính và (2) mức tăng 2,3 lần YoY của lợi nhuận từ công ty liên kết nhờ sự cải thiện đối với KQKD từ các công ty liên kết, qua đó bù đắp cho (3) mức giảm 42% YoY của lợi nhuận từ HĐKD.

*** Chúng tôi lưu ý rằng mức tăng 7,6 lần YoY của thu nhập tài chính, chủ yếu đến từ mức tăng 11,3 lần YoY của tiền mặt và đầu tư ngắn hạn tại cuối quý 1/2026, xuất phát từ khoản trả trước 2,3 nghìn tỷ đồng của khách hàng tại cuối quý 1/2026, so với 984 tỷ đồng tại cuối năm 2025. Các khoản trả trước này chủ yếu đến từ nhà máy điện Ô Môn IV và các dự án sinh khối. Điều này góp phần hỗ trợ cho dự báo doanh thu EPC năm 2026 của chúng tôi (3,8 nghìn tỷ đồng, gấp 5 lần YoY).**

*** Chúng tôi nhận thấy tiềm năng điều chỉnh tăng nhẹ đối với dự báo LNST sau lợi ích CĐTS năm 2026 của chúng tôi, nhờ mức thu nhập tài chính và lợi nhuận từ công ty liên kết cao hơn kỳ vọng, dù vẫn cần thêm đánh giá chi tiết. Hiện tại, chúng tôi đang có khuyến nghị MUA đối với TV2 với giá mục tiêu là 49.000 đồng/cổ phiếu. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)**

VGC: Doanh số cho thuê KCN tích cực củng cố tiềm năng tăng đối với dự báo - Báo cáo ĐHCĐ & KQKD

Tại ĐHCĐ năm 2026 của Tổng Công ty Viglacera (VGC), ban lãnh đạo đã bày tỏ quan điểm tích cực đối với mảng KCN bất chấp các yếu tố bất lợi từ bên ngoài, nhờ được hỗ trợ bởi mức doanh số cho thuê khả quan trong giai đoạn 4 tháng đầu năm 2026 (4T 2026), đạt 111 ha. Mảng vật liệu xây dựng (VLXD) cũng đang trên đà phục hồi, với doanh thu quý 1 của mảng tăng 50% YoY, đồng thời mảng kính xây dựng cũng bắt đầu ghi nhận lãi trở lại. Ban lãnh đạo cũng đang đánh giá khả năng mở rộng sang phân khúc BĐS nhà ở thương mại giá hợp lý, điều này có thể tạo ra dư địa tăng nhẹ trong dài hạn đối với dự báo của chúng tôi. Ngoài ra, chúng tôi cũng nhận thấy khả năng điều chỉnh tăng đối với dự báo LNST trung và dài hạn của VGC, nhờ việc dự án KCN mới (với diện tích 900 ha) được phê duyệt trong tháng 1/2026, dù vẫn cần thêm đánh giá chi tiết.

Chúng tôi nhận thấy khả năng điều chỉnh tăng nhẹ đối với LNST sau lợi ích CĐTS báo cáo năm 2026 của chúng tôi (1,6 nghìn tỷ đồng, +17% YoY) nhờ việc diện tích bàn giao KCN có khả năng sẽ đạt mức cao hơn kỳ vọng (150 ha so với dự báo 130 ha của chúng tôi), dựa trên quan điểm của ban lãnh đạo và doanh số cho thuê 4T khả quan (đạt 111 ha), dù vẫn cần thêm đánh giá chi tiết. Chúng tôi hiện có khuyến nghị MUA đối với VGC với giá mục tiêu là 64.100 đồng/cổ phiếu.

Trong quý 1/2026, mảng kính xây dựng đã phục hồi nhờ thuế chống bán phá giá: doanh thu 3,3 nghìn tỷ đồng (+15% YoY, ~20% dự báo năm 2026 của chúng tôi); LNST sau lợi ích CĐTS báo cáo 216 tỷ đồng (-33% YoY, ~13% dự báo năm 2026). [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

VHM: LNST sau lợi ích CĐTS và doanh số bán BĐS ghi nhận tăng trưởng tích cực so với cùng kỳ trong quý 1/2026, được thúc đẩy bởi giao dịch bán lô lớn tại Green Paradise, Ocean Park 2&3 - Báo cáo Gặp gỡ NGT & KQKD

*** CTCP Vinhomes (VHM) đã công bố KQKD tích cực trong quý 1/2026, chủ yếu được thúc đẩy bởi việc ghi nhận doanh thu từ các giao dịch bán lô lớn tại các dự án Ocean Park 2&3 và Green Paradise, cùng với hoạt động bàn giao bán lẻ tại Ocean Park 2&3, Royal Island và Wonder City.**

*** Doanh thu BĐS cốt lõi quý 1/2026 (bao gồm hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) và các giao dịch bán lô lớn được ghi nhận vào doanh thu tài chính) đạt 61,2 nghìn tỷ đồng (-38% QoQ nhưng tăng gấp 6 lần YoY), LNST sau lợi ích CĐTS đạt 25,55 nghìn tỷ đồng (-4% QoQ và +850% YoY), và tổng doanh số bán BĐS đạt 81,7 nghìn tỷ đồng (+91% QoQ và +133% YoY), lần lượt hoàn thành 39%, 59% và 40% dự báo năm 2026 của chúng tôi.**

* Chúng tôi nhận thấy khả năng điều chỉnh tăng đối với dự báo LNST sau lợi ích CĐTS năm 2026 (43,3 nghìn tỷ đồng; +3% YoY) và dự báo doanh số bán BĐS hiện tại (205,7 nghìn tỷ đồng; đi ngang YoY), dù cần thêm đánh giá chi tiết.

* **Doanh số bán lô lớn đóng góp khoảng 80% vào tổng doanh số bán BĐS trong quý 1/2026** (81,7 nghìn tỷ đồng; +91% QoQ và +133% YoY), chủ yếu được dẫn dắt bởi Green Paradise và Ocean Park 2&3. Trong cuối tháng 3 và đầu tháng 4/2026, VHM đã mở bán lẻ đợt đầu dự án Hải Vân Bay (Đà Nẵng; 512 ha với 5.900 căn thấp tầng), và dự án này đã bắt đầu đóng góp vào doanh số bán BĐS của VHM trong quý 1/2026. Số liệu doanh số bán BĐS được công bố trong quý 1/2026 nhìn chung phù hợp với số liệu sơ bộ được công ty công bố tại ĐHCĐ của công ty (chi tiết xem tại [Báo cáo ĐHCĐ](#) của chúng tôi).

* VHM đặt mục tiêu cho doanh số bán BĐS năm 2026 ở mức 300-350 nghìn tỷ đồng (+46%-70% YoY), được hỗ trợ bởi việc tiếp tục bán hàng tại các dự án hiện hữu, bao gồm Hải Vân Bay mới mở bán gần đây, Green Paradise, Green City, Golden City và Ocean Park 2&3, cùng với các đợt mở bán mới dự kiến của Global Gate Hạ Long (Quảng Ninh) và Khu đô thị Đại học Quốc tế (TP.HCM). Kế hoạch mở bán dự án mới dự kiến trong năm 2026 nhìn chung phù hợp với dự phóng của chúng tôi, trong khi doanh số bán BĐS quý 1/2026 đang cao hơn so với kỳ vọng của chúng tôi.

* **Cập nhật về các dự án dự kiến ra mắt sắp tới trong năm 2026:**

- **Global Gate Hạ Long (Quảng Ninh):** VHM đã tổ chức sự kiện giới thiệu dự án vào ngày 25/04 và hiện đang tiến hành thăm dò thị trường. Ban lãnh đạo cho biết đã ghi nhận khoảng 5.000 đặt chỗ trong vòng 24 giờ đầu tiên. Dự án được hưởng lợi từ vị trí chiến lược trong hành lang kinh tế Hà Nội – Hải Phòng – Quảng Ninh, với khả năng kết nối dự kiến sẽ được cải thiện đáng kể thông qua tuyến đường sắt tốc độ cao Hà Nội – Quảng Ninh (do VinSpeed phát triển; khởi công tháng 4/2026; mục tiêu hoàn thành năm 2028), qua đó có thể rút ngắn thời gian di chuyển đến Hà Nội dự kiến xuống còn khoảng 23 phút.

- **Khu đô thị Đại học Quốc tế (TP.HCM; 880 ha; tên thương mại: Saigon Park):** Lễ khởi công dự kiến sẽ diễn ra vào ngày 29/04. Nằm ở phía Tây Bắc TP.HCM (Củ Chi – Hóc Môn), dự án được quy hoạch theo mô hình đô thị tổng hợp gắn với đào tạo, nghiên cứu và đổi mới sáng tạo.

* Doanh thu chưa ghi nhận của VHM vào cuối quý 1/2026 đạt 201,6 nghìn tỷ đồng (+8% QoQ và +68% YoY), trong đó giá trị doanh thu từ các giao dịch bán lô lớn chiếm khoảng 50%.

* **Tỷ lệ nợ vay ròng/vốn chủ sở hữu của VHM tăng lên mức 42,5%** vào cuối quý 1/2026 (so với 37,8% vào cuối năm 2025 và 28,9% vào cuối quý 1/2025, và so với dự báo cuối năm 2026 của chúng tôi là 45,8%). Tỷ lệ đòn bẩy tăng phản ánh mức nợ vay cao hơn để phục vụ cho hoạt động phát triển dự án. Ban lãnh đạo kỳ vọng đòn bẩy sẽ giảm từ năm 2027 khi các dự án bước vào giai đoạn mở bán. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

VIC: Lợi nhuận mảng BĐS tăng trưởng mạnh, mảng khách sạn nghỉ dưỡng cải thiện, khoản tài trợ từ Chủ tịch hỗ trợ LNST sau lợi ích CĐTS quý 1/2026 - Báo cáo KQKD & Họp Gặp gỡ HĐQT

Tập đoàn Vingroup (VIC) báo cáo LNST sau lợi ích CĐTS quý 1/2026 đạt 7,3 nghìn tỷ đồng (+7% QoQ và +4% YoY), được hỗ trợ bởi (1) lợi nhuận mảng BĐS tăng mạnh từ việc ghi nhận các giao dịch bán lô lớn tại Ocean Park 2&3 và Green Paradise, cùng với bàn giao bán lẻ, (2) lợi nhuận từ HĐKD cải thiện của mảng khách sạn nghỉ dưỡng, và (3) khoản tài trợ từ Chủ tịch cho VinFast trị giá 5,0 nghìn tỷ đồng trong quý, giúp bù đắp các khoản lỗ tăng so với cùng kỳ từ mảng công nghiệp và chi phí tài chính gia tăng.

Do LNST sau lợi ích CĐTS quý 1/2026 hoàn thành 65% dự báo năm 2026 của chúng tôi, chúng tôi nhận thấy tiềm năng điều chỉnh tăng đối với dự báo LNST sau lợi ích CĐTS năm 2026 (11,2 nghìn tỷ đồng; -2% YoY), dù cần thêm đánh giá chi tiết.

* **Mảng bất động sản:** Xem thêm [Báo cáo KQKD của VHM](#) ngày 28/04.

*** Mảng khách sạn nghỉ dưỡng:** Mảng này ghi nhận kết quả mạnh mẽ trong quý 1/2026 với doanh thu tăng 50% YoY lên 3,7 nghìn tỷ đồng, trong khi công ty ghi nhận lợi nhuận từ HĐKD dương, đạt 515 tỷ đồng, so với mức lỗ hoạt động 231 tỷ đồng trong quý 1/2025 và 345 tỷ đồng trong quý 4/2025, vượt kỳ vọng của chúng tôi. Tỷ lệ lấp đầy trung bình tại các cơ sở do Vinpearl quản lý và sở hữu đạt 65% trong quý 1/2026, tăng 13 điểm % QoQ và 12 điểm % YoY.

*** Mảng công nghiệp:**

- Kết quả bàn giao xe toàn cầu: Trong quý 1/2026, VinFast đã bàn giao 58.577 ô tô điện (+61% YoY nhưng -32% QoQ; Việt Nam chiếm 92%) và 143.136 xe máy điện (+219% YoY nhưng -17% QoQ), lần lượt hoàn thành 23% và 14% dự báo năm 2026 của chúng tôi.

- Mảng này ghi nhận biên lỗ hoạt động ở mức -63% trong quý 1/2026, so với -61% trong quý 4/2025 và -83% trong quý 1/2025.

*** Các khoản tài trợ từ Chủ tịch cho VinFast:** Sau thông báo vào tháng 11/2024 về thỏa thuận hỗ trợ vốn mới – bao gồm khoản tài trợ lên tới 50 nghìn tỷ từ Chủ tịch VIC cho VinFast đến hết năm 2026 – **tính đến cuối quý 1/2026, Chủ tịch VIC đã giải ngân lũy kế 33 nghìn tỷ đồng cho VinFast.** Các khoản giải ngân bao gồm 5,2 nghìn tỷ đồng trong quý 4/2024, 5,0 nghìn tỷ đồng trong quý 1/2025, 18 nghìn tỷ đồng trong quý 2/2025 và khoản giải ngân mới 5 nghìn tỷ đồng trong quý 1/2026.

*** Dư nợ vay:** Tính đến cuối quý 1/2026, tổng nợ vay của VIC là 358 nghìn tỷ đồng (+6% QoQ và +42% YoY), với các khoản nợ vay bằng USD chưa được phòng vệ tỷ giá chiếm 16,7% tổng nợ vay. Về kỳ hạn nợ vay, không bao gồm các khoản vay hạn mức tín dụng, tổng nợ vay đáo hạn trong 12 tháng tới là 57,9 nghìn tỷ đồng, trong đó khoảng 80% là nợ vay trong nước (trái phiếu và vay ngân hàng) và 20% là các khoản vay hợp vốn quốc tế. Ban lãnh đạo duy trì tự tin vào khả năng tái cấp vốn và gia hạn thời gian đáo hạn cho phần nợ trong nước. Đối với các khoản vay hợp vốn quốc tế đáo hạn trong năm 2026, công ty có kế hoạch thực hiện đàm phán phương án tái cấp vốn với các bên cho vay cho 50%, trong khi phần còn lại sẽ được trả dần bằng dòng tiền hoạt động. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

BMP: Kế hoạch biên lợi nhuận năm 2026 dự kiến thu hẹp, nhưng LNST vẫn đặt mục tiêu tăng trưởng 4% YoY từ mức nền cao - Báo cáo ĐHCĐ

1. Kế hoạch năm 2026:

* Doanh thu: 6.053 tỷ đồng (+8,1% YoY; đạt 95% dự báo năm 2026 của chúng tôi)

* LNTT: 1.597 tỷ đồng (+3,8% YoY; đạt 90% dự báo năm 2026 của chúng tôi)

* LNST: 1.278 tỷ đồng (+4,0% YoY; đạt 90% dự báo năm 2026 của chúng tôi)

Công ty đã đưa ra mức kế hoạch biên lợi nhuận giảm so với cùng kỳ năm trước. Chúng tôi cho rằng nguyên nhân chủ yếu đến từ hai yếu tố: (1) chi phí đầu vào tăng cao do gián đoạn nguồn cung dầu liên quan đến xung đột Trung Đông, mà chúng tôi đánh giá là yếu tố ngắn hạn, và (2) Trung Quốc bãi bỏ hoàn thuế xuất khẩu 13% đối với PVC, có hiệu lực từ đầu tháng 4, mà chúng tôi cho rằng là yếu tố mang tính cấu trúc dài hạn hơn. Các yếu tố bất lợi này sẽ được bù đắp một phần bởi mức giá bán trung bình cao hơn, do BMP và các doanh nghiệp khác trong ngành đã tăng giá bán để phản ứng với đợt tăng mạnh gần đây của chi phí nguyên liệu đầu vào.

Dựa trên khảo sát gần đây của chúng tôi với các nhà phân phối, BMP đã tăng giá niêm yết khoảng 15% đối với PVC, 30% đối với HDPE và 15% đối với PPR so với lần điều chỉnh gần nhất vào năm 2023. Các doanh nghiệp lớn khác cũng đã triển khai việc tăng giá. NTP đã tăng giá bán khoảng 25% trên toàn bộ danh mục sản phẩm, trong khi HSG đã tăng giá PVC khoảng 15%. Các doanh nghiệp quy mô nhỏ hơn cũng đã tăng giá theo. Do đó, chúng tôi không kỳ vọng BMP sẽ mất thị phần do đợt tăng giá này, bởi đây là xu hướng chung của toàn ngành.

Quan điểm của chúng tôi về biên lợi nhuận năm 2026:

Triển vọng quý 2: Chúng tôi kỳ vọng biên lợi nhuận quý 2/2026 sẽ tiếp tục duy trì ở mức cao, nhờ được hỗ trợ bởi lượng hàng tồn kho giá thấp đã tích lũy cho nửa đầu năm 2026 (theo chia sẻ của ban lãnh đạo tại sự kiện Vietcap Access Day - VAD 2026), trong khi đợt tăng giá bán trung bình mới nhất của BMP đã bắt đầu có hiệu lực từ đầu tháng 4.

Triển vọng nửa cuối năm 2026: Khi lượng hàng tồn kho giá thấp dần được sử dụng hết, chúng tôi cho rằng biên lợi nhuận chung trong nửa cuối năm nhiều khả năng sẽ giảm so với nửa đầu năm. Chúng tôi hiện đánh giá triển vọng nửa cuối năm 2026 theo hai kịch bản:

*** Kịch bản 1 - Nếu căng thẳng Trung Đông vẫn kéo dài và chi phí đầu vào duy trì ở mặt bằng hiện tại:** Biên lợi nhuận sẽ chịu áp lực thu hẹp, do đợt tăng mạnh hiện tại của giá nguyên liệu đầu vào nhìn chung lớn hơn so với mức tăng 15% của giá bán trung bình gần đây, trong trường hợp không có thêm đợt tăng giá mới.

*** Kịch bản 2 - Nếu xung đột hạ nhiệt và chi phí đầu vào giảm:** Chúng tôi cho rằng BMP sẽ phải giảm giá thực tế để đảm bảo tăng trưởng sản lượng bán. Tuy nhiên, do BMP thường không giảm giá niêm yết, chúng tôi cho rằng công ty sẽ tăng mức chiết khấu để bù lại mức giá bán trung bình niêm yết cao hơn.

Trong Kịch bản 2, một trường hợp thuận lợi hơn sẽ là ba doanh nghiệp lớn nhất bao gồm BMP, NTP và HSG (hiện đang nắm giữ phần lớn thị phần) hạn chế giảm giá bán/gia tăng chiết khấu và tránh cuộc đua tranh giành thị phần lẫn nhau. Trong trường hợp đó, ngành có thể duy trì biên lợi nhuận cao hơn về mặt cấu trúc, với chi phí chiết khấu thấp dù chi phí đầu vào giảm. Tuy nhiên, chúng tôi đánh giá khả năng xảy ra kịch bản này có xác suất thấp hơn. Nếu chi phí đầu vào giảm trong khi giá bán trung bình niêm yết vẫn ở mức cao, lợi nhuận toàn ngành có thể còn tăng thêm so với mức vốn đã rất cao trong lịch sử – ví dụ, biên lợi nhuận gộp của BMP có thể vượt 50%. Theo quan điểm của chúng tôi, một bối cảnh biên lợi nhuận mạnh bất thường như vậy sẽ làm gia tăng động lực để một hoặc nhiều doanh nghiệp tăng chiết khấu nhằm giành thị phần. Điều này nhiều khả năng sẽ kích hoạt phản ứng cạnh tranh từ các doanh nghiệp cùng ngành, dẫn đến mức chiết khấu cao hơn, qua đó triệt tiêu phần lớn lợi ích từ việc tăng giá bán.

Kế hoạch chi phí vốn XDCB năm 2026: 297 tỷ đồng (+136% YoY; gấp 3 lần dự báo năm 2026 của chúng tôi) - chủ yếu nhằm cải thiện tự động hóa, công nghệ và hoạt động R&D.

2. Kế hoạch cổ tức năm tài chính 2025:

ĐHČĐ đã thông qua mức chi trả cổ tức bằng 99% LNST năm tài chính 2025, tương đương cổ tức tiền mặt 14.860 đồng/cổ phiếu cho năm tài chính 2025, trong đó 6.500 đồng/cổ phiếu đã được tạm ứng đợt 1 vào cuối năm 2025. Chúng tôi kỳ vọng phần còn lại 8.360 đồng/cổ phiếu sẽ được chi trả trong nửa đầu năm 2026, tương ứng với lợi suất cổ tức 5,7% dựa trên giá cổ phiếu hiện tại là 145.400 đồng/cổ phiếu.

3. Kế hoạch cổ tức năm tài chính 2026:

ĐHČĐ đã thông qua đề xuất chi trả cổ tức tối thiểu 50% LNST năm 2026. Chúng tôi kỳ vọng tỷ lệ chi trả thực tế đạt khoảng 99%. Dựa trên kế hoạch LNST năm 2026 của BMP là 1.278 tỷ đồng, mức này tương đương cổ tức tiền mặt khoảng 15.600 đồng/cổ phiếu từ lợi nhuận năm tài chính 2026.

Giá định 40% cổ tức năm 2026 (tương đương 6.240 đồng/cổ phiếu) được tạm ứng đợt 1 vào nửa cuối năm 2026 (dựa trên dữ liệu lịch sử khi đợt 1 thường chiếm 40%–50% tổng cổ tức hàng năm) và 60% còn lại (tương đương 9.360 đồng/cổ phiếu) được trả sau đó, chúng tôi ước tính cổ tức tiền mặt trong 12 tháng tới đạt khoảng 14.600 đồng/cổ phiếu. Con số này bao gồm:

*** 8.360 đồng/cổ phiếu:** Cổ tức đợt 2 của năm tài chính 2025, dự kiến trả vào nửa đầu năm 2026; và

*** 6.240 đồng/cổ phiếu:** Cổ tức đợt 1 của năm tài chính 2026, dự kiến trả vào nửa cuối năm 2026.

Mức này tương đương với lợi suất cổ tức trong 12 tháng tới đạt khoảng 10% theo giá thị trường hiện tại, với giá định BMP đạt được kế hoạch LNST năm 2026.

Trong quá khứ, BMP thường vượt kế hoạch lợi nhuận. Tuy nhiên, vào năm 2021, lợi nhuận đã giảm mạnh và không đạt kế hoạch do (1) lệnh phong tỏa vì dịch COVID-19 ảnh hưởng đến các hoạt động xây dựng, và (2) gián đoạn nguồn cung khiến giá đầu vào tăng mạnh, vượt quá mức tăng 16% của giá bán trung bình gộp. Yếu tố (2) là yếu tố cần được ưu tiên cân nhắc trong bối cảnh hiện tại. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

CTG: KQKD sơ bộ quý 1/2026 khả quan với bộ đệm dự phòng lớn để giảm thiểu tác động từ cú sốc địa chính trị - Báo cáo ĐHCĐ

- Chúng tôi đã tham dự ĐHCĐ của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (CTG) tại Hà Nội vào ngày 24/04/2026. Nội dung chính của đại hội bao gồm: (1) đề xuất các mục tiêu kinh doanh năm 2026, (2) thông qua kế hoạch chia cổ tức bằng cổ phiếu, (3) miễn nhiệm một thành viên HĐQT và sau đó bầu thành viên mới, và (4) đề xuất thành lập văn phòng đại diện ở nước ngoài. Phần Hỏi & Đáp tập trung vào triển vọng kinh doanh năm 2026 của CTG và đánh giá của ngân hàng về môi trường kinh tế vĩ mô.

- Cổ đông đã thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2026 của ngân hàng mẹ, bao gồm: (1) doanh thu: 179.673 tỷ đồng, (2) LNST: 34.080 tỷ đồng (+3,6% YoY), (3) ROE: 17,95%, (4) tỷ lệ nợ xấu: dưới 1,8%, và (5) tỷ lệ nợ nhóm 5: dưới 1,6%.

- Cổ đông cũng đã thông qua các nội dung sau: (1) chia cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 21%, sử dụng lợi nhuận giữ lại năm 2025, (2) miễn nhiệm ông Nguyễn Việt Dũng khỏi vị trí thành viên HĐQT để giữ chức Phó Tổng Giám đốc, và bầu bà Đặng Thị Việt Hà, hiện là Phó Tổng Giám đốc, vào HĐQT của CTG, và (3) thành lập 5 văn phòng đại diện tại nước ngoài, bao gồm 3 văn phòng tại Trung Quốc (Thượng Hải, Quảng Châu và Trùng Khánh), 1 văn phòng tại Singapore và 1 văn phòng tại Đài Loan (Đài Bắc). [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

DPG: Hoạt động bán BĐS diễn ra chậm hơn kỳ vọng gây áp lực lên lợi nhuận năm 2026; triển vọng dài hạn rõ ràng - Báo cáo ĐHCĐ

* **Nhìn chung, chúng tôi nhận thấy rủi ro điều chỉnh giảm đối với dự báo lợi nhuận năm 2026 của chúng tôi** do lợi nhuận tại dự án Casamia Balanca nhiều khả năng sẽ ghi nhận mức giảm, qua đó gây ảnh hưởng lên phần lợi nhuận cao hơn từ mảng xây dựng, dù vẫn cần thêm đánh giá chi tiết. Chúng tôi nhận thấy khả năng điều chỉnh tăng đối với dự báo lợi nhuận dài hạn, do việc dời thời điểm ghi nhận doanh số bán hàng tại Casamia Balanca từ năm 2026 sang giai đoạn 2027-2028, cùng với việc doanh thu từ mảng xây dựng có khả năng sẽ được ghi nhận ở mức cao hơn kỳ vọng. Chúng tôi hiện có khuyến nghị MUA đối với DPG với giá mục tiêu là 48.700 đồng/cổ phiếu.

* **DPG đặt mục tiêu cho doanh thu năm 2026 ở mức 8,5 nghìn tỷ đồng** (+74% so với kết quả thực tế năm 2025) và LNST sau lợi ích CĐTS ở mức 455 tỷ đồng (+33% so với kết quả thực tế năm 2025). Các con số này tương ứng với 135% dự báo doanh thu và 58% dự báo LNST sau lợi ích CĐTS của chúng tôi. Kế hoạch doanh thu cao hơn so với dự báo của chúng tôi phản ánh (1) kỳ vọng của DPG về mức tăng mạnh của mảng xây dựng (vượt 60% so với dự báo của chúng tôi), cùng với (2) việc nhà máy kính năng lượng mặt trời PV bắt đầu vận hành trong năm 2026, nhờ đó đóng góp 266 tỷ đồng vào doanh thu, qua đó bù đắp cho (3) tiến độ bán hàng chậm hơn tại dự án Casamia Balanca. Chúng tôi cho rằng việc công ty đặt kế hoạch LNST sau lợi ích CĐTS ở mức thấp hơn phản ánh dự phóng của DPG về mức ghi nhận lợi nhuận thấp tại Casamia Balanca, với biên lợi nhuận ròng chỉ ở mức 8%, trong đó doanh thu và LNST lần lượt tương đương 77% và 21% dự báo tương ứng của chúng tôi.

* **Chính sách cổ tức nhìn chung thấp hơn so với dự báo của chúng tôi:** DPG sẽ chi trả cổ tức tiền mặt ở mức 600 đồng/cổ phiếu cho năm 2025, thấp hơn 40% so với dự báo của chúng tôi. DPG hiện đưa ra kế hoạch chia cổ tức năm 2026 với mức cổ tức tiền mặt là 500-1.000 đồng/cổ phiếu (so với dự báo của chúng tôi là 1.000 đồng/cổ phiếu). [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

HDB: Mở rộng nền tảng tập đoàn tài chính để thúc đẩy tăng trưởng; đề xuất kế hoạch tăng vốn đáng kể - Báo cáo ĐHCĐ

Chúng tôi đã tham dự ĐHCĐ của Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDB) vào ngày 24/4. Nội dung chính của cuộc họp là trình bày chiến lược tăng trưởng của ngân hàng theo mô hình tập đoàn tài chính, kế hoạch năm 2026, phương án cổ tức, đầu tư vào các công ty con và các kế hoạch tăng vốn.

ĐHCĐ của HDB vượt ra ngoài khuôn khổ một kỳ ĐHCĐ thông thường và mang tính tái định vị câu chuyện đầu tư nhiều hơn: từ một ngân hàng tăng trưởng cao sang một tập đoàn tài chính tích hợp. Theo quan điểm của chúng tôi, kế hoạch đề ra là tham vọng nhưng có cơ sở, được hỗ trợ bởi thành tựu lịch sử, hệ số CAR cao và năng lực M&A của HDB. Việc chuyển đổi trái phiếu (dù đã được dự báo trước) diễn ra sớm hơn kỳ vọng sẽ tạo ra pha loãng đáng kể. Tuy nhiên, nếu thực hiện thành công phát hành riêng lẻ và tăng vốn tại các công ty con, bao gồm khả năng IPO, đây có thể trở thành chất xúc tác tái định giá đáng kể nhờ củng cố nền tảng vốn, cải thiện độ rõ ràng về triển vọng thực thi và giảm bớt lo ngại của nhà đầu tư đối với hồ sơ tăng trưởng cao của HDB.

- Kế hoạch năm 2026 bao gồm LNTT đạt 30,1 nghìn tỷ đồng (+41% YoY), tăng trưởng tín dụng hợp nhất 37% YoY, tăng trưởng huy động 27% YoY, và tỷ lệ nợ xấu được kiểm soát dưới 2%. ROE và ROA tối thiểu theo kế hoạch 2026 lần lượt là 25% và 2%. Nhìn chung, kế hoạch lợi nhuận năm 2026 cao hơn 7% so với dự báo của chúng tôi là 28,1 nghìn tỷ đồng (+32% YoY).

- Bà Thảo (Phó Chủ tịch Thường trực) tái khẳng định cam kết hoàn thành kế hoạch năm mà cổ đông giao, bất chấp những thách thức hiện tại của môi trường vĩ mô, nhờ tận dụng sức mạnh cộng hưởng trong tập đoàn và các lợi thế tăng trưởng ưu tiên. HDB có lịch sử vượt kế hoạch ĐHCĐ trung bình 8% trong 8 năm qua (chỉ thấp hơn 1% so với kế hoạch trong năm 2023).

- HDB đề xuất phương án cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 30% vốn điều lệ và không chia cổ tức tiền mặt cho năm tài chính 2025.

- HDB cũng đề xuất tăng sở hữu tại HD Securities từ 29,9999% (tại ngày 31/3) lên 51%-90%. Khi đó, HD Securities sẽ trở thành công ty con của HDB.

- Kế hoạch tăng vốn:

(1) Thực hiện chuyển đổi phần còn lại của trái phiếu chuyển đổi trị giá 165 triệu USD thành cổ phần

- Tỷ lệ chuyển đổi: 1:175.229,0076 (giá chuyển đổi xác định tại thời điểm phát hành trái phiếu là 43.061 đồng/cổ phiếu – hiện tương đương 13.100 đồng/cổ phiếu)

- Số lượng cổ phiếu mới phát hành: 289.127.861 cổ phiếu (tương đương 5,78% số cổ phần trước phát hành và 5,46% số cổ phần sau phát hành)

- Thời gian thực hiện: trong năm 2026

(2) Phát hành riêng lẻ 700 triệu cổ phiếu, tương đương 14,0% số cổ phiếu đang lưu hành, cho nhà đầu tư chuyên nghiệp (tương đương 13,2% sở hữu sau chuyển đổi trái phiếu và 10,2% nếu giả định ngày thực hiện sau khi trả cổ tức cổ phiếu 30%). Giá bán sẽ được đàm phán trực tiếp với bên mua. Dự kiến thực hiện trong 2026-2027.

Sự kiện lần này vượt ra ngoài khuôn khổ một kỳ ĐHCĐ thông thường và ngày càng giống một diễn đàn để HDB trình bày chiến lược tập đoàn tài chính mở rộng. Nếu ĐHCĐ năm 2025 đánh dấu việc chính thức giới thiệu khái niệm HD Financial Group - tích hợp HDB, Vikki Digital Bank, HD Saison, HD Securities, HD Insurance, HD Capital và Dong A Money Transfer - thì AGM 2026 đã đi sâu hơn vào các cấu phần chủ chốt như Vikki Digital Bank, HD Securities và HD Saison. Theo quan điểm của chúng tôi, điều này cho thấy ngân hàng đang bắt đầu phát tín hiệu dịch chuyển từ cấu trúc còn tương đối phân mảnh sang mô hình kinh doanh theo các mảng tích hợp hơn, dựa trên mạng lưới hơn 600 điểm bán, 26.500 điểm cung cấp dịch vụ tài chính và hơn 30 triệu khách hàng. Sự kiện cũng có sự tham gia và chia sẻ ủng hộ từ các nhà đầu tư chiến lược như DEG và LeapFrog, cũng như đại diện từ IFC, AWS và các công ty chứng khoán, qua đó càng củng cố cảm nhận rằng ban lãnh đạo đang dần xây dựng một câu chuyện phát triển dài hạn rộng hơn.

HDB đang ở vị thế thuận lợi để đạt mục tiêu tăng trưởng tín dụng thuộc nhóm cao nhất. Ban lãnh đạo cho rằng mục tiêu này khả thi nhờ mạng lưới phủ rộng toàn quốc và nền tảng tăng trưởng đa ngành của HDB. Ngân hàng cũng nhấn mạnh rằng vị thế vốn và nguồn vốn vẫn ở mức vững chắc, với CAR đạt 16,7% và LDR dưới 80%, đồng thời cho biết HDB vẫn duy trì nguồn vốn dồi dào và tham gia ổn định thị trường liên ngân hàng trong giai đoạn thanh khoản căng thẳng của Q1 2026, thay vì phải dựa vào hỗ trợ bên ngoài. Ngoài ra, HDB cũng đã trình kế hoạch tăng vốn điều lệ thông qua chuyển đổi trái phiếu và phát hành riêng lẻ, đồng thời tiếp tục duy trì định hướng tìm kiếm nhà đầu tư chiến lược nước ngoài, cho thấy nỗ lực củng cố nền tảng vốn để phục vụ tăng trưởng bền vững.

M&A là thế mạnh cốt lõi lâu năm của HDB. Ngân hàng cho biết M&A đã là một trụ cột chiến lược quan trọng từ năm 2011, với các thương vụ lớn bao gồm sáp nhập Dai A Bank, mua lại công ty tài chính tiêu dùng từ Societe Generale, và gần đây nhất là tiếp nhận Dong A Bank, nay là Vikki Digital Bank. Ban lãnh đạo nhấn mạnh rằng các thương vụ này cho thấy năng lực của HDB trong việc tiếp nhận các tài sản/tổ chức gặp khó khăn, tái cấu trúc thành công và đưa trở lại quỹ đạo tăng trưởng, đồng thời vẫn giữ được việc làm và tích hợp nhân sự vào tập đoàn. Vikki Digital Bank được nêu là ví dụ gần nhất, khi đã đạt điểm hòa vốn trong năm 2025 sau một quá trình tái cấu trúc được chuẩn bị trong hơn 5 năm.

Ngân hàng tái khẳng định tính liên tục của chính sách cổ tức, nhưng việc giữ lại vốn vẫn là ưu tiên trong ngắn hạn. Dù ban lãnh đạo cho biết đề xuất chia cổ tức tiền mặt có thể được xem xét nếu đủ điều kiện trong tương lai, ngân hàng nhấn mạnh rằng trong năm nay, HDB vẫn ưu tiên giữ lại lợi nhuận để tăng cường vốn chủ sở hữu và hỗ trợ tăng trưởng. Ở góc độ rộng hơn, ban lãnh đạo cho biết HDB sẽ duy trì chính sách cổ tức đều đặn, thường quanh mức 25%/năm và lên tới 30% trong những năm gần đây, với lần gián đoạn duy nhất gần với giai đoạn tái cơ cấu theo yêu cầu của NHNN.

Ban lãnh đạo cho rằng định giá hiện tại của HDB vẫn chưa phản ánh đầy đủ giá trị nội tại. Dù thừa nhận các chỉ số định giá như P/B đã cải thiện trong những năm gần đây, ban lãnh đạo tin rằng giá cổ phiếu hiện tại vẫn chưa phản ánh hết tiềm năng tạo giá trị trong tương lai của HDB. Ngân hàng gắn quan điểm này với sự tự tin vào khả năng duy trì mức sinh lời thuộc nhóm đầu, được hỗ trợ bởi nền tảng quản trị tốt hơn, năng lực vốn vững chắc, kỷ luật thực thi cao và khung quản trị rủi ro thận trọng. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

HDG: Tiến độ phát triển các dự án BĐS nhà ở tiếp tục được đẩy mạnh, tuy nhiên việc trích lập dự phòng mảng điện tạo áp lực lên lợi nhuận ngắn hạn - Báo cáo ĐHCĐ

Tại ĐHCĐ năm 2026, ban lãnh đạo CTCP Tập đoàn Hà Đô (HDG) đã tái khẳng định trọng tâm chiến lược của công ty là đẩy nhanh tăng trưởng trong mảng BĐS nhà ở, năng lực tái tạo và đầu tư tài chính (bao gồm cả các thương vụ sáp nhập và mua lại - M&A tiềm năng). Chủ tịch sáng lập Nguyễn Trọng Thông sẽ tiếp tục tham gia vào công tác lãnh đạo và điều hành của công ty.

Chúng tôi nhận thấy rủi ro điều chỉnh giảm đối với dự báo LNST sau lợi ích CĐTTS năm 2026 của chúng tôi (1.084 tỷ đồng, +9% YoY) do khoản trích lập dự phòng bất ngờ từ Infra 1, dù cần thêm đánh giá chi tiết. Chúng tôi hiện có khuyến nghị MUA đối với HDG với giá mục tiêu là 36.200 đồng/cổ phiếu.

+ Kế hoạch năm 2026: doanh thu 3.242 tỷ đồng (+16% YoY, ~109% dự báo năm 2026 của chúng tôi); LNST trước lợi ích CĐTTS 1.151 tỷ đồng (+16% YoY, ~106% dự báo năm 2026 của chúng tôi, do công ty dự kiến sẽ đẩy mạnh hoạt động bàn giao tại Charm Villas).

KQKD sơ bộ quý 1: doanh thu 689 tỷ đồng (+15% YoY, ~23% dự báo năm 2026); LNST trước lợi ích CĐTTS 103 tỷ đồng (-50% YoY, ~10% dự báo năm 2026 của chúng tôi), chủ yếu do việc trích lập dự phòng khoảng 193 tỷ đồng cho dự án điện mặt trời Infra 1.

+ **Cổ tức:** tổng mức cổ tức năm 2025 là 15%, bao gồm cổ tức tiền mặt 500 đồng/cổ phiếu (đã chi trả) và cổ tức bằng cổ phiếu 10%, nhìn chung phù hợp với kỳ vọng của chúng tôi. HDG đặt mục tiêu tổng cổ tức năm 2026 ở mức 15% (không nêu cụ thể bằng tiền mặt hay cổ phiếu), trong khi chúng tôi dự báo công ty sẽ không chi trả cổ tức tiền mặt trong năm 2026 nhằm giữ lại tiền mặt cho các dự án mới của công ty. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

LPB: Kế hoạch tăng trưởng lợi nhuận thấp do môi trường lãi suất cao - Báo cáo ĐHCĐ

* Chúng tôi đã tham dự ĐHCĐ của Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam (LPB) tại Ninh Bình vào ngày 28/04/2025. Chương trình nghị sự chính bao gồm (1) đề xuất các mục tiêu kinh doanh năm 2026, (2) phê duyệt kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025, (3) đề xuất thành lập ngân hàng thương mại do LPB sở hữu 100% vốn tại Trung tâm tài chính quốc tế (IFC) Việt Nam, và (4) miễn nhiệm một thành viên HĐQT và bầu bổ sung hai thành viên mới. Phần hỏi đáp tập trung vào kết quả hoạt động năm 2025, triển vọng kinh doanh năm 2026 và các chiến lược tăng trưởng dài hạn của LPB.

* Các cổ đông đã thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2026 của ngân hàng, bao gồm (1) tổng tài sản 615.600 tỷ đồng (+1,6% YoY), (2) tổng dư nợ tín dụng 437.581 tỷ đồng (+11,7% YoY), (3) tăng trưởng tiền gửi phù hợp với tăng trưởng tín dụng, và (4) LNTT 14.982 tỷ đồng (+5,0% YoY).

* Các cổ đông đã thông qua mức cổ tức bằng tiền mặt là 3.000 đồng/cổ phiếu, tương ứng với lợi suất cổ tức hấp dẫn là 6,6%.

* Các cổ đông đã thông qua việc thành lập ngân hàng thương mại do LPB sở hữu 100% vốn tại IFC.

* Các cổ đông đã thông qua việc miễn nhiệm bà Vương Thị Huyền khỏi HĐQT và bầu bà Dương Hoài Liên (hiện là Trưởng Ban kiểm soát LPB) và ông Phạm Quang Hưng (Thành viên độc lập) vào HĐQT.

* Theo quan điểm của chúng tôi, kế hoạch tăng trưởng lợi nhuận thấp năm 2026 của LPB về cơ bản là phù hợp trong bối cảnh vĩ mô năm nay còn nhiều thách thức và nền lợi nhuận năm 2025 ở mức cao. Quan trọng hơn, mặc dù các chiến lược và tầm nhìn của ngân hàng có vẻ thuyết phục, chúng tôi nhận thấy LPB vẫn thiếu những lợi thế cạnh tranh rõ ràng về chi phí vốn (COF) và danh mục sản phẩm để có thể mang lại sự tăng trưởng bền vững trong dài hạn. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

SCS: Kế hoạch LNTT tăng nhẹ 2,2% YoY - Báo cáo ĐHCĐ

1. Kế hoạch kinh doanh năm 2026

- CTCP Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn (SCS) đã công bố kế hoạch năm 2026 (chi tiết được trình bày tại bảng bên dưới).

- Kế hoạch này nhìn chung không khác biệt so với những gì công ty đã chia sẻ tại sự kiện Vietnam Access Day (VAD) 2026 được tổ chức vào đầu tháng 2/2026. Do đó, chúng tôi cho rằng kế hoạch này chưa phản ánh được tác động tiềm năng của cuộc xung đột tại Trung Đông lên tần suất các chuyến bay (yếu tố có thể gây áp lực lên thông lượng hàng hóa của SCS).

- Kế hoạch này nhìn chung cao hơn so với dự báo năm 2026 của chúng tôi, do trước đây chúng tôi giả định sân bay quốc tế Long Thành (LTH) sẽ đi vào hoạt động từ giữa năm 2026, qua đó làm giảm thông lượng hàng hóa quốc tế của SCS, trong khi ban lãnh đạo kỳ vọng nhà ga mới sẽ bắt đầu vận hành muộn hơn so với giả định của chúng tôi.

Kế hoạch kinh doanh năm 2026 của SCS

	Đơn vị	2025	2026G	YoY	2026F	2026G/ 2026F
Tổng thông lượng	Tấn	278.843	287.000	3,0%	269.361	107%
- Quốc tế	Tấn	224.328	225.000	0,3%	208.770	108%
- Trong nước	Tấn	54.515	62.000	13,7%	60.591	102%
Doanh thu (bao gồm doanh thu tài chính)	Tỷ đồng	1.270	1.300	2,4%	1.171	111%
LNTT	Tỷ đồng	940	960	2,2%	884	109%

Nguồn: SCS, Vietcap.

2. Phương án phân phối lợi nhuận năm tài chính 2025

- Cổ tức: 50% mệnh giá, tương đương 5.000 đồng/cổ phiếu, thấp hơn so với kỳ vọng của chúng tôi là 6.000 đồng/cổ phiếu. Trong đó, phần cổ tức 2.500 đồng/cổ phiếu đã được chi trả vào cuối tháng 1/2026, trong khi 2.500 đồng/cổ phiếu còn lại dự kiến sẽ được thanh toán vào thời điểm khác chưa được công bố.

- Quỹ khen thưởng và phúc lợi: 5% LNST.

- Thưởng vượt kế hoạch năm 2025: 12,6 tỷ đồng.

3. Cổ tức năm tài chính 2026

- Mức chi trả tối thiểu được đặt ở mức 30% mệnh giá, tuy nhiên tài liệu không nêu rõ liệu khoản này sẽ được chi trả bằng tiền mặt, cổ phiếu, hay kết hợp cả hai. Dù vậy, SCS trước đây luôn chi trả cổ tức bằng tiền mặt và thường đưa ra kế hoạch ban đầu ở mức tương đối thận trọng, nhưng cuối cùng lại thực hiện mức chi trả cổ tức cao hơn.

- Dự báo của chúng tôi: Chúng tôi kỳ vọng SCS sẽ chi trả cổ tức ở mức 5.500 đồng/cổ phiếu dựa trên kết quả lợi nhuận năm tài chính 2026. Điều này tương ứng với mức cổ tức 12 tháng tới là 5.500 đồng/cổ phiếu, bao gồm 2.500 đồng/cổ phiếu đến từ đợt 2 cổ tức năm tài chính 2025 và 3.000 đồng/cổ phiếu từ đợt 1 cổ tức năm tài chính 2026.

- Lợi suất cổ tức: Tại giá cổ phiếu hiện tại là 52.300 đồng, lợi suất cổ tức tương ứng cho 12 tháng tới là 10,5%.

4. Kế hoạch ESOP năm 2026

- Số lượng: 1.020.700 cổ phiếu (tương đương 1% số lượng cổ phiếu đang lưu hành hiện tại).

- Giá chào bán: 10.000 đồng/cổ phiếu.

- Thời gian hạn chế chuyển nhượng: 100% số cổ phiếu sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong năm đầu tiên; 50% sẽ tiếp tục bị hạn chế chuyển nhượng trong năm thứ hai.

5. Tác động từ xung đột Trung Đông

- Thông lượng tháng 3 bị ảnh hưởng bởi gián đoạn từ xung đột Trung Đông, với tổng thông lượng giảm 16% YoY, như đã nêu trong Báo cáo KQKD SCS gần nhất của chúng tôi.

- Thông lượng tháng 4 đã phục hồi từ mức thấp của tháng 3 khi căng thẳng hạ nhiệt, do các nhà nhập khẩu và xuất khẩu tận dụng tình hình để đẩy mạnh hoạt động vận chuyển hàng hóa nhiều nhất có thể.

- Triển vọng thời gian tới vẫn còn nhiều bất định, phụ thuộc vào diễn biến tiếp theo của xung đột tại Trung Đông.

6. Dự án sân bay Long Thành (LTH)

- Dựa trên những diễn biến mới nhất tại ACV, dự án LTH có khả năng sẽ bị chậm tiến độ. Giả định mới nhất của chúng tôi là LTH sẽ đi vào vận hành vào nửa đầu năm 2027.

- Do đó, tác động tiêu cực trong ngắn hạn đối với SCS (vốn ban đầu được dự kiến vào năm 2026) đã được lùi lại.

- Liên quan đến khả năng SCS tham gia dự án nhà ga hàng hóa số 1 với vai trò đơn vị vận hành, ban lãnh đạo đã bày tỏ quan điểm tích cực, cho rằng cạnh tranh từ HVN (nhà đầu tư của nhà ga số 2) sẽ làm gia tăng áp lực cạnh tranh đối với ACV, do đó ACV cần một đơn vị vận hành tốt và có kinh nghiệm như SCS.

7. Dự án tòa nhà văn phòng số 2

- Dự án hiện vẫn chưa có tiến triển mới, chờ phê duyệt từ Bộ Quốc phòng và Không quân.

8. Phương án khai thác quỹ đất sân đỗ tại Tân Sơn Nhất sau khi LTH đi vào hoạt động

- Khi LTH đi vào hoạt động và các chuyến bay được chuyển sang, quỹ đất sân đỗ của SCS tại TSN (hiện đang cho TSN thuê lại) nhiều khả năng sẽ không còn được sử dụng hiệu quả. Do đó, SCS đang tìm kiếm phương án khai thác quỹ đất này.

- Một trong những phương án ban lãnh đạo đang cân nhắc là phát triển dịch vụ sửa chữa và bảo dưỡng (R&M) máy bay. SCS đã có các cuộc trao đổi sơ bộ với Lufthansa về khả năng hợp tác trong lĩnh vực này, tuy nhiên hiện vẫn đang ở giai đoạn đề xuất thương mại ban đầu.

- Ban lãnh đạo cho biết vẫn còn hai điều kiện tiên quyết trước khi có thể triển khai các phương án khai thác quỹ đất: (1) thời điểm TSN chính thức bàn giao lại khu đất cho SCS, và (2) sự chấp thuận của cổ đông A41 đối với việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất. Đến nay, A41 vẫn chưa có phản hồi cụ thể.

- Dịch vụ sửa chữa và bảo dưỡng chỉ là một trong các phương án đang được cân nhắc; ban lãnh đạo cho biết biên lợi nhuận của mảng này không thực sự hấp dẫn sau khi phân tích chi tiết, và công ty đang xem xét thêm các phương án khác. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

SSI: Lợi thế chi phí vốn và gia tăng thị phần tiếp tục là trọng tâm thúc đẩy tăng trưởng - Báo cáo ĐHCĐ

* Chúng tôi đã tham dự ĐHCĐ của CTCP Chứng khoán SSI (SSI) tại TP.HCM vào tháng 4/2026. Nội dung chính của cuộc họp gồm (1) rà soát KIQKD năm 2025, (2) phê duyệt kế hoạch kinh doanh năm 2026, và (3) phê duyệt các vấn đề liên quan đến cổ đông/quản trị, bao gồm việc đề cử thành viên HĐQT mới liên quan đến Daiwa.

* Phần hỏi đáp tập trung chủ yếu vào (1) chiến lược của SSI nhằm bảo vệ vị thế dẫn đầu thị trường mà không cần cạnh tranh về phí, (2) chi phí vốn và cơ cấu vốn trong môi trường lãi suất cao hơn, (3) sự chuẩn bị cho các dòng vốn nước ngoài tiềm năng từ việc nâng hạng thị trường Việt Nam, và (4) năng lực cạnh tranh của SSI đối với các thương vụ IPO và M&A quy mô lớn.

* ĐHCĐ đã thông qua kế hoạch doanh thu hợp nhất năm 2026 đạt 15,7 nghìn tỷ đồng (+20% YoY) và LNTT đạt 5,8 nghìn tỷ đồng (+15% YoY) so với dự báo LNTT cả năm của chúng tôi là 6,4 nghìn tỷ đồng (+25% YoY). Chúng tôi cho rằng kế hoạch năm 2026 là khả thi, được hỗ trợ bởi sự tăng trưởng liên tục của mảng cho vay ký quỹ, sự phục hồi tiềm năng của hoạt động IPO/ngân hàng đầu tư (IB), và những lợi ích có thể có từ việc nâng hạng thị trường Việt Nam.

* Về kế hoạch cổ tức, các cổ đông đã thông qua cổ tức bằng tiền mặt 1.000 đồng/cổ phiếu (tương đương lợi suất cổ tức 3,6%) và cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 20%.

* Tại ĐHCĐ, các cổ đông đã thông qua việc bổ nhiệm ông Hirano, đại diện của Daiwa, làm thành viên HĐQT mới của SSI.

Theo ban lãnh đạo, các lợi thế của SSI giúp giảm thiểu áp lực chi phí vốn trong môi trường lãi suất cao hơn. Các lợi thế này bao gồm (1) mối quan hệ ngân hàng lâu dài, cho phép SSI đảm bảo mức lãi suất vay thấp hơn 50–100 điểm cơ bản so với các đối thủ cùng ngành, (2) nền tảng vốn chủ sở hữu lớn, giúp giảm sự phụ thuộc vào nguồn vốn bên ngoài so với các đối thủ, và (3) đội ngũ nguồn vốn mạnh, cho phép SSI chuyển dịch hiệu quả chi phí vốn cao hơn sang lợi suất đầu tư thu nhập cố định và lãi suất cho vay, từ đó bảo vệ lợi nhuận. Theo đó, SSI vẫn mang lại lợi nhuận mạnh mẽ trong quý 1/2026 bất chấp bối cảnh lãi suất cao, với LNTT đạt 1,6 nghìn tỷ đồng (+52% YoY), tương đương 28% kế hoạch cả năm của công ty.

Ban lãnh đạo nhận thấy dư địa để SSI tiếp tục mở rộng thị phần ở cả phân khúc bán lẻ và tổ chức. Trong mảng môi giới bán lẻ, SSI có kế hoạch tăng cường đội ngũ bán hàng, nâng cao chất lượng dịch vụ và mở rộng thu hút khách hàng thông qua cả các kênh truyền thống và kỹ thuật số/mạng xã hội, điều mà ban lãnh đạo coi là ngày càng quan trọng khi cơ sở khách hàng bán lẻ đại chúng tiếp tục mở rộng. Trong mảng môi giới tổ chức, ban lãnh đạo nhấn mạnh SSI là đơn vị dẫn đầu ngành về tốc độ thực hiện lệnh, đây sẽ là lợi thế cạnh tranh quan trọng hơn nữa khi CCP được triển khai và giao dịch trong ngày được giới thiệu vào năm tới. Do đó, ban lãnh đạo tin rằng SSI có thể đạt được 30% thị phần trong phân khúc môi giới tổ chức. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

TCB, TCX: Triển vọng tăng trưởng ngắn hạn có phần khó lường do biến động vĩ mô, nhưng lợi thế cạnh tranh dài hạn rõ ràng - Báo cáo ĐHCĐ

- Chúng tôi đã tham dự ĐHCĐ của Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (TCB) và CTCP Chứng khoán Kỹ Thương (TCX) tại Hà Nội vào ngày 26/04/2026.

- Nhìn chung, cả hai ban lãnh đạo đều thể hiện quan điểm tương đối thận trọng đối với triển vọng tăng trưởng lợi nhuận năm 2026 do tác động tiêu cực của lãi suất cao hơn đến NIM cũng như nhu cầu tín dụng và trái phiếu doanh nghiệp. Tuy nhiên, TCB và TCX tiếp tục khẳng định niềm tin vào những lợi thế cạnh tranh mà họ sở hữu để thực hiện các chiến lược tăng trưởng dài hạn cho giai đoạn 2026–2030, bao gồm việc mở rộng sang các lĩnh vực kinh doanh mới và tăng trưởng cao (ví dụ: tài trợ dự án cơ sở hạ tầng, cho vay hộ kinh doanh/SME, bảo hiểm đối với TCB; tài sản số, dịch vụ thị trường vốn (ECM), môi giới khách hàng tổ chức đối với TCX) và tăng cường tích hợp AI vào hoạt động kinh doanh.

- Theo quan điểm của chúng tôi, các chiến lược tăng trưởng mà cả hai ban lãnh đạo đề ra không phải là mới và đã được đề cập kỹ lưỡng tại nhiều sự kiện vào năm ngoái. Vấn đề quan trọng hơn là khả năng thực thi, và với bề dày thành tích của TCB và TCX, chúng tôi vẫn tin rằng cả hai doanh nghiệp sẽ tiếp tục dẫn đầu trong ngành ngân hàng và chứng khoán cũng như mang lại tăng trưởng lợi nhuận mạnh mẽ, bền vững trong trung và dài hạn. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

VCB: Mục tiêu tăng trưởng LNTT khiêm tốn trong bối cảnh vĩ mô còn nhiều bất ổn - Báo cáo ĐHCĐ

* Chúng tôi đã tham dự ĐHCĐ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (VCB) tại Hà Nội vào ngày 24/04/2026. Nội dung chính của đại hội bao gồm: (1) đề xuất các mục tiêu kinh doanh năm 2026, (2) thông qua việc phát hành cổ phiếu tỷ lệ 12,8% để tăng vốn từ nguồn quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, (3) thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2025, và (4) đề xuất thành lập ngân hàng thương mại do VCB sở hữu 100% vốn tại Trung tâm tài chính quốc tế (IFC) Việt Nam. Phần hỏi đáp tập trung vào triển vọng kinh doanh năm 2026 và kế hoạch tăng vốn của VCB.

* Cổ đông đã thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2026 của ngân hàng, bao gồm: (1) tổng tài sản tăng trưởng phù hợp với tăng trưởng tín dụng, (2) tăng trưởng huy động phù hợp với tăng trưởng tín dụng, (3) tăng trưởng tín dụng 10% và không vượt quá hạn mức do NHNN giao (13%), (4) tỷ lệ nợ xấu dưới 1,5%, và (5) LNTT hợp nhất tăng khoảng 5,0% YoY.

* Cổ đông đã thông qua việc thành lập ngân hàng thương mại do VCB sở hữu 100% vốn tại IFC với vốn điều lệ 3 nghìn tỷ đồng để thực hiện các dịch vụ ngân hàng thương mại và các dịch vụ khác được phép cung cấp trong IFC.

* Theo quan điểm của chúng tôi, mục tiêu tăng trưởng tín dụng và LNTT thấp của VCB không gây bất ngờ, do tính thận trọng truyền thống của ngân hàng và mức độ bất ổn vĩ mô còn cao liên quan đến việc cuộc xung đột tại Trung Đông vẫn chưa được giải quyết. Dù chúng tôi vẫn cho rằng VCB hiện có vị thế thuận lợi để vượt kế hoạch trong năm 2026, chúng tôi thừa nhận rằng lập trường thận trọng của ban lãnh đạo có thể tạo ra tâm lý tiêu cực đối với nhà đầu tư.

Liên quan đến kế hoạch phát hành riêng lẻ, VCB đang hướng tới các cổ đông lớn có thể đóng góp đáng kể vào sự phát triển bền vững của VCB. Mizuho Bank của Nhật Bản sẽ duy trì tỷ lệ sở hữu hiện tại là 15% và có thể tăng thêm tỷ lệ sở hữu. Ngân hàng đã thuê tư vấn và tổ chức nhiều cuộc làm việc sâu rộng với nhiều nhà đầu tư tiềm năng. Tuy nhiên, trong bối cảnh thị trường hiện tại, quyết định đầu tư đã trở nên khó khăn hơn, dẫn đến tiến độ thực hiện bị chậm lại.

VCB hiện đang trong các vòng đàm phán chi tiết với một số nhà đầu tư tiềm năng. Ngân hàng kỳ vọng rằng trong thời gian tới, khi tình hình kinh tế toàn cầu và thị trường tiền tệ cải thiện, sẽ có thêm nhiều nhà đầu tư tiềm năng đầu tư vào VCB. Ngân hàng đặt mục tiêu hoàn tất giao dịch trong năm 2026, phù hợp với điều kiện thị trường và khẩu vị của nhà đầu tư.

Các nguyên tắc xác định giá phát hành được quy định rõ theo pháp luật hiện hành. Giá phát hành phải đồng thời đáp ứng ba tiêu chí:

- (1) Không được thấp hơn giá trị sổ sách của cổ phiếu tại ngày lập báo cáo gần nhất.
- (2) Không thấp hơn giá trị được xác định bởi một tổ chức định giá độc lập có giấy phép.
- (3) Không được thấp hơn bình quân giá mở cửa của cổ phiếu VCB trong 10 phiên giao dịch liên tiếp ngay trước ngày nhà đầu tư thông báo ý định mua, và giá đóng cửa của phiên giao dịch gần nhất trước đó.

VCB tái khẳng định cam kết đối với mục tiêu tăng trưởng bền vững. Ngân hàng chỉ đăng ký mục tiêu tăng trưởng tín dụng 10% dù được hưởng hạn mức tín dụng ưu đãi từ NHNN nhờ nhận một ngân hàng 0 đồng theo phương án chuyển giao bắt buộc. Trong các lĩnh vực BDS và hạ tầng, VCB duy trì tỷ trọng cho vay thấp hơn mức trung bình, qua đó kiểm soát chặt chẽ các rủi ro mang tính chu kỳ và biến động thị trường.

Chiến lược của VCB:

- KCN và khu chế xuất: ưu tiên thu hút FDI, thúc đẩy sản xuất và xuất khẩu; duy trì tăng trưởng hai chữ số đối với danh mục khách hàng FDI.
- Du lịch, khách sạn và khu nghỉ dưỡng: hỗ trợ các ngành kinh tế trọng điểm và tạo ra nguồn thu ổn định.
- Nhà ở xã hội và tòa nhà văn phòng: đáp ứng nhu cầu đô thị, phù hợp với mục tiêu ESG và an sinh xã hội.

Về mặt sản phẩm, VCB ưu tiên cấp tín dụng phục vụ nhu cầu nhà ở thực với giá trị hợp lý, đồng thời kiểm soát chặt chẽ các khoản vay mang tính đầu cơ. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại VietcapIQ.](#)

VJC: Tập trung vào Hoạt động mở rộng đội bay và chiến lược bay đường dài; kế hoạch kinh doanh tương đối thận trọng trong bối cảnh cạnh tranh tại Trung Đông - Báo cáo ĐHCĐ

Chúng tôi đã tham dự ĐHCĐ của CTCP Hàng không Vietjet (VJC) vào ngày 24/04/2026, với các nội dung chính như sau:

* **Kế hoạch năm 2026:** VJC công bố kế hoạch năm 2026 với mục tiêu doanh thu đạt mức 86,7 nghìn tỷ đồng (3.29 tỷ USD; +24% YoY) và LNTT 2,4 nghìn tỷ đồng (91,1 triệu USD; +15% YoY). Kế hoạch này đã được điều chỉnh để phản ánh các rủi ro từ cạnh tranh Trung Đông đang diễn ra. Chúng tôi hiện đang xem xét lại dự báo, và thực hiện thêm các đánh giá chi tiết.

* Kế hoạch mở rộng đội bay:

- VJC đặt mục tiêu mở rộng đội bay lên 115 tàu bay vào cuối năm 2026 (so với 101 tàu vào cuối năm 2025). Tính cả ba AOC tại Việt Nam, Thái Lan và Kazakhstan, tổng quy mô đội bay dự kiến đạt khoảng ~150 tàu bay vào cuối năm 2026. Cần lưu ý, VJC đã nhận được 22 tàu bay chỉ riêng trong tháng 12/2025 (bao gồm 9 Boeing, 7 Airbus, 2 COMAC). Từ đầu năm 2026 đến nay, hãng đã nhận thêm 3 tàu bay A321neo, qua đó hỗ trợ nhu cầu cao điểm trong nước trong dịp Tết.

- Ban lãnh đạo kỳ vọng các tàu bay Airbus A330neo đầu tiên sẽ được bàn giao vào cuối quý 3 đến đầu quý 4/2026, là bước đi quan trọng để thâm nhập sâu hơn vào các phân khúc đường bay dài, và các đường bay có lợi suất cao.

- Trong dài hạn, VJC có kế hoạch nhận khoảng 600 tàu bay đến năm 2035, qua đó có thể đưa hãng vào nhóm năm hãng hàng không lớn nhất thế giới về quy mô đội bay.

* Mở rộng đường bay dài:

- Tính đến cuối năm 2025, VJC đã khai thác 254 đường bay (202 đường bay quốc tế, 52 đường bay trong nước).

- Từ đầu năm 2026 đến nay, hãng đã khai trương ba đường bay quốc tế mới (một đường bay đến Bangkok và hai đường bay đến Trung Quốc), đồng thời, dự kiến sẽ sớm triển khai thêm ba đường bay Trung Quốc, với một đường bay mới đi Nhật Bản dự kiến khai trương vào ngày 28/04/26. Trong quý 4/2026, VJC có kế hoạch khai thác các chuyến bay thẳng đến châu Âu từ Việt Nam và/hoặc Thái Lan bằng đội bay Airbus A330neo mới, trong khi kế hoạch tương lai bao gồm triển khai Airbus A330 – XLR cho các đường bay đi châu Âu với điểm dừng tại Kazakhstan. Sau kỳ nghỉ Lễ Lao động năm nay, VJC dự kiến sẽ khai thác chuyến bay thương mại đầu tiên đến châu Âu tới Prague qua Kazakhstan, với kế hoạch mở rộng tiếp theo đến Pháp, Anh, Đức và các điểm đến khác sau quý 3/2026.

*** VJC tiếp tục định vị dịch vụ phụ trợ là một trụ cột tăng trưởng chiến lược quan trọng** trong việc xây dựng một hệ sinh thái hàng không và du lịch toàn diện hơn. Với việc Vikki Digital Bank được tích hợp vào hệ sinh thái (ví dụ: dịch vụ đổi ngoại tệ và thẻ tín dụng), ban lãnh đạo kỳ vọng doanh thu mảng dịch vụ phụ trợ sẽ đóng góp tỷ trọng lớn hơn trong tổng doanh thu trong thời gian tới.

*** Sự hiện diện tại Sân bay Quốc tế Long Thành (LTA):** Các nhà xưởng bảo trì, sửa chữa (MRO) số 3 và số 4 dự kiến sẽ hoàn thành vào cuối quý 2/2026. Khi mảng MRO đi vào vận hành đầy đủ, ban lãnh đạo ước tính sẽ cần ít nhất 1.000 nhân sự tay nghề cao, đồng thời có thể giúp rút ngắn gần một nửa cả thời gian kiểm tra kỹ thuật và thời gian quay đầu tàu bay. Công ty kỳ vọng mảng MRO sẽ bắt đầu đóng góp lợi nhuận trong ngắn hạn.

* Phát hành quyền mua và cổ tức:

- Cổ tức cổ phiếu năm 2025: Theo tỷ lệ 100:30 (cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu sẽ nhận thêm 30 cổ phiếu mới). Sau phát hành, vốn điều lệ của VJC sẽ tăng lên 7,69 nghìn tỷ đồng từ mức hiện tại 5,92 nghìn tỷ đồng. Việc chi trả dự kiến sẽ được thực hiện trong năm 2026.

- Phát hành riêng lẻ: VJC có kế hoạch phát hành riêng lẻ tối đa 46 triệu cổ phiếu với giá phát hành tối thiểu 41.935 đồng/cổ phiếu, kèm thời hạn hạn chế chuyển nhượng một năm. Tổng số tiền huy động tối đa khoảng 7,92 nghìn tỷ đồng, sẽ được sử dụng để tăng cường năng lực tài chính, đầu tư vào hạ tầng hàng không như các nhà xưởng MRO và bảo dưỡng tàu bay. Đợt phát hành dự kiến thực hiện trong năm 2026, sau khi hoàn tất chi trả cổ tức bằng cổ phiếu. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

Giá mục tiêu & Khuyến nghị - Cổ phiếu Vietcap theo dõi

Mã	Ngành	Room NN	GVH tr USD	GTGD/ 30N trUSD	Giá hiện tại	Giá mục tiêu	Tỷ lệ tăng	Lợi suất cổ tức	Tổng mức sinh lời	Khuyến nghị	Ngày báo cáo gần nhất	P/E 2024	P/E 2025	P/E Ngành trượt 12T*	P/B trượt 12T
STK	Dệt may	83%	73	0,0	13.800	25.500	85%	0,0%	85%	KQ	17/01/25	39,1	9,3	15,2	1,1
DGC	Công nghiệp	34%	769	8,2	53.300	91.200	71%	5,6%	77%	MUA	02/03/26	7,1	6,8	15,2	1,3
KDH	Bất động sản	14%	1.091	4,4	25.600	43.700	71%	0,0%	71%	MUA	09/03/26	29,4	18,5	19,7	1,6
NLG	Bất động sản	5%	509	3,8	27.650	45.800	66%	1,4%	67%	MUA	09/03/26	16,1	20,0	19,7	1,1
HVN	Hàng không	21%	2.677	0,8	22.650	37.100	64%	0,0%	64%	KQ	22/07/25	9,7	8,1	19,0	11,9
FPT	CNTT	8%	4.749	24,8	73.400	116.600	59%	3,1%	62%	MUA	22/10/25	14,5	12,9	19,1	3,4
BMI	Bảo hiểm	19%	86	0,3	15.050	23.100	53%	3,3%	57%	MUA	12/04/24	10,0	6,0	13,2	0,8
SZC	KCN	18%	189	0,7	27.700	42.400	53%	3,6%	57%	KQ	01/07/25	15,7	14,2	19,7	1,6
PVS	Dầu khí	34%	740	7,2	38.100	58.100	52%	0,0%	52%	MUA	26/02/26	13,4	12,8	20,7	1,3
VGC	KCN	43%	747	1,6	43.850	64.100	46%	5,0%	51%	MUA	21/10/25	14,0	12,6	15,4	2,3
SSI	Chứng khoán	66%	2.621	28,2	27.700	40.800	47%	3,6%	51%	KQ	27/08/25	14,0	15,1	18,8	1,8
PLC	Dầu khí	48%	69	0,3	22.400	31.900	42%	4,5%	47%	MUA	12/09/25	133,3	7,2	15,2	1,5
DCM	Phân bón	44%	837	7,8	41.650	57.600	38%	4,8%	43%	MUA	10/03/26	12,2	7,9	15,2	2,1
ACG	Gỗ	11%	190	0,0	33.200	45.800	38%	5,1%	43%	MUA	15/07/25	10,5	8,3	13,9	1,2
BMP	VLXD	14%	457	1,3	147.000	192.500	31%	10,9%	42%	MUA	12/11/25	9,9	8,6	15,4	3,8
VPB	Ngân hàng	6%	8.212	19,8	27.250	38.000	39%	1,8%	41%	MUA	19/11/25	9,0	7,1	11,2	1,2
BWE	Điện & Nước	39%	361	1,1	43.200	58.700	36%	3,0%	39%	MUA	02/02/26	11,5	10,4	11,7	1,6
PVT	Dầu khí	39%	413	6,5	23.150	30.800	33%	4,3%	37%	MUA	13/03/26	11,0	7,5	13,1	1,3
GEX	Điện & Nước	42%	1.364	15,5	39.800	54.000	36%	1,3%	37%	MUA	30/12/25	23,4	26,2	13,1	2,0
ACB	Ngân hàng	0%	4.565	9,7	23.400	32.000	37%	0,0%	37%	MUA	05/03/26	7,8	6,4	11,2	1,2
SAB	Đồ uống/Thực phẩm	41%	2.290	1,4	47.000	59.000	26%	10,6%	36%	MUA	06/01/26	14,0	13,4	14,7	2,7
HDG	Điện & Nước	31%	374	3,1	26.600	36.200	36%	0,0%	36%	MUA	23/03/26	14,4	11,8	19,7	1,4
PC1	Điện & Nước	33%	351	7,4	22.450	30.500	36%	0,0%	36%	MUA	02/02/26	9,5	8,4	15,4	1,4
MBB	Ngân hàng	0%	8.016	17,5	26.200	35.000	34%	1,9%	35%	MUA	13/03/26	8,5	6,6	11,2	1,6
MCH	Bán lẻ	33%	6.859	1,3	139.500	181.700	30%	4,3%	35%	PHTT	28/11/25	27,0	23,6	14,7	10,0
HPG	VLXD	27%	8.134	40,3	27.900	36.600	31%	1,8%	33%	MUA	04/04/26	14,4	10,1	13,9	1,7
NT2	Điện & Nước	37%	271	1,1	24.800	30.300	22%	10,1%	32%	MUA	26/02/26	7,4	6,7	11,7	1,4

HDC	Bất động sản	46%	142	2,3	18.700	24.600	32%	0,0%	32%	KQ	09/01/26	5,8	12,0	19,7	1,3
MSN	Bán lẻ	24%	4.240	18,1	77.200	101.200	31%	0,0%	31%	MUA	21/05/25	27,2	26,3	13,1	3,2
TLG	Văn phòng phẩm	85%	184	0,4	50.100	61.900	24%	7,0%	31%	MUA	12/09/25	10,7	8,1	9,9	1,9
POW	Điện & Nước	45%	1.492	6,8	12.800	16.700	30%	0,0%	30%	MUA	27/03/26	16,1	16,2	11,7	1,2
QNS	Đồ uống/Thực phẩm	41%	618	0,2	44.200	53.400	21%	9,0%	30%	KQ	30/08/24	8,4	6,3	14,7	1,5
PVD	Dầu khí	43%	663	6,3	31.400	40.300	28%	0,0%	28%	MUA	09/04/26	19,4	15,6	20,7	1,0
CTG	Ngân hàng	3%	10.325	9,9	35.000	44.900	28%	0,0%	28%	MUA	10/03/26	9,0	7,8	11,2	1,5
GMD	GTVT	9%	1.215	5,4	75.000	93.900	25%	3,1%	28%	MUA	26/02/26	20,3	13,3	13,1	2,4
TV2	Điện & Nước	5%	91	0,8	35.450	43.900	24%	2,8%	27%	MUA	18/09/25	40,4	14,1	13,1	1,9
DXG	Bất động sản	26%	630	10,8	14.900	18.700	26%	0,0%	26%	MUA	06/04/26	71,6	74,9	19,7	1,2
REE	Điện & Nước	0%	1.282	4,0	62.300	76.900	23%	1,6%	25%	MUA	22/04/26	13,3	11,7	13,1	1,6
QTP	Điện & Nước	48%	213	0,5	12.500	14.600	17%	8,0%	25%	MUA	10/12/25	5,5	8,5	11,7	1,0
TCB	Ngân hàng	0%	9.218	17,5	34.250	41.500	21%	3,5%	25%	MUA	04/03/26	9,6	8,1	11,2	1,4
HDB	Ngân hàng	1%	5.114	20,0	26.900	33.000	23%	1,9%	25%	MUA	06/03/26	7,5	6,4	11,2	1,8
FRT	Bán lẻ	16%	935	2,8	144.500	178.800	24%	0,7%	24%	MUA	13/11/25	31,0	21,9	12,7	5,9
KBC	KCN	31%	1.223	5,2	34.200	42.500	24%	0,0%	24%	MUA	13/03/26	15,0	10,8	19,7	1,3
IDC	KCN	32%	657	4,2	45.600	54.600	20%	4,4%	24%	MUA	17/03/26	9,0	8,7	19,7	2,7
GAS	Dầu khí	47%	7.176	4,6	78.300	93.600	20%	3,2%	23%	MUA	14/04/26	16,9	15,3	11,7	2,9
DPM	Phân bón	42%	683	6,0	26.450	31.200	18%	4,5%	22%	PHTT	10/03/26	20,2	11,9	15,2	1,6
MWG	Bán lẻ	1%	4.657	23,2	83.500	101.000	21%	1,2%	22%	MUA	14/10/25	17,4	14,7	12,7	3,8
VCB	Ngân hàng	8%	19.233	18,1	60.600	73.500	21%	0,7%	22%	MUA	17/03/26	15,6	12,9	11,2	2,3
VNM	Đồ uống/Thực phẩm	52%	4.874	10,1	61.400	70.300	14%	6,5%	21%	MUA	24/04/25	13,6	14,6	14,7	4,2
AST	DV Hàng không	5%	119	0,0	69.700	80.600	16%	5,0%	21%	MUA	26/08/25	12,5	12,1	12,7	5,3
BID	Ngân hàng	12%	11.268	12,1	40.750	48.800	20%	0,0%	20%	MUA	01/04/26	10,7	9,6	11,2	1,8
PHR	Công nghiệp	34%	312	0,5	60.700	71.300	17%	2,2%	20%	MUA	25/03/26	17,8	8,8	15,2	2,0
SIP	KCN	44%	555	1,2	60.300	69.800	16%	3,3%	19%	MUA	22/12/25	11,7	11,3	19,7	2,8
VHC	Đồ uống/Thực phẩm	78%	532	1,7	62.400	71.600	15%	3,2%	18%	MUA	26/01/26	10,3	7,9	14,7	1,5
TDM	Điện & Nước	48%	243	1,1	57.500	65.300	14%	2,6%	16%	KQ	02/02/26	33,0	31,0	11,7	2,4
DHC	Công nghiệp	13%	132	0,4	36.100	40.100	11%	3,6%	15%	MUA	16/12/25	8,9	8,6	13,9	1,6
PPC	Điện & Nước	40%	122	0,2	10.050	11.000	9%	5,0%	14%	KQ	10/12/25	19,8	10,0	11,7	0,7

DXS	Bất động sản	29%	161	0,8	7.300	8.300	14%	0,0%	14%	KQ	06/04/26	13,4	12,5	19,7	0,7
CTR	CNTT	40%	379	1,1	87.200	96.800	11%	1,7%	13%	KQ	14/04/26	16,6	14,3	15,4	4,8
DPG	Điện & Nước	41%	199	1,0	44.250	48.700	10%	2,3%	12%	MUA	06/01/26	11,1	6,7	15,4	2,4
ACV	Hàng không	46%	6.071	1,1	44.700	50.100	12%	0,0%	12%	PHTT	06/04/26	14,6	14,0	13,1	2,3
PNJ	Bán lẻ	0%	1.361	6,0	70.000	75.600	8%	2,9%	11%	MUA	07/11/25	13,7	15,3	9,9	2,7
BSR	Lọc hóa dầu	49%	4.755	13,8	25.000	27.000	8%	2,8%	11%	PHTT	18/03/26	24,1	7,7	20,7	2,1
PTB	Công nghiệp	12%	152	0,3	49.800	52.000	4%	4,2%	9%	KQ	06/10/25	6,6	8,6	13,9	1,3
SCS	DV Hàng không	14%	190	0,3	52.700	51.200	-3%	10,4%	8%	PHTT	13/01/26	6,7	7,1	19,0	3,0
VEA	Ô-tô	47%	1.671	0,3	33.200	30.800	-7%	14,5%	7%	PHTT	28/10/25	6,0	6,2	13,1	1,6
VIB	Ngân hàng	0%	2.230	5,9	17.250	18.500	7%	0,0%	7%	KQ	23/05/25	8,1	6,6	11,2	1,3
VRE	Bất động sản	31%	2.486	6,9	28.800	30.700	7%	0,0%	7%	KQ	30/03/26	10,2	12,0	19,7	1,4
PLX	Xăng dầu	3%	1.916	5,6	39.700	41.100	4%	3,0%	7%	MUA	13/10/25	20,6	17,2	20,7	1,9
F88	Tài chính TT	0%	672	0,5	160.000	168.000	5%	0,0%	5%	KQ	21/01/26	24,5	17,8	#N/A	7,2
DGW	Bán lẻ	30%	374	2,8	44.500	45.400	2%	1,1%	3%	PHTT	18/11/25	17,9	15,9	12,7	2,9
NVL	Bất động sản	42%	1.651	17,4	19.450	20.000	3%	0,0%	3%	MUA	01/10/25	22,6	108,6	19,7	1,0
VTP	GTVT	43%	456	1,8	69.400	69.000	-1%	2,2%	2%	PHTT	06/09/24	24,2	20,4	13,1	6,8
TPB	Ngân hàng	7%	1.717	5,6	16.300	15.800	-3%	0,0%	-3%	MUA	27/05/25	6,1	6,0	11,2	1,1
GVR	Công nghiệp	12%	5.067	4,1	33.350	30.500	-9%	1,2%	-7%	KQ	31/12/25	23,7	21,8	15,2	2,4
NKG	VLXD	45%	246	2,6	14.450	13.100	-9%	0,0%	-9%	PHTT	18/04/25	32,8	11,2	13,9	0,9
HSG	VLXD	41%	373	2,4	15.800	13.500	-15%	3,2%	-11%	PHTT	18/04/25	15,7	16,7	13,9	0,9
OIL	Dầu khí	1%	581	1,8	14.700	12.700	-14%	0,7%	-13%	KQ	17/10/25	35,9	32,5	20,7	1,5
LPB	Ngân hàng	4%	5.253	3,3	46.300	39.300	-15%	2,2%	-13%	KKQ	18/11/25	12,2	12,8	11,2	2,8
VHM	Bất động sản	39%	22.029	35,8	141.200	122.600	-13%	0,0%	-13%	KQ	30/03/26	13,8	13,4	19,7	2,4
STB	Ngân hàng	9%	4.647	21,0	64.900	55.400	-15%	0,0%	-15%	KQ	08/12/25	20,6	10,5	11,2	2,0
BVH	Bảo hiểm	22%	2.024	2,3	71.800	56.900	-21%	1,3%	-19%	KQ	26/05/25	18,0	17,0	13,2	2,2
VJC	Hàng không	18%	4.056	14,6	180.500	114.000	-37%	0,0%	-37%	KQ	15/03/24	50,3	20,2	19,0	4,3
VIC	Bất động sản	40%	62.080	39,6	212.100	101.600	-52%	0,0%	-52%	BÁN	30/03/26	139,6	144,1	19,7	11,1

Nguồn: Fiinpro, Vietcap (phân loại ngành của Vietcap; khuyến nghị của chuyên viên phân tích được công bố trong báo cáo cập nhật gần nhất), KQ: KHẢ QUAN, PHTT; PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG, KKQ: KÉM KHẢ QUAN, KĐG: KHÔNG ĐÁNH GIÁ. *P/E trượt của ngành dựa trên phân loại của ICB, có thể khác với phân loại ngành của Vietcap

Thống kê Danh mục khuyến nghị của Vietcap

					Trung bình cộng					Trung bình				Lợi suất cổ tức trung bình
	# Công ty	Tổng GT vốn hóa (tr USD)	GT vốn hóa trung bình (tr USD)	# Công ty trong VN30	P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	Giá mục tiêu/ EPS 2025	P/B hiện tại	P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	P/B hiện tại	
MUA	52	137.778	2.650	18	14,9	11,8	10,0	15,0	1,8	22,6	17,6	14,6	2,0	2,9%
KHẢ QUAN	20	51.169	2.558	7	17,2	14,9	13,0	14,2	2,3	24,6	19,4	14,7	2,7	1,6%
PHÙ HỢP TT	10	21.677	2.168	0	19,2	17,0	12,1	19,4	2,7	29,4	18,9	13,5	3,2	4,3%
KÉM KHẢ QUAN	1	5.253	5.253	0	15,0	12,2	12,8	10,4	2,8	15,0	12,2	12,8	2,8	2,2%
BÁN	1	62.080	62.080	1	132,6	139,6	144,1	66,9	11,1	132,6	139,6	144,1	11,1	0,0%
TỔNG CỘNG	84	277.957	3.309	26	19,6	16,1	13,7	16,4	2,4	25,1	19,6	16,0	2,4	2,7%

					Trung bình cộng					Trung bình				Lợi suất cổ tức trung bình
	# Công ty	Tổng GT vốn hóa (tr USD)	GT vốn hóa trung bình (tr USD)	# Công ty trong VN30	P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	Giá mục tiêu/ EPS 2025	P/B hiện tại	P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	P/B hiện tại	
Ngân hàng	12	89.799	7.483	11	11,9	10,3	8,6	12,4	1,7	11,3	10,4	8,4	1,7	1,0%
Bảo hiểm	2	2.110	1.055	1	23,6	17,4	15,9	14,3	2,0	17,7	14,0	11,5	1,5	2,3%
Chứng khoán	1	2.621	2.621	1	22,2	14,0	15,1	20,6	1,8	22,2	14,0	15,1	1,8	3,6%
Tài chính thay thế	1	672	672	0	50,2	24,5	17,8	25,7	7,2	50,2	24,5	17,8	7,2	0,0%
Tiêu dùng	13	28.972	2.229	4	18,6	16,2	15,2	19,6	3,6	24,1	16,5	14,5	3,6	4,8%
CNTT	1	4.749	4.749	1	17,2	14,5	12,9	23,0	3,4	17,2	14,5	12,9	3,4	3,1%
Bất động sản	9	90.778	10.086	2	58,1	36,8	37,6	23,1	4,5	39,7	35,8	46,2	2,4	0,2%
Vật liệu	4	9.209	2.302	1	17,7	14,3	10,2	18,3	1,6	15,3	18,2	11,7	1,8	4,0%
Điện & Nước	12	6.362	530	1	21,8	14,1	13,2	18,2	1,5	29,3	17,1	13,5	1,6	3,1%
Dầu khí	10	17.833	1.783	2	25,6	18,6	11,5	21,6	2,1	37,2	30,7	13,6	1,7	2,8%
Công nghiệp	5	1.317	263	0	8,8	7,9	7,4	12,2	1,3	14,5	14,4	8,3	1,3	3,7%
Khu công nghiệp	7	8.750	1.250	1	24,9	17,6	15,1	18,7	2,1	25,8	15,3	12,6	2,2	2,8%
GTVT & Logistics	7	14.784	2.112	1	14,7	16,6	13,3	18,0	3,3	20,1	19,8	13,6	5,2	3,0%
TỔNG CỘNG	84	277.957	3.309	26	19,6	16,1	13,7	16,4	2,4	25,1	19,6	16,0	2,4	2,7%

Nguồn: Fiinpro, Vietcap
 Ghi chú: P/E dự phóng dựa theo dự báo của Vietcap
 *FPT được phân loại lại từ nhóm Tiêu dùng sang CNTT

Cập nhật KQKD Q1 2026 – Các cổ phiếu Vietcap theo dõi

Mã	Tăng trưởng EPS Q1 2026 so với cùng kỳ	Tăng trưởng EPS 2026F	Khuyến nghị cũ	Khuyến nghị mới	Nhận xét
Ngân hàng					
ACB				MUA	
BID				MUA	
CTG				MUA	
HDB				KQ	
LPB				BÁN	
MBB				MUA	
STB				MUA	
TCB				MUA	
TPB				MUA	
VCB				MUA	
VIB				KQ	
VPB				MUA	
ĐCTC phi ngân hàng					
BMI				MUA	
BVH				KQ	
SSI				MUA	
F88				KQ	
Tiêu dùng					
CTR		14%		KQ	
DGW				PHTT	
FPT				MUA	
FRT				MUA	
MSN (2)				MUA	
MCH				PHTT	
MWG				MUA	
PNJ				MUA	
QNS				KQ	
SAB		5%		MUA	
TLG		20%		MUA	
VEA		-3%		PHTT	
VHC		30%		MUA	
VNM				MUA	
GTVT & Logistics					
ACV		4%		PHTT	
AST		6%		MUA	
GMD (2)		31%		MUA	
HVN		19%		PHTT	

SCS		-6%	PHTT	
VJC		N.A	KQ	
VTP		19%	PHTT	
Bất động sản				
DXG		-4%	MUA	
DXS		7%	MUA	
HDC		-51%	KQ	
NVL		-79%	MUA	
KDH		59%	MUA	
NLG		-20%	MUA	
VHM		3%	KQ	
VIC		-3%	BÁN	
VRE		-15%	KQ	
Khu công nghiệp				
GVR		9%	KQ	
IDC		4%	MUA	
KBC		39%	MUA	
PHR		103%	MUA	
SIP		4%	MUA	
SZC	-86%	11%	KQ	Lợi nhuận giảm mạnh do thay đổi phương pháp kế toán; dòng tiền từ KCN vẫn ổn định trong quý 1
Vật liệu & Công nghiệp				
ACG (2)		26%	MUA	
BMP		15%	MUA	
DGC		23%	MUA	
DHC		3%	MUA	
HPG		41%	MUA	
HSG (1)		-5%	PHTT	
NKG		202%	PHTT	
PTB		-19%	KQ	
STK		231%	KQ	
Điện & Nước				
BWE (2)		9%	MUA	
GEX			MUA	
HDG			KQ	
NT2	395%	-16%	MUA	LNST dự kiến tăng khoảng 5 lần YoY từ nền thấp của quý 1/2025; rủi ro điều chỉnh giảm nhẹ
PC1		12%	MUA	
POW		-1%	MUA	
PPC		99%	KQ	
QTP		-35%	MUA	
REE		17%	MUA	

TDM (2)	-61%	8%	KQ	LNST từ hoạt động sản xuất nước trong quý 1 năm 2026 đạt 17% dự báo cả năm, có rủi ro giảm nhẹ đối với dự báo lợi nhuận
TV2	91%	184%	MUA	
DPG		65%	MUA	
VGC			MUA	
Dầu khí				
BSR		215%	PHTT	
DCM (2)		55%	MUA	
DPM		70%	PHTT	
GAS			MUA	
OIL (2)			KQ	
PLX (2)			MUA	
PLC			MUA	
PVD (2)		55%	MUA	
PVS (2)		10%	MUA	
PVT (2)		49%	MUA	

(*) Ghi chú: Chúng tôi sẽ cập nhật kết quả của từng công ty khi KQKD được công bố. (1) Năm tài chính của HSG bắt đầu từ ngày 01/10 đến ngày 30/09. Do đó KQKD quá khứ trên là tăng trưởng của EPS quý 2 năm tài chính 2026. (2) Dựa trên LN cốt lõi, không bao gồm các khoản bất thường.

Sàn GDCK TPHCM (HSX)

	Điểm	Δ
VNIndex	1.875,8	22,6
VN 30	2.041,4	30,0
VN Mid	2.182,1	-24,4
VNSmall	1.402,2	-6,5

Sàn GDCK Hà Nội (HNX)

	Điểm	Δ
HNXINDEX	249,4	-2,5
HNX30	522,0	-5,3
VNX Allshare	3.035,3	32,2

Sàn Upcom (UPCOM)

	Điểm	Δ
UpCom	127,7	0,1

Giao dịch	GTGD (Tỷ đồng)	% trong GTGD
Thỏa thuận	1.387,4	7,1%
Khối ngoại mua	2.795,2	14,4%
Khối ngoại bán	3.328,4	17,1%
Tổng giao dịch	19.444,6	

Giao dịch	GTGD (Tỷ đồng)	% trong GTGD
Thỏa thuận	412,6	36,2%
Khối ngoại mua	26,6	2,3%
Khối ngoại bán	44,0	3,9%
Tổng giao dịch	1.140,7	

Giao dịch	GTGD (Tỷ đồng)	% trong GTGD
Thỏa thuận	281,3	41,7%
Khối ngoại mua	17,7	2,6%
Khối ngoại bán	19,0	2,8%
Tổng giao dịch	674,2	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
VHM	9.800	6,9%
VRE	2.000	6,9%
ITC	800	6,8%
VIC	13.400	6,3%
HTN	500	6,3%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
HTC	3.300	9,9%
AAV	600	8,3%
TIG	100	1,5%
L14	300	1,2%
CAP	400	0,9%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
TID	2.656	14,7%
BCA	1.752	9,1%
IDP	8.300	3,1%
F88	4.798	3,0%
HNG	199	2,9%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
VVS	-9.000	-7,0%
KDC	-3.100	-6,9%
PLX	-2.750	-6,9%
PVT	-1.600	-6,9%
PC1	-1.550	-6,9%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
PVC	-1.300	-8,2%
PVS	-1.900	-5,0%
NAG	-300	-3,3%
PVB	-900	-3,3%
KSV	-4.200	-2,7%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
MSR	-1.916	-4,7%
VIW	-2.044	-4,6%
OIL	-640	-4,3%
DDV	-622	-2,4%
TV1	-643	-2,3%

(*) GT vốn hóa > 500 tỷ đồng VND, Giá trị GD > 1.5 tỷ đồng

GTGD cao nhất	Tỷ đồng
VHM	1.404
VIC	1.192
SHB	862
NVL	845
FPT	725

GTGD cao nhất	Tỷ đồng
SHS	468
PVS	155
CEO	119
IDC	67
VC3	42

GTGD cao nhất	Tỷ đồng
TID	228
MSR	78
HNG	65
VGI	44
OIL	44

Cổ phiếu KLGD nhiều nhất*	Giao dịch hôm nay	Giá trị trung bình 30 ngày
VNE	1.842.089	315.003
TDH	772.187	149.493
PVP	2.434.640	585.486
PLP	229.728	82.989
VPH	181.904	67.315
VRE	16.483.239	6.592.818
FIR	528.900	215.114
GSP	213.848	97.162
HTN	574.928	266.445
IDI	992.896	463.327

Cổ phiếu KLGD nhiều nhất*	Giao dịch hôm nay	Giá trị trung bình 30 ngày
VHE	707.113	165.206
MBG	552.958	193.312
BNA	259.852	101.392
HDA	132.400	58.926
PVB	210.254	104.233
IVS	153.961	79.970
LIG	286.355	152.527
L40	125.600	67.561
THT	96.658	53.223
NAG	251.235	151.006

Cổ phiếu KLGD nhiều nhất*	Giao dịch hôm nay	Giá trị trung bình 30 ngày
KVC	740.960	127.183
VHG	693.867	149.812
VIW	313.103	103.354
DRI	1.246.188	596.520
QNS	171.665	107.030
F88	134.909	86.231
AAH	978.736	641.146
VTD	403.065	274.369
DGT	116.100	82.182
BCA	78.155	57.764

(*) Có ít nhất 50.000 cổ phiếu giao dịch trong phiên hôm nay

Top 5 mã vốn hóa lớn nhất của mỗi ngành

Dịch vụ tài chính **

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	2.756,4		13,7	2,1	11,8
TCX	4.483,3	90,2	19,2	2,6	15,5
VCK	3.206,9	95,6	19,4	2,8	19,3
SSI	2.614,3	68,0	12,8	1,7	12,2
VPX	1.957,1	95,1	12,2	1,5	5,2
VIX	1.520,6	92,0	4,9	1,9	6,9

Bảo hiểm

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	630,3		12,9	1,6	11,6
BVH	2.000,4	21,8	18,6	2,2	8,7
PVI	664,1	43,3	15,9	2,1	11,5
BIC	187,9	7,9	9,1	1,5	16,8
VNR	157,6	22,7	9,5	1,0	8,2
MIG	141,3	84,0	11,4	1,4	12,9

Công nghiệp

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	2.792,1		19,5	3,7	16,9
ACV	6.037,5	47,0	14,7	2,3	16,3
GEE	2.458,8	49,2	19,9	8,1	19,8
MVN	2.449,6	0,0	33,2	4,6	17,3
VEA	1.679,1	47,6	6,2	1,7	23,1
GEX	1.335,8	42,8	23,8	2,0	8,1

Hàng tiêu dùng

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	3.923,7		17,7	4,6	20,6
MCH	6.853,8	84,5	26,1	10,5	31,7
VNM	4.854,6	51,1	13,6	4,2	29,7
MSN	4.247,7	75,5	23,7	3,1	4,7
SAB	2.361,0	41,5	12,9	2,8	17,6
PNJ	1.301,3	0,2	12,1	2,6	19,4

Dầu khí

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	1.626,2		20,0	1,5	6,2
BSR	4.447,2	47,5	22,5	1,9	5,2
PLX	1.781,9	5,7	17,6	1,8	11,5
PVS	702,7	33,1	10,0	1,2	7,0
PVD	643,5	38,2	16,3	1,0	4,5
OIL	555,8	6,3	33,7	1,4	2,8

Tiện ích

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	2.239,7		14,3	2,1	8,5
GAS	6.731,4	46,8	15,3	2,6	17,1
POW	1.473,0	47,0	14,9	1,1	4,4
REE	1.233,5	0,0	12,9	1,6	10,3
PGV	1.023,4	50,0	7,3	1,5	-2,5
DNH	737,5	0,0	21,2	3,8	13,3

Bất động sản

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	19.473,0		39,9	4,6	11,5
VIC	65.954,8	44,7	153,6	11,8	7,4
VHM	23.540,4	42,0	14,8	2,6	10,9
KSF	3.107,8	50,0	5,1	4,8	13,9
VRE	2.656,4	37,0	10,2	1,4	10,4
BCM	2.105,6	33,0	15,9	2,4	14,9

Ngân hàng

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	11.550,9		9,7	1,6	16,1
VCB	18.964,9	9,8	14,2	2,2	19,4
BID	11.094,0	13,4	9,1	1,6	18,5
CTG	10.258,8	4,7	7,8	1,5	16,3
TCB	9.306,0	0,0	9,4	1,4	16,5
VPB	8.130,6	5,4	8,2	1,2	9,7

Dịch vụ tiêu dùng

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	3.624,0		48,5	6,0	-0,2
VPL	5.737,9	47,3	137,1	4,1	0,0
MWG	4.770,8	0,0	17,9	3,9	11,7
VJC	4.012,6	23,6	47,9	4,3	9,4
HVN	2.645,4	21,7	7,7	11,8	-28,5
FRT	953,4	16,9	31,6	6,0	6,3

Vật liệu cơ bản

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	3.923,7		17,7	4,6	20,6
HPG	6.853,8	26,3	26,1	10,5	31,7
GVR	4.854,6	12,4	13,6	4,2	29,7
MSR	4.247,7	99,9	23,7	3,1	4,7
KSV	2.361,0	0,0	12,9	2,8	17,6
DCM	1.301,3	39,5	12,1	2,6	19,4

Y tế

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	1.626,2		20,0	1,5	6,2
DHG	4.447,2	46,0	22,5	1,9	5,2
IMP	1.781,9	27,1	17,6	1,8	11,5
DHT	702,7	9,2	10,0	1,2	7,0
DVN	643,5	0,0	16,3	1,0	4,5
DBD	555,8	84,6	33,7	1,4	2,8

Công nghệ

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	2.239,7		14,3	2,1	8,5
FPT	6.731,4	17,4	15,3	2,6	17,1
CMG	1.473,0	12,7	14,9	1,1	4,4
SAM	1.233,5	48,5	12,9	1,6	10,3
SGT	1.023,4	-5,5	7,3	1,5	-2,5
ELC	737,5	46,9	21,2	3,8	13,3

Nguồn: Fiinpro, Vietcap

* Phân ngành theo ICB, GT vốn hóa (triệu USD), FOL còn lại (%)

** ngoại trừ ngân hàng

Diễn biến hằng ngày theo ngành

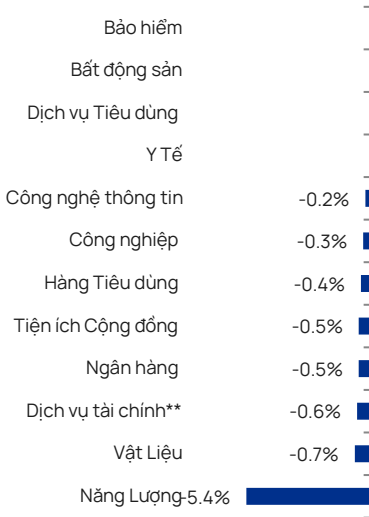
Sàn giao dịch chứng khoán
Tp. Hồ Chí Minh (HSX)



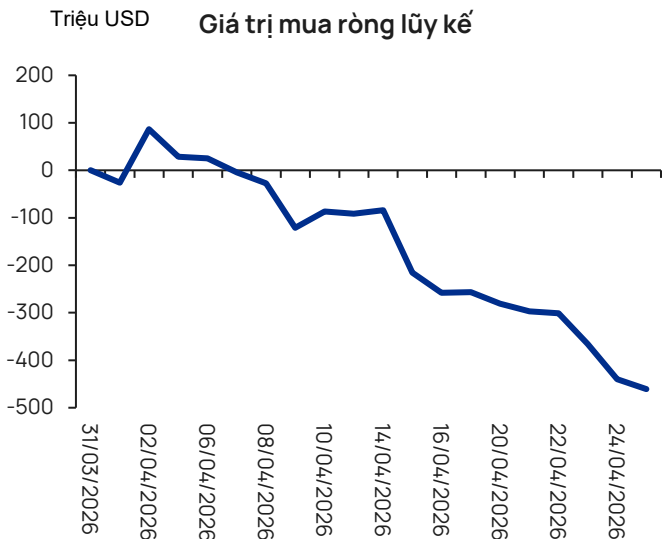
Sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX)



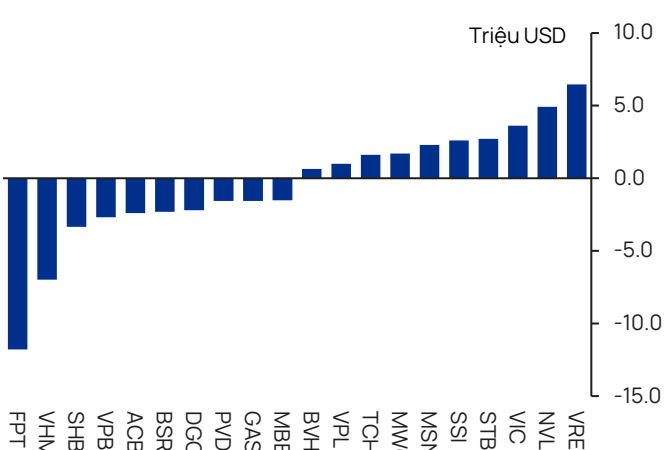
Sàn giao dịch chứng khoán
Tp. Hồ Chí Minh và Hà Nội (HSX+HNX)



GTGD của khối ngoại cộng dồn trong 20 ngày
(HSX, HNX, UPCOM)



Các mã khối ngoại mua ròng và bán ròng cao nhất nhất
(HSX, HNX, UPCOM) trong ngày

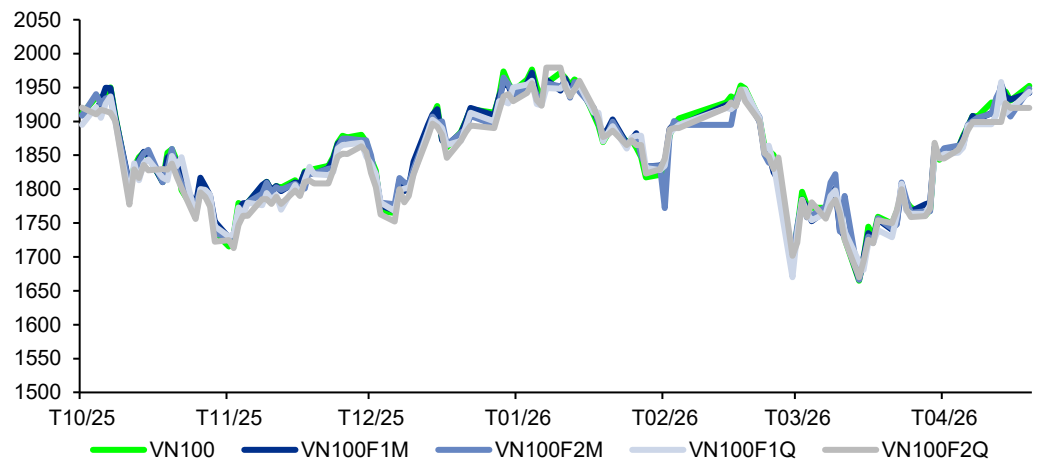
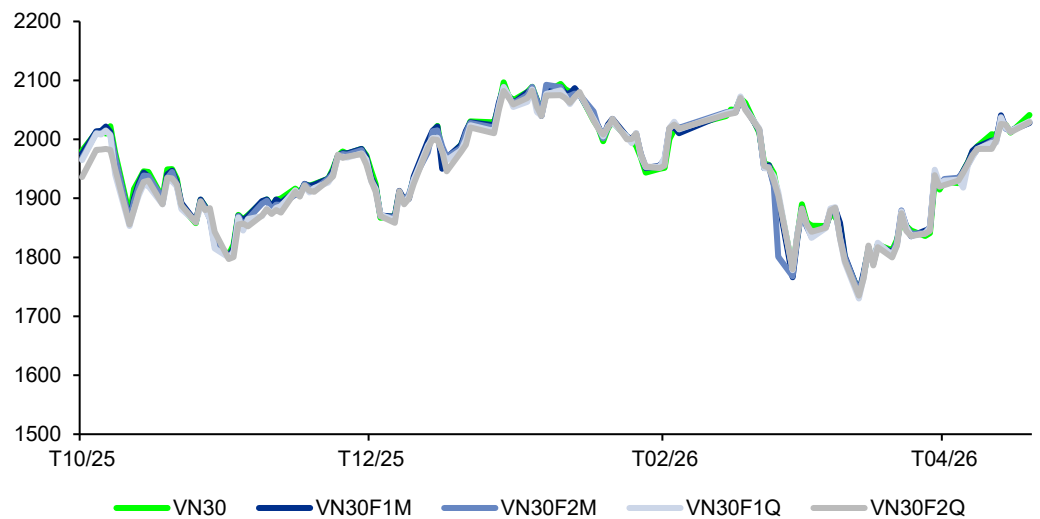


Nguồn: HSX, HNX, Fiinpro
** ngoại trừ ngân hàng

Giao dịch Phái sinh

Hợp đồng	Giá	Net Δ	% Δ	Chênh lệch
VN30F1M	2.028,0	13,0	0,6%	-13,4
VN30F2M	2.029,5	14,9	0,7%	-11,9
VN30F1Q	2.030,7	16,7	0,8%	-10,7
VN30F2Q	2.029,0	17,0	0,8%	-12,4
VN100F1M	1.942,1	10,1	0,5%	-10,6
VN100F2M	1.948,0	40,9	2,1%	-4,7
VN100F1Q	1.943,5	25,5	1,3%	-9,2
VN100F2Q	1.920,0	0,0	0,0%	-32,7

Hợp đồng	Khối lượng	% Δ	KL giao dịch	%Δ
VN30F1M	35.186	7,8%	252,36	-2,7%
VN30F2M	1.587	2,7%	0,23	-14,4%
VN30F1Q	315	0,0%	0,01	-71,4%
VN30F2Q	32	39,1%	0,01	-16,7%
VN100F1M	28	21,7%	0,12	85,5%
VN100F2M	21	16,7%	0,01	200,0%
VN100F1Q	17	6,3%	0,01	40,0%
VN100F2Q	3	0,0%	0,00	-100,0%

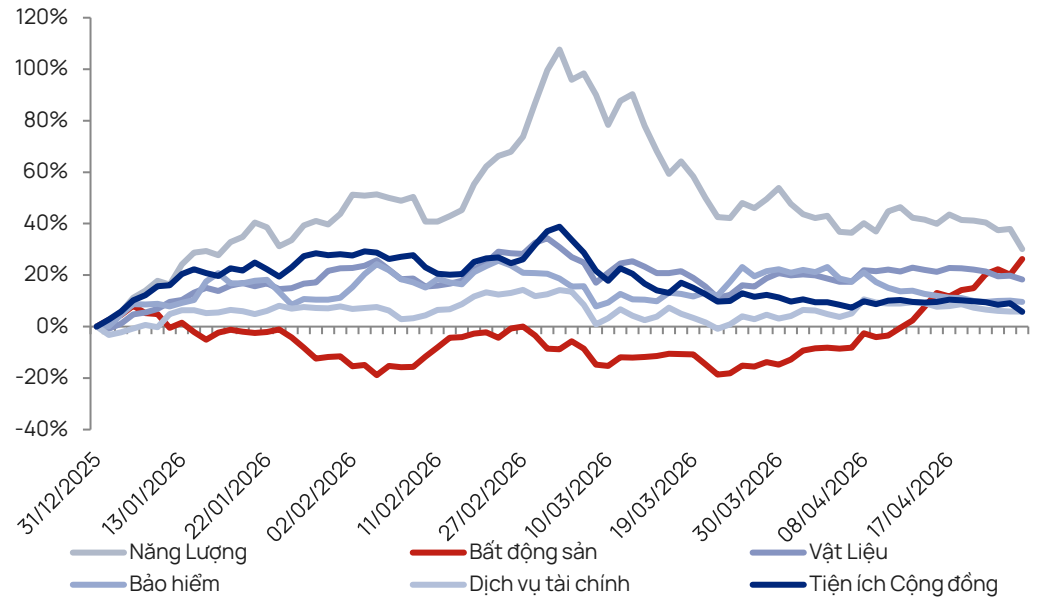


Nguồn: Fiinpro, Vietcap

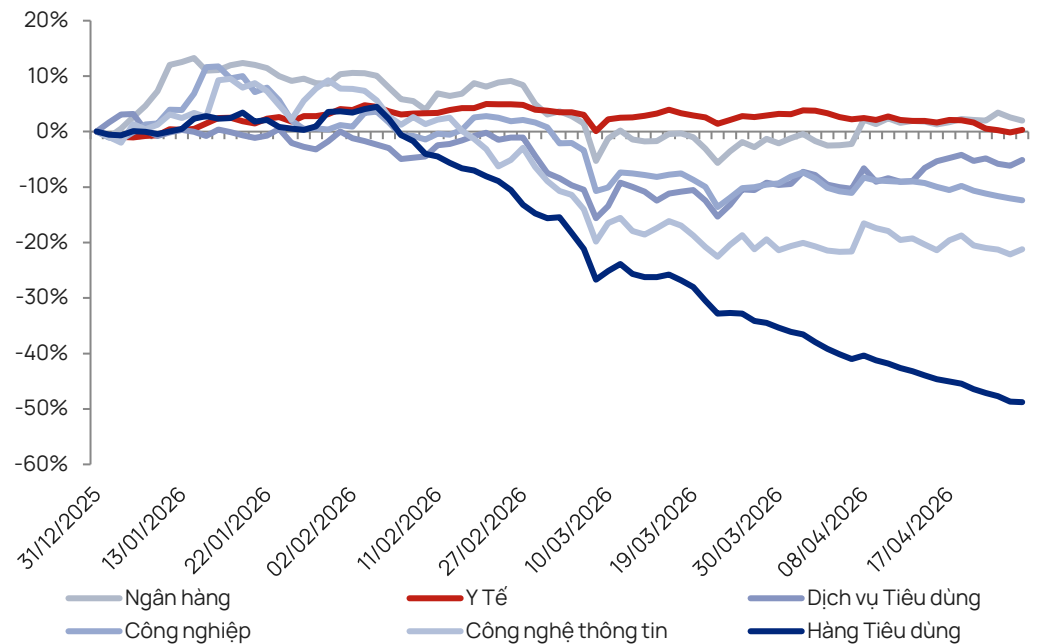
Ghi chú: F1M = hợp đồng đáo hạn trong 1 tháng
F2M = hợp đồng đáo hạn trong 2 tháng
F1Q = hợp đồng đáo hạn trong 1 quý
F2Q = hợp đồng đáo hạn trong 2 quý

Diễn biến theo ngành có trọng số YTD trên sàn 3 sàn

6 nhóm ngành tích cực nhất*



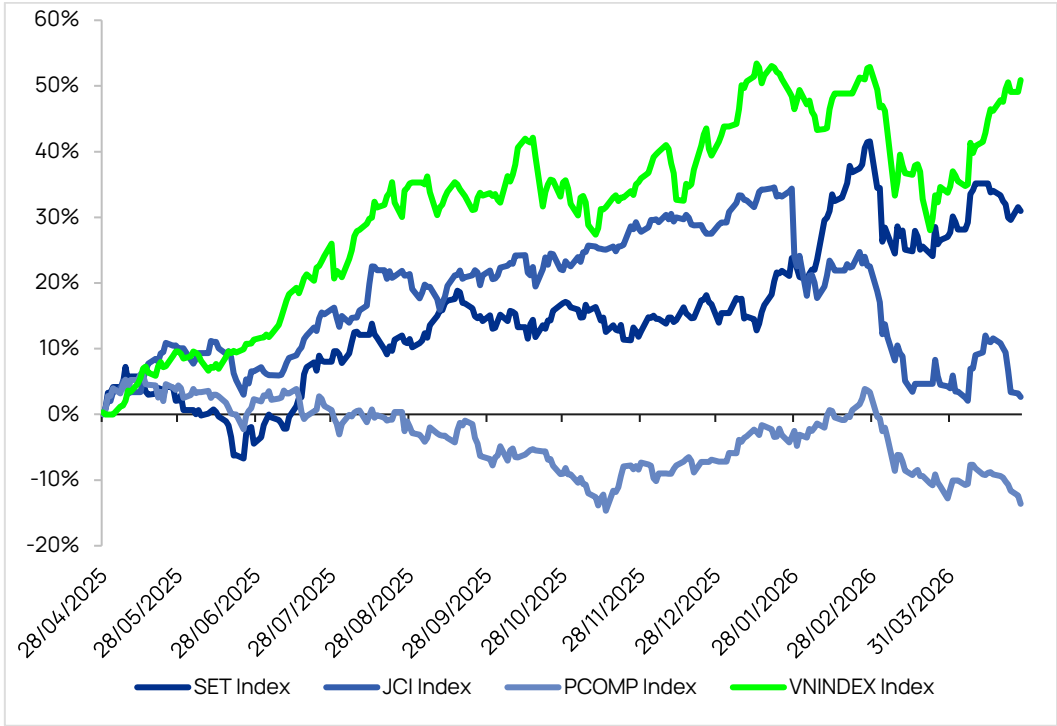
6 nhóm ngành kém tích cực nhất*



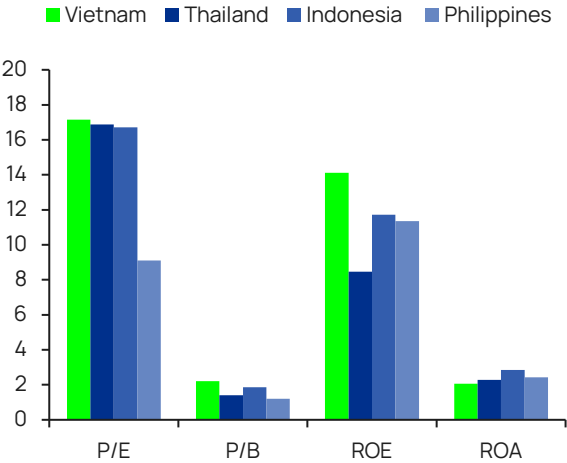
Nguồn: Fiinpro, Vietcap

* Phân ngành theo ICB

Diễn biến các thị trường trong khu vực



Ghi chú: dựa theo giá trị đồng tiền của các quốc gia tương ứng



	Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
	SET Index	JCI Index	PCOMP Index	VN- Index
P/E	16,9	16,7	9,1	17,2
P/B	1,4	1,9	1,2	2,2
ROE (%)	8,5	11,7	11,4	14,1
ROA (%)	2,3	2,9	2,4	2,1
Giá trị vốn hóa, tỷ USD	567,3	731,1	142,5	330,7
GTGD trung bình, tr USD	1.384,8	1.129,6	82,4	1.029,3
Mua ròng khối ngoại - YTD, tr USD	554,1	-2.647,1	-68,5	-1.581,0
Mua ròng khối ngoại - 5 ngày, tr USD	(69,6)	(339,3)	(54,0)	(149,5)
Lợi suất TPCP 5 năm	1,62%	6,65%	6,38%	4,06%

Nguồn: Bloomberg, Vietcap

Ghi chú: Nếu tỷ lệ P/E, ROE, ROA là N/A, cột P/E, ROE, ROA tương ứng sẽ không thể hiện

Dữ liệu P/E sử dụng lợi nhuận pha loãng

Liên hệ

CTCP Chứng khoán Vietcap (Vietcap)

www.vietcap.com.vn

Trụ sở chính (1): Bitexco

Tháp tài chính Bitexco, tầng 15,
Số 2 Hải Triều, Phường Sài Gòn, Tp. HCM
+84 28 3914 3588

Trụ sở chính (2): Nguyễn Huệ

Tòa nhà Vinatex, Tầng 3, Số 10 Nguyễn Huệ,
Phường Sài Gòn, TP. HCM
+84 28 8882 6868

Phòng giao dịch Hàm Nghi

Tòa nhà Doji, tầng 16, số 81-83-83B-85 Hàm Nghi,
Phường Sài Gòn, Tp. HCM
+84 28 8882 6868

Chi nhánh Hà Nội

109 Trần Hưng Đạo, tầng 6
Phường Cửa Nam, Tp. Hà Nội
+84 24 6262 6999

Phòng giao dịch Mỹ Đình

SAP.A09 Tòa A – Chung cư cao tầng HH2-1 (The Matrix One)
Phường Từ Liêm, Tp. Hà Nội (Số 1 Lê Quang Đạo)
+84 28 8882 6868

Phòng Nghiên cứu và Phân tích

Research Team: +84 28 3914 3588
research@vietcap.com.vn

Hoàng Nam
Giám đốc, ext 124
nam.hoang@vietcap.com.vn

Ngân hàng, Chứng khoán và Bảo hiểm

Huỳnh Thị Hồng Ngọc,
Trưởng phòng, ext 138
- Vũ Thế Quân, Phó Trưởng phòng, ext 364
- Hồ Thu Nga, Chuyên viên, ext 516

Vĩ mô
Hoàng Thúy Lương
Trưởng phòng cao cấp, ext 368
- Đào Minh Quang, Chuyên viên, ext 365

Hàng tiêu dùng

Hoàng Nam
Giám đốc, ext 124
- Bùi Xuân Vĩnh, Chuyên viên cao cấp, ext 584
- Lý Phúc Thanh Ngân, Chuyên viên cao cấp, ext 532
- Nguyễn Thảo Nguyên, Chuyên viên, ext 268

Dầu khí, Điện và Nước

Đinh Thị Thùy Dương
Phó Giám đốc, ext 140
- Dương Tấn Phước, Chuyên viên, ext 135
- Đỗ Công Anh Tuấn, Chuyên viên cao cấp, ext 181
- Phạm Phú Lộc, Chuyên viên, ext 549

Bất động sản

Lưu Bích Hồng
Trưởng phòng cao cấp, ext 120
- Phạm Nhật Anh, Chuyên viên cao cấp, ext 149
- Thân Như Đoàn Thực, Chuyên viên cao cấp, ext 174

Công nghiệp và Cơ sở hạ tầng

Nguyễn Thảo Vy
Trưởng phòng cao cấp, ext 147
- Nguyễn Thị Ngọc Hân, Chuyên viên, ext 191
- Hoàng Gia Huy, Chuyên viên, ext 526

Khách hàng cá nhân

Vũ Minh Đức - Phó Giám đốc, ext 363
- Nguyễn Quốc Nhật Trung, Trưởng phòng, ext 129
- Tống Hoàng Trâm Anh, Phó Trưởng phòng, ext 366
- Lê Hải Đăng, Chuyên viên, ext 570
- Võ Phan Hồng Kiệt, Chuyên viên, ext 470

Phòng Tư Vấn Đầu Tư và Phòng Giao dịch Chứng khoán – Khách hàng tổ chức

Anthony Le
Giám đốc
Phòng Giao dịch Chứng khoán – Khách hàng tổ chức
+84 28 3914 3588, ext 525
anthony.le@vietcap.com.vn

Châu Thiên Trúc Quỳnh
Giám đốc điều hành
Phòng Tư Vấn Đầu Tư
+84 28 3914 3588, ext 222
quynh.chau@vietcap.com.vn

Hệ thống khuyến nghị của Vietcap

Phương pháp định giá và Hệ thống khuyến nghị của Vietcap

Nội dung chính trong hệ thống khuyến nghị: Khuyến nghị được đưa ra dựa trên mức tăng/giảm tuyệt đối của giá cổ phiếu để đạt đến giá mục tiêu, được xác định bằng công thức (giá mục tiêu - giá hiện tại) / giá hiện tại và không liên quan đến hoạt động thị trường. Công thức này được áp dụng từ ngày 1/1/2014.

Các khuyến nghị	Định nghĩa
MUA	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ trên 20%
KHẢ QUAN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ dương từ 10%-20%
PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ dao động giữa âm 10% và dương 10%
KÉM KHẢ QUAN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ âm từ 10-20%
BÁN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ âm trên 20%
KHÔNG ĐÁNH GIÁ	Bộ phận nghiên cứu đang hoặc có thể sẽ nghiên cứu cổ phiếu này nhưng không đưa ra khuyến nghị hay giá mục tiêu vì lý do tự nguyện hoặc chỉ để tuân thủ các quy định của luật và/hoặc chính sách công ty trong trường hợp nhất định, bao gồm khi Vietcap đang thực hiện dịch vụ tư vấn trong giao dịch sáp nhập hoặc chiến lược có liên quan đến công ty đó.
KHUYẾN NGHỊ TẠM HOÃN	Hình thức đánh giá này xảy ra khi chưa có đầy đủ thông tin cơ sở để xác định khuyến nghị đầu tư hoặc giá mục tiêu. Khuyến nghị đầu tư hoặc giá mục tiêu trước đó, nếu có, không còn hiệu lực đối với cổ phiếu này.

Trừ khi có khuyến cáo khác, những khuyến nghị đầu tư chỉ có giá trị trong vòng 12 tháng. Những biến động giá trong tương lai có thể làm cho các khuyến nghị tạm thời không khớp với mức chênh lệch giữa giá thị trường của cổ phiếu và giá mục tiêu nên việc diễn giải các khuyến nghị đầu tư cần được thực hiện một cách linh hoạt.

Rủi ro: Tình hình hoạt động trong quá khứ không nhất thiết sẽ diễn ra tương tự cho các kết quả trong tương lai. Tỷ giá ngoại tệ có thể ảnh hưởng bất lợi đến giá trị, giá hoặc lợi nhuận của bất kỳ chứng khoán hay công cụ tài chính nào có liên quan được nói đến trong báo cáo này. Để được tư vấn đầu tư, thực hiện giao dịch hoặc các yêu cầu khác, khách hàng nên liên hệ với đơn vị đại diện kinh doanh của khu vực để được giải đáp.

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap, Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố, Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này, Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành, Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước, Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này, Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt, Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap, Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.